

TỰ HỌC VÀ TRA CỨU

KẾ TOÁN THỰC HÀNH TỪ A ĐẾN Z

Dành cho người mới vào nghề đến người đã có kinh nghiệm · Cập nhật quy định 2026

Practical Accounting from A to Z — for beginners and working accountants

Tổng quan nghề · Con đường vào nghề · Kiến thức nền · Công việc hằng ngày đến cuối năm
· Công cụ, phần mềm · Văn bản pháp luật · Lỗi hay gặp · 90 ngày đầu · Lộ trình, lương ·
Tìm việc, phỏng vấn

Cập nhật Thông tư 99/2025/TT-BTC và các luật thuế hiệu lực năm 2026

Song ngữ Việt – Anh · Vietnamese – English

Phiên bản 1.0 — Tháng 10 năm 2026

<https://globalmarket.vn>

M U C L U C

CONTENTS

Chương 1. Tổng quan nghề kế toán — Chapter 1. The accounting profession at a glance	6
1.1. Kế toán làm những việc gì — <i>What accountants actually do</i>	6
1.2. Kế toán tài chính, quản trị, tổng hợp và chi tiết — <i>Financial, management, general ledger and subsidiary ledger accounting</i>	9
1.3. Nơi người làm kế toán làm việc — <i>Where accountants work</i>	11
1.4. Các vị trí trong phòng kế toán — <i>Roles in an accounting department</i>	13
1.5. Bộ máy kế toán của Hoàng Lâm — <i>The accounting team at Hoàng Lâm</i>	17
1.6. Một ngày làm việc của Minh Thu — <i>A day in the life of Minh Thu</i>	19
1.7. Quan hệ với phòng ban và bên ngoài — <i>Working with other departments and outside bodies</i>	21
1.8. Điều cấm, điều kiện và người không được làm kế toán — <i>Prohibited acts, requirements and who may not work as an accountant</i>	24
1.9. Đạo đức nghề nghiệp — <i>Professional ethics</i>	29
1.10. Phần mềm và AI: máy làm gì, người làm gì — <i>Software and AI: what machines do and what people do</i>	31
1.11. Việc cần làm ngay — <i>Action checklist</i>	33
Chương 2. Con đường vào nghề kế toán — Chapter 2. Getting into accounting	35
2.1. Bằng cấp, ngành học và vị trí đầu tiên — <i>Qualifications, fields of study and your first post</i>	35
2.2. Người trái ngành vào nghề bằng đường nào — <i>Career changers: routes into the profession</i>	37
2.3. Chứng chỉ trong nước — <i>Domestic professional certificates</i>	39
2.4. Điều kiện làm kế toán trưởng — <i>Conditions for becoming chief accountant</i>	43
2.5. Chứng chỉ quốc tế — <i>International qualifications</i>	45
2.6. Khi nào nên học chứng chỉ nào — <i>Which qualification, and when</i>	47
2.7. Kỹ năng cần có trước khi nhận việc — <i>Skills to have before you start</i>	48
2.8. Lộ trình tự học 24 tuần cho người trái ngành — <i>A 24-week self-study plan for career changers</i>	51
2.9. Thực tập: xin ở đâu, làm gì để được giữ lại — <i>Internships: where to apply and how to be kept on</i>	55
2.10. Việc cần làm ngay — <i>Action checklist</i>	57
Chương 3. Kiến thức nền cốt lõi — Chapter 3. Core knowledge	58
3.1. Phương trình kế toán và số dư đầu kỳ của Hoàng Lâm — <i>The accounting equation and Hoàng Lâm's opening balances</i>	58
3.2. Hệ thống tài khoản theo Thông tư 99/2025/TT-BTC — <i>The chart of accounts under Circular 99/2025/TT-BTC</i>	61
3.3. Tài khoản người mới dùng hằng ngày — <i>Accounts a newcomer uses every day</i>	63

3.4. Từ Thông tư 200 sang Thông tư 99: những chỗ đã đổi — <i>From Circular 200 to Circular 99: what has changed</i>	66
3.5. Ghi sổ kép và định khoản — <i>Double entry and journal entries</i>	68
3.6. Chứng từ kế toán và hóa đơn — <i>Accounting documents and invoices</i>	72
3.7. Sổ kế toán, Nhật ký chung, khóa sổ và sửa sổ — <i>Ledgers, the general journal, closing and correcting the books</i>	77
3.8. Báo cáo tài chính theo Thông tư 99 — <i>Financial statements under Circular 99</i>	80
3.9. Các nguyên tắc kế toán qua tình huống Hoàng Lâm — <i>Accounting principles through Hoàng Lâm's cases</i>	84
3.10. Thuế người mới phải hiểu: GTGT, TNDN, TNCN — <i>Taxes a newcomer must understand: VAT, CIT, PIT</i>	85
3.11. Việc cần làm ngay — <i>Action checklist</i>	91
Chương 4. Công việc của kế toán hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng — Chapter 4. An accountant's daily, weekly and monthly work	93
4.1. Lịch công việc kế toán theo ngày, tuần, tháng, quý, năm — <i>4.1. The accounting calendar: daily, weekly, monthly, quarterly, annual</i>	93
4.2. Quy trình mua hàng, nhập kho, thanh toán — <i>4.2. Purchasing, receiving and paying</i>	98
4.3. Quy trình bán hàng, xuất hóa đơn, thu tiền — <i>4.3. Selling, invoicing and collecting</i>	103
4.4. Thu, chi tiền mặt và tiền gửi ngân hàng — <i>4.4. Cash and bank receipts and payments</i>	108
4.5. Quản lý kho hàng — <i>4.5. Warehouse management</i>	112
4.6. Công nợ phải thu, phải trả — <i>4.6. Receivables and payables</i>	116
4.7. Tiền lương và các khoản trích theo lương — <i>4.7. Payroll and payroll-related contributions</i>	121
4.8. Khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí chờ phân bổ — <i>4.8. Depreciation and amortisation of prepayments</i>	128
4.9. Khóa sổ cuối tháng — <i>4.9. Month-end close</i>	132
4.10. Thuế hằng quý: GTGT, TNCN, TNDN tạm nộp — <i>4.10. Quarterly taxes: VAT, personal income tax, provisional corporate income tax</i>	137
4.11. Công việc cuối năm — <i>4.11. Year-end work</i>	141
4.12. Lịch thuế, báo cáo tài chính và bảo hiểm năm 2027 — <i>4.12. Tax, financial reporting and insurance calendar for 2027</i>	145
4.13. Việc cần làm ngay — <i>4.13. Action checklist</i>	147
Chương 5. Công cụ và phần mềm — Chapter 5. Tools and software	149
5.1. Excel trong phòng kế toán: việc nào giao cho Excel — <i>Excel in the accounts office: what belongs in Excel</i>	149
5.2. Mười ba hàm kế toán dùng nhiều nhất — <i>The thirteen functions accountants use most</i>	151
5.3. Bốn bảng đối chiếu của Hoàng Lâm — <i>Four reconciliation sheets for Hoàng Lâm</i>	153
5.4. PivotTable, Data Validation và lỗi Excel hay gặp — <i>PivotTable, Data Validation and common Excel errors</i>	158

5.5. Phần mềm kế toán: cách tổ chức và cách dùng — <i>Accounting software: how it is organised and used</i>	160
5.6. Hóa đơn điện tử và chữ ký số — <i>Electronic invoices and digital signatures</i>	165
5.7. Khai, nộp thuế và bảo hiểm xã hội bằng điện tử — <i>Filing and paying tax and social insurance electronically</i>	169
5.8. Ngân hàng điện tử: lập, duyệt và đối chiếu — <i>Electronic banking: prepare, approve and reconcile</i>	172
5.9. Lưu trữ chứng từ điện tử — <i>Storing electronic documents</i>	174
5.10. Bảo mật mật khẩu, tài khoản và chữ ký số — <i>Securing passwords, accounts and digital signatures</i>	176
5.11. Việc cần làm ngay — <i>Action checklist</i>	178

Chương 6. Văn bản pháp luật kế toán cần biết — Chapter 6. Laws and regulations every accountant must know 179

6.1. Hệ thống văn bản và cách đọc văn bản hợp nhất — <i>The hierarchy of legal texts and how to read a consolidated text</i>	179
6.2. Bảng tổng hợp văn bản cần có trong máy — <i>Master list of texts to keep on your computer</i>	182
6.3. Tra cứu văn bản, kiểm hiệu lực và theo dõi văn bản mới — <i>Finding texts, checking they are in force and following new ones</i>	189
6.4. Luật Kế toán, nghị định hướng dẫn và ba chế độ kế toán — <i>The Accounting Law, its decree and the three accounting regimes</i>	192
6.5. Thuế: quản lý thuế, GTGT, TNDN, TNCN, hộ kinh doanh — <i>Tax: administration, VAT, CIT, PIT and business households</i>	195
6.6. Hóa đơn điện tử và chứng từ điện tử — <i>E-invoices and e-vouchers</i>	200
6.7. Lao động, bảo hiểm và Luật Doanh nghiệp — <i>Labour, insurance and the Enterprise Law</i>	202
6.8. Xử phạt và tiền chậm nộp — <i>Penalties and late-payment interest</i>	206
6.9. Thời hạn lưu trữ tài liệu kế toán — <i>Retention periods for accounting records</i>	209
6.10. Những thay đổi lớn năm 2025–2026 — <i>Major changes in 2025–2026</i>	211
6.11. Việc cần làm ngay — <i>Action checklist</i>	213

Chương 7. Lỗi kế toán mới hay mắc và cách tránh — Chapter 7. Common mistakes of new accountants and how to avoid them 215

7.1. Bản đồ lỗi: tám nhóm, ba mươi bốn lỗi — <i>7.1. Map of mistakes: eight groups, thirty-four errors</i>	215
7.2. Nhóm A. Chứng từ và hóa đơn — <i>7.2. Group A. Vouchers and invoices</i>	217
7.3. Nhóm B. Hạch toán — <i>7.3. Group B. Posting</i>	221
7.4. Nhóm C. Kho và giá vốn — <i>7.4. Group C. Inventory and cost of sales</i>	223
7.5. Nhóm D. Công nợ — <i>7.5. Group D. Receivables and payables</i>	225
7.6. Nhóm E. Lương, bảo hiểm và thuế TNCN — <i>7.6. Group E. Payroll, insurance and personal income tax</i>	226
7.7. Nhóm F. Thuế — <i>7.7. Group F. Taxes</i>	229
7.8. Nhóm G. Báo cáo tài chính — <i>7.8. Group G. Financial statements</i>	231
7.9. Nhóm H. Cách làm việc hằng ngày — <i>7.9. Group H. Daily working habits</i>	232

7.10. Sửa sai bằng định khoản điều chỉnh và cách báo sai — 7.10. <i>Correcting with adjusting entries, and how to report an error</i>	235
7.11. Việc cần làm ngay — 7.11. <i>Action checklist</i>	240
Chương 8. 90 ngày đầu đi làm kế toán — Chapter 8. Your first 90 days as an accountant	241
8.1. Trước ngày đầu tiên — <i>Before day one</i>	241
8.2. Hợp đồng và thử việc — <i>Contract and probation</i>	244
8.3. Tuần 1: nhận bàn giao — <i>Week 1: taking over</i>	245
8.4. Đọc quy chế và danh mục của công ty — <i>Reading the company's rules and master data</i>	248
8.5. Kế hoạch 13 tuần — <i>A 13-week plan</i>	250
8.6. Mốc 30, 60 và 90 ngày — <i>The 30, 60 and 90-day marks</i>	253
8.7. Thư ở Hoàng Lâm từ tháng 10 đến tháng 12/2026 — <i>Thư at Hoàng Lâm, October to December 2026</i>	254
8.8. Câu hỏi nên hỏi kế toán trưởng — <i>Questions to ask the chief accountant</i>	257
8.9. Hỏi khi không biết, báo khi sai — <i>Asking when you do not know, reporting when you are wrong</i>	260
8.10. Làm việc với kho, kinh doanh và ngân hàng — <i>Working with the warehouse, sales and the bank</i>	262
8.11. Việc cần làm ngay — <i>Action checklist</i>	263
Chương 9. Lộ trình thăng tiến và lương kế toán tham khảo — Chapter 9. Accountant career path and salary benchmarks	265
9.1. Thang nghề trong doanh nghiệp — <i>The career ladder inside a company</i>	265
9.2. Con đường tới ghế kế toán trưởng — <i>The road to chief accountant</i>	270
9.3. Nhánh rẽ khỏi kế toán doanh nghiệp — <i>Branches away from company accounting</i>	272
9.4. Hành nghề dịch vụ kế toán — <i>Practising accounting services</i>	274
9.5. Lương: tự tra thay vì tin một con số — <i>Pay: research it yourself instead of trusting one figure</i>	276
9.6. Từ lương gộp đến thực lĩnh — <i>From gross pay to take-home pay</i>	278
9.7. Cách tăng thu nhập — <i>Ways to raise your income</i>	282
9.8. Lộ trình năm năm của Nguyễn Minh Thư — <i>Nguyễn Minh Thư's five-year route</i>	284
9.9. Việc cần làm ngay — <i>Action checklist</i>	286
Chương 10. Tìm việc kế toán: CV, phỏng vấn và bài kiểm tra — Chapter 10. Finding an accounting job: CV, interviews and tests	287
10.1. Đọc tin tuyển dụng — <i>Reading a job advertisement</i>	287
10.2. CV kế toán một trang — <i>A one-page accounting CV</i>	289
10.3. Thư xin việc — <i>The covering letter</i>	293
10.4. Các vòng tuyển dụng và cách chuẩn bị — <i>Interview stages and preparation</i>	294
10.5. Hai mươi tám câu hỏi phỏng vấn kế toán — <i>Twenty-eight accounting interview questions</i>	296
10.6. Bài kiểm tra nghiệp vụ mẫu mười câu — <i>A ten-question technical test</i>	302
10.7. Câu hỏi nên hỏi nhà tuyển dụng — <i>Questions to ask the employer</i>	306

10.8. Thỏa thuận lương gross và net — <i>Negotiating gross and net pay</i>	307
10.9. Hợp đồng lao động và thử việc — <i>Employment contract and probation</i>	309
10.10. Dấu hiệu nhà tuyển dụng rủi ro — <i>Warning signs in an employer</i>	310
Việc cần làm ngay — <i>Action checklist</i>	312
Phụ lục A. Biểu mẫu dùng ngay — <i>Appendix A. Ready-to-use forms</i>.....	313
A.1. Nguyên tắc dùng biểu mẫu — <i>Principles for using the forms</i>	313
A.2. Chứng từ tiền mặt và thanh toán — <i>Cash and payment documents</i>	314
A.3. Chứng từ và sổ kho — <i>Inventory documents and records</i>	318
A.4. Đối chiếu và theo dõi công nợ — <i>Reconciling and ageing balances</i>	322
A.5. Lương và tài sản cố định — <i>Payroll and fixed assets</i>	325
A.6. Bảng kê hóa đơn và thuế GTGT — <i>Invoice listing and VAT</i>	327
A.7. Khóa sổ tháng và bàn giao — <i>Month-end close and handover</i>	329
Phụ lục B. Thuật ngữ Anh – Việt — <i>Appendix B. English – Vietnamese glossary</i>	333

Chương 1. Tổng quan nghề kế toán — Chapter 1. The accounting profession at a glance

Sau chương này bạn làm được — *What you will be able to do*

- Đối chiếu sổ dư sổ tổng hợp với sổ chi tiết của TK 131, 331 và 156 rồi chỉ ra chênh lệch nằm ở đâu.
Reconcile the control account with the subsidiary ledger for accounts 131, 331 and 156 and locate any difference.
- Tra đúng Điều trong Luật Kế toán khi cần: Điều 3 và 4 (kế toán là gì), Điều 9 (bốn loại kế toán), Điều 13 (hành vi cấm), Điều 51 đến 55 (người làm kế toán, kế toán trưởng).
Find the right Article of the Accounting Law quickly: Articles 3 and 4 (what accounting is), Article 9 (the four kinds of accounting), Article 13 (prohibited acts) and Articles 51 to 55 (accountants and the chief accountant).
- Xác định vị trí mình sẽ làm trong phòng kế toán và phân biệt người làm kế toán với thủ kho, thủ quỹ.
Identify the role you will hold in an accounting department and tell an accountant apart from a storekeeper or cashier.
- Lập danh sách phòng ban và cơ quan bên ngoài mình làm việc cùng, kèm hồ sơ hai bên trao đổi.
List the departments and outside bodies you will deal with, together with the documents passed each way.
- Tách việc phần mềm hoặc AI làm được khỏi việc bạn phải kiểm, ký và chịu trách nhiệm.
Separate what software or AI can do from what you must check, sign and answer for.

1.1. Kế toán làm những việc gì — *What accountants actually do*

Luật Kế toán định nghĩa tại Điều 3 khoản 8: “Kế toán là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động.” Năm động từ trong câu là năm loại việc xuất hiện trong một ngày làm việc của người mới, theo đúng thứ tự đó.

The Accounting Law defines the term in Article 3, clause 8: “Accounting is the collection, processing, checking, analysis and provision of economic and financial information in the form of value, physical quantities and labour time.” The five verbs are five kinds of work in a newcomer’s day, in that order.

Động từ (Điều 3 khoản 8) <i>Verb (Art. 3, cl. 8)</i>	Việc cụ thể ở Hoàng Lâm <i>Example at Hoàng Lâm</i>	Sản phẩm bạn để lại <i>What you leave behind</i>
Thu thập <i>Collect</i>	02/10/2026 nhận hóa đơn của Công ty CP Sơn Tân Phong: 400 thùng SN18 $\times$ 1.160.000 = 464.000.000, GTGT 8% = 37.120.000, cộng 501.120.000 <i>On 2 October 2026 you receive the invoice from Công ty CP Sơn Tân Phong: 400 drums of SN18 $\times$ 1,160,000 = 464,000,000, VAT at 8% = 37,120,000, total 501,120,000</i>	Hóa đơn điện tử, bộ chứng từ đánh số <i>Electronic invoice and a numbered document file</i>
Xử lý <i>Process</i>	Định khoản Nợ 156, Nợ 1331, Có 331 rồi ghi vào Nhật ký chung trên phần mềm <i>Journal Dr 156, Dr 1331, Cr 331 and post to the general journal in the software</i>	Bút toán trong Nhật ký chung, sổ cái và sổ chi tiết 331 <i>Journal entry, general ledger and the 331 subsidiary ledger</i>
Kiểm tra <i>Check</i>	Đối chiếu số lượng, đơn giá, mã số thuế trên hóa đơn với đơn đặt hàng và với 400 thùng thủ kho Đỗ Văn Hùng đã đếm <i>Match quantity, unit price and tax code on the invoice to the purchase order and to the 400 drums the storekeeper Đỗ Văn Hùng counted</i>	Chữ ký xác nhận trên phiếu nhập kho; ghi chú chênh lệch nếu có <i>Signature on the goods received note; a note of any difference</i>
Phân tích <i>Analyse</i>	Đơn giá nhập 1.160.000 cao hơn đơn giá đầu kỳ 1.150.000 là 10.000 đồng, 0,9%; báo trưởng phòng kinh doanh để xem lại bảng giá bán <i>The purchase price of 1,160,000 is 10,000 dong (0.9%) above the opening price of 1,150,000; tell the sales manager so the selling price list can be reviewed</i>	Một ghi chú gửi kế toán trưởng <i>A note to the chief accountant</i>
Cung cấp <i>Provide</i>	Gửi phòng kinh doanh báo cáo nhập – xuất – tồn; cuối quý đưa số liệu vào tờ khai GTGT nộp cơ quan thuế <i>Send sales the stock movement report; at quarter-end feed the figures into the VAT return filed with the tax authority</i>	Báo cáo nhập – xuất – tồn, tờ khai thuế <i>Stock movement report and tax return</i>

Định khoản / Journal entries

02/10	Nợ TK 156 – Hàng hóa.....	464.000.000
	Nợ TK 1331 – Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ.....	37.120.000
	Có TK 331 – Phải trả cho người bán.....	501.120.000

VÍ DỤ / EXAMPLE — Một nghiệp vụ, ba người nhìn ba con số. Thủ kho thấy 400 thùng sơn. Kế toán thấy 464.000.000 đồng hàng hóa cộng 37.120.000 đồng thuế GTGT được khấu trừ. Giám đốc thấy khoản nợ Sơn Tân Phong tăng 501.120.000 đồng. Bút toán trên là chỗ ba

con số gặp nhau; lệch một trong ba thì số sai.

One transaction, three people, three figures. The storekeeper sees 400 drums of paint. The accountant sees 464,000,000 dong of goods plus 37,120,000 dong of recoverable VAT. The director sees the debt to Sơn Tân Phong rise by 501,120,000 dong. The entry above is where the three figures meet; if one of them is off, the books are wrong.

Điều 4 giao cho kế toán bốn nhiệm vụ. Mỗi nhiệm vụ có một việc cụ thể ở Hoàng Lâm.

Article 4 gives accounting four tasks. Each one has a concrete job at Hoàng Lâm.

Khoản Clause	Nhiệm vụ theo Điều 4 Task under Article 4	Việc của bạn ở Hoàng Lâm Your job at Hoàng Lâm
1	Thu thập, xử lý thông tin, số liệu theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán <i>Collect and process information and data by accounting object and type of work, in line with accounting standards and the accounting regime</i>	Ghi sổ theo hệ thống tài khoản của Thông tư 99/2025/TT-BTC <i>Post to the chart of accounts of Circular 99/2025/TT-BTC</i>
2	Kiểm tra, giám sát thu, chi tài chính, nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; quản lý, sử dụng tài sản; phát hiện, ngăn ngừa vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán <i>Check and supervise receipts and payments, obligations to collect, pay and settle debts, and the use of assets; detect and prevent breaches of finance and accounting law</i>	Không lập phiếu chi khi chứng từ chưa đủ chữ ký; theo dõi khoản nợ 460.000.000 của Thành Đô đến khi thu ngày 12/10/2026 <i>Do not issue a payment voucher before the document is fully signed; follow Thành Đô's debt of 460,000,000 until it is collected on 12 October 2026</i>
3	Phân tích thông tin, số liệu; tham mưu, đề xuất giải pháp phục vụ quản trị và quyết định kinh tế, tài chính <i>Analyse the data; advise and propose solutions for management and for economic and financial decisions</i>	Cuối tháng 10, lãi gộp một thùng SN18 bán cho Thành Đô: 1.450.000 – 1.154.000 = 296.000 đồng (20,4%); một bao BB40 bán lẻ: 265.000 – 213.000 = 52.000 đồng (19,6%) <i>At the end of October the gross profit on one drum of SN18 sold to Thành Đô is 1,450,000 – 1,154,000 = 296,000 dong (20.4%); on one retail bag of BB40 it is 265,000 – 213,000 = 52,000 dong (19.6%)</i>
4	Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật <i>Provide accounting information as the law requires</i>	Trả lời cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội, kiểm toán viên bằng số liệu lấy từ sổ, kèm chứng từ <i>Answer the tax authority, the social insurance agency and auditors with figures taken from the books, with documents attached</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Nhập kho theo hóa đơn mà không đối chiếu số thủ kho đếm. Hóa đơn ghi 400 thùng, kho đếm được 392 thùng, sổ vẫn ghi 400: tồn số sách cao hơn thực tế 8 thùng $\times 1.160.000 = 9.280.000$ đồng. Khoản lệch nằm im đến đợt kiểm kê

cuối kỳ kế toán năm (Điều 40 khoản 2 điểm a) rồi mới lộ ra. Đối chiếu ngay ngày nhập, ghi số thực nhận.

Posting goods in from the invoice without matching the storekeeper's count. The invoice says 400 drums, the warehouse counted 392, and the books still show 400: book stock exceeds real stock by 8 drums $\times 1,160,000 = 9,280,000$ dong. The difference sits unnoticed until the stocktake at the end of the annual accounting period (Article 40, clause 2(a)). Match on the day of receipt and post the quantity actually received.

1.2. Kế toán tài chính, quản trị, tổng hợp và chi tiết — *Financial, management, general ledger and subsidiary ledger accounting*

Điều 9 khoản 1: kế toán ở đơn vị gồm kế toán tài chính và kế toán quản trị. Khoản 2: khi làm cả hai loại, đơn vị phải làm kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết. Bốn tên gọi này là bốn câu hỏi: ai đọc số liệu (tài chính hay quản trị) và số liệu ghi ở mức nào (tổng hợp hay chi tiết).

Article 9, clause 1: accounting in a unit comprises financial accounting and management accounting. Clause 2: when doing both, the unit must keep general ledger accounting and subsidiary ledger accounting. The four names answer two questions: who reads the figures (financial or management) and at what level they are recorded (general or detailed).

Loại <i>Kind</i>	Người dùng thông tin <i>Who uses it</i>	Sản phẩm ở Hoàng Lâm <i>Output at Hoàng Lâm</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Kế toán tài chính <i>Financial accounting</i>	Người ngoài đơn vị: cơ quan thuế, ngân hàng cho vay, người góp vốn, nhà cung cấp <i>People outside the unit: tax authority, lending bank, capital providers, suppliers</i>	Báo cáo tài chính năm, sổ sách và chứng từ theo Thông tư 99/2025 <i>Annual financial statements, books and documents under Circular 99/2025</i>	Điều 3 khoản 9 <i>Art. 3, cl. 9</i>
Kế toán quản trị <i>Management accounting</i>	Giám đốc, trưởng phòng kinh doanh <i>The director and the sales manager</i>	Bảng lãi gộp theo mặt hàng, bảng tuổi nợ, báo cáo nhập – xuất – tồn hàng tuần <i>Gross profit by product, debt ageing, weekly stock movement report</i>	Điều 3 khoản 10; Điều 9 khoản 3 giao Bộ Tài chính hướng dẫn <i>Art. 3, cl. 10; Art. 9, cl. 3 leaves guidance to the Ministry of Finance</i>
Kế toán tổng hợp <i>General ledger accounting</i>	Người đọc báo cáo cần bức tranh chung <i>Readers who need the overall picture</i>	Số dư tổng quát bằng tiền trên sổ cái: TK 131, 156, 331 <i>Overall balances in money on the general ledger: 131, 156, 331</i>	Điều 9 khoản 2 điểm a <i>Art. 9, cl. 2(a)</i>

Loại <i>Kind</i>	Người dùng thông tin <i>Who uses it</i>	Sản phẩm ở Hoàng Lâm <i>Output at Hoàng Lâm</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Kế toán chi tiết <i>Subsidiary ledger accounting</i>	Người điều hành từng đối tượng: khách hàng, mặt hàng, nhân viên <i>People running each object: customer, product, employee</i>	Sổ chi tiết 131 theo khách, thẻ kho theo mã hàng, bảng lương theo người <i>Receivables ledger by customer, stock card by item, payroll by person</i>	Điều 9 khoản 2 điểm b <i>Art. 9, cl. 2(b)</i>

Điều 9 khoản 2 điểm b đặt một điều kiện cứng: số liệu chi tiết phải khớp đúng với số liệu tổng hợp trong một kỳ kế toán. Cuối tháng 10/2026 Minh Thư làm phép đối chiếu sau cho ba tài khoản.

Article 9, clause 2(b) sets a firm condition: detailed figures must agree with the general figures within an accounting period. At the end of October 2026 Minh Thư runs the check below on three accounts.

Tài khoản <i>Account</i>	Sổ tổng hợp (sổ cái) <i>General ledger</i>	Sổ chi tiết cộng lại <i>Subsidiary ledger total</i>	Chênh lệch <i>Difference</i>
131 Phải thu của khách hàng <i>131 Trade receivables</i>	1.536.600.000	Thành Đô 1.236.600.000 + Gia An 300.000.000 <i>Thành Đô 1,236,600,000 + Gia An 300,000,000</i>	0
331 Phải trả cho người bán <i>331 Trade payables</i>	957.240.000	Sơn Tân Phong 957.240.000 <i>Sơn Tân Phong 957,240,000</i>	0
156 Hàng hóa <i>156 Goods for resale</i>	1.233.400.000	SN18 577.000.000 + SNT18 168.000.000 + BB40 383.400.000 + KG25 105.000.000 <i>SN18 577,000,000 + SNT18 168,000,000 + BB40 383,400,000 + KG25 105,000,000</i>	0

GHI NHỚ / KEY POINT — Sổ chi tiết minh họa cho sổ tổng hợp (Điều 9 khoản 2 điểm b). Cuối tháng đối chiếu TK 131, 331 và 156 giữa sổ cái và sổ chi tiết. Chênh lệch khác 0 là một nghiệp vụ chưa tìm ra, không phải sai số làm tròn.

The subsidiary ledger illustrates the general ledger (Article 9, clause 2(b)). At month-end, match accounts 131, 331 and 156 between the general ledger and the subsidiary records. A difference other than zero is a transaction not yet found, not a rounding error.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Thẻ kho SN18 ghi tồn 500 thùng; sổ chi tiết tính tồn $500 \times 1.154.000 = 577.000.000$ đồng, đúng bằng dòng SN18 ở bảng trên. Nếu thủ kho xuất thêm 10 thùng mà chưa có phiếu xuất, thẻ kho chỉ còn 490 thùng trong khi sổ vẫn ghi 500: chênh $10 \text{ thùng} \times 1.154.000 = 11.540.000$ đồng. Hiện vật và tiền đi cùng nhau, lệch bên nào cũng phải truy ngược phiếu xuất.

The SN18 stock card shows 500 drums on hand; the subsidiary ledger values them at $500 \times 1,154,000$

= 577,000,000 dong, exactly the SN18 line in the table above. If the storekeeper issues another 10 drums before a delivery note exists, the stock card shows 490 while the books still show 500: a difference of $10 \times 1,154,000 = 11,540,000$ dong. Quantity and money move together; whichever side is off, trace back to the delivery note.

1.3. Nơi người làm kế toán làm việc — *Where accountants work*

Luật Kế toán Điều 23 khoản 1 buộc đơn vị chọn hệ thống tài khoản theo quy định của Bộ Tài chính. Với doanh nghiệp, ba chế độ đang song song: Thông tư 99/2025/TT-BTC (áp dụng từ năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2026, thay Thông tư 200/2014), Thông tư 133/2016/TT-BTC (doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn được chọn) và Thông tư 58/2026/TT-BTC (doanh nghiệp siêu nhỏ, hiệu lực 01/7/2026). Hoàng Lâm áp dụng Thông tư 99. Bảng sau so sánh bốn loại doanh nghiệp.

Article 23, clause 1 of the Accounting Law requires a unit to choose its chart of accounts from those set by the Ministry of Finance. For businesses three regimes now run side by side: Circular 99/2025/TT-BTC (applies from financial years starting on or after 1 January 2026, replacing Circular 200/2014), Circular 133/2016/TT-BTC (small and medium-sized enterprises may still choose it) and Circular 58/2026/TT-BTC (micro enterprises, effective 1 July 2026). Hoàng Lâm applies Circular 99. The table compares four kinds of business.

Loại doanh nghiệp <i>Type of business</i>	Việc đặc trưng <i>Characteristic work</i>	Điểm khó với người mới <i>Hard part for a newcomer</i>
Thương mại (như Hoàng Lâm) <i>Trading (like Hoàng Lâm)</i>	Mua hàng, nhập kho, bán hàng, thu tiền; nhiều mã hàng, giá vốn tính cuối tháng; công nợ với khách và nhà cung cấp <i>Buying, receiving, selling and collecting; many items, cost of sales computed at month-end; balances with customers and suppliers</i>	Giá nhập đủ chi phí vận chuyển; kho khớp sổ; hóa đơn đầu vào hợp lệ <i>Purchase cost that includes carriage; stock that agrees with the books; valid input invoices</i>
Sản xuất <i>Manufacturing</i>	Thêm khâu giá thành: tập hợp TK 621, 622, 627 vào TK 154, rồi nhập kho thành phẩm TK 155 <i>An extra costing stage: accumulate 621, 622 and 627 in 154, then transfer finished goods to 155</i>	Phân bổ chi phí sản xuất chung nhất quán; kiểm kê sản phẩm dở dang <i>Consistent allocation of production overheads; counting work in progress</i>
Xây dựng <i>Construction</i>	Theo dõi chi phí và doanh thu từng công trình; nghiệm thu khối lượng; thanh toán theo đợt <i>Tracking cost and revenue project by project; measuring work done; stage payments</i>	Ghi chi phí đúng công trình; chứng từ của nhiều bên (chủ đầu tư, nhà thầu phụ, kho công trường) <i>Charging cost to the right project; documents from several parties (client, subcontractors, site store)</i>

Loại doanh nghiệp <i>Type of business</i>	Việc đặc trưng <i>Characteristic work</i>	Điểm khó với người mới <i>Hard part for a newcomer</i>
Dịch vụ <i>Services</i>	Doanh thu theo hợp đồng và theo kỳ; chi phí chủ yếu là lương và thuê ngoài <i>Revenue by contract and by period; costs mainly pay and outsourcing</i>	Ghi nhận doanh thu đúng kỳ; phân biệt tiền đặt cọc với doanh thu <i>Recognising revenue in the right period; separating deposits from revenue</i>

Nơi làm việc <i>Workplace</i>	Việc đặc trưng <i>Characteristic work</i>	Căn cứ và điểm cần biết <i>Basis and points to know</i>
Đơn vị hành chính sự nghiệp <i>Public administrative and service units</i>	Kế toán theo dự toán được giao, chứng từ chi ngân sách, quyết toán <i>Accounting against an allocated budget, budget payment documents, final settlement</i>	Kế toán trưởng còn giúp người đại diện giám sát tài chính (Luật Kế toán Điều 53 khoản 2; Điều 55 khoản 3) <i>The chief accountant also helps the legal representative supervise finances (Accounting Law Art. 53, cl. 2; Art. 55, cl. 3)</i>
Ngân hàng, tổ chức tín dụng <i>Banks and credit institutions</i>	Ghi nhận tiền gửi, tín dụng, thanh toán theo nghiệp vụ ngân hàng <i>Recording deposits, lending and payments under banking operations</i>	Áp dụng pháp luật chuyên ngành ngân hàng; hỏi đơn vị tuyển dụng chế độ kế toán đang dùng <i>Sector-specific banking law applies; ask the employer which accounting regime it uses</i>
Công ty dịch vụ kế toán <i>Accounting service firms</i>	Làm kế toán hoặc làm kế toán trưởng thuê cho nhiều khách hàng theo hợp đồng bằng văn bản <i>Acting as bookkeeper or chief accountant for many clients under written contracts</i>	Luật Kế toán Điều 56 (thuê dịch vụ), Điều 59 (loại hình doanh nghiệp), Điều 60 (điều kiện kinh doanh) <i>Accounting Law Art. 56 (hiring services), Art. 59 (types of firm), Art. 60 (licensing conditions)</i>
Công ty kiểm toán <i>Audit firms</i>	Kiểm tra và đưa ý kiến về báo cáo tài chính của khách hàng <i>Examining and giving an opinion on clients' financial statements</i>	Báo cáo tài chính thuộc diện bắt buộc kiểm toán phải kiểm toán trước khi nộp cơ quan nhà nước và trước khi công khai (Luật Kế toán Điều 33 khoản 1) <i>Statements that must be audited have to be audited before filing with the state and before publication (Accounting Law Art. 33, cl. 1)</i>
Tự hành nghề <i>Practising independently</i>	Mở hộ kinh doanh dịch vụ kế toán, làm cho nhiều khách <i>Setting up a household business providing accounting services</i>	Chủ hộ phải là kế toán viên hành nghề (Điều 65 khoản 1 điểm b); đăng ký hành nghề cần chứng chỉ kế toán viên hoặc chứng chỉ kiểm toán viên và 36 tháng công tác thực tế kể từ tốt nghiệp đại học

Nơi làm việc <i>Workplace</i>	Việc đặc trưng <i>Characteristic work</i>	Căn cứ và điểm cần biết <i>Basis and points to know</i>
		(Điều 58 khoản 1) <i>The owner must be a practising accountant (Art. 65, cl. 1(b)); registration needs an accountant or auditor certificate and 36 months of practical work since graduation (Art. 58, cl. 1)</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Mở phần mềm ở công ty mới và hạch toán theo thói quen của Thông tư 200/2014 trong khi công ty áp dụng Thông tư 99/2025. Nghị định 41/2018 Điều 7 khoản 1 điểm d phạt 10 đến 20 triệu đồng với hành vi áp dụng sai chế độ kế toán mà đơn vị thuộc đối tượng áp dụng; Điều 10 khoản 2 phạt 10 đến 20 triệu đồng với hành vi không thực hiện đúng hệ thống tài khoản đã được Bộ Tài chính ban hành. Ngày đầu, hỏi kế toán trưởng công ty chọn chế độ nào rồi mở danh mục tài khoản của chế độ đó.

Opening the software at a new employer and posting by the habits of Circular 200/2014 when the company applies Circular 99/2025. Decree 41/2018 Article 7, clause 1(d) fines VND 10 to 20 million for applying the wrong accounting regime where the unit is subject to one; Article 10, clause 2 fines VND 10 to 20 million for not following the chart of accounts issued by the Ministry of Finance. On day one, ask the chief accountant which regime the company uses and open that regime's chart of accounts.

1.4. Các vị trí trong phòng kế toán — Roles in an accounting department

Tên vị trí khác nhau theo công ty. Công ty lớn có chín người cho chín vị trí; công ty 12 nhân viên như Hoàng Lâm gom chín vị trí vào bốn người. Bảng sau cho biết mỗi vị trí làm gì, giao ra cái gì và sai ở đâu.

Titles differ between companies. A large company has nine people for nine roles; a company of 12 staff such as Hoàng Lâm packs the nine roles into four people. The table shows what each role does, what it delivers and where it goes wrong.

Vị trí <i>Role</i>	Nhiệm vụ chính <i>Main duties</i>	Đầu ra <i>Output</i>	Sai sót hay gặp <i>Common errors</i>
Kế toán vốn bằng tiền <i>Cash and bank accountant</i>	Lập phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm chi; ghi sổ tiền mặt, tiền gửi (TK 111, 112); đối chiếu sổ phụ ngân hàng hằng ngày <i>Prepare receipt and payment vouchers and bank payment orders; post cash and bank (111, 112); match the bank statement daily</i>	Sổ tiền mặt, sổ tiền gửi, bảng đối chiếu ngân hàng <i>Cash book, bank ledger, bank reconciliation</i>	Chi tiền khi phiếu chi thiếu chữ ký; số quỹ trên sổ khác số đếm thực tế <i>Paying out on a voucher missing a signature; book cash differing from the physical count</i>
Kế toán kho <i>Inventory accountant</i>	Ghi nhập, xuất hàng; đối chiếu thẻ kho với thủ kho; tính giá xuất kho (TK 156)	Báo cáo nhập – xuất – tồn, biên bản kiểm kê	Bỏ sót cước vận chuyển khi nhập: nếu quên 5.000.000 đồng cước

Vị trí <i>Role</i>	Nhiệm vụ chính <i>Main duties</i>	Đầu ra <i>Output</i>	Sai sót hay gặp <i>Common errors</i>
	<i>Record receipts and issues; match stock cards with the storekeeper; compute the issue cost (156)</i>	<i>Stock movement report, stocktake record</i>	BB40 thì giá vốn 1.200 bao bán lẻ thấp đi 2.000.000 đồng <i>Leaving carriage out of the purchase cost: forgetting the 5,000,000 dong carriage on BB40 understates the cost of the 1,200 bags sold by 2,000,000 dong</i>
Kế toán công nợ <i>Receivables and payables accountant</i>	Mở sổ chi tiết TK 131, 331 theo từng đối tượng; lập biên bản đối chiếu; theo dõi tuổi nợ <i>Keep 131 and 331 ledgers per counterparty; prepare balance confirmations; track debt ageing</i>	Bảng tuổi nợ, biên bản đối chiếu công nợ <i>Debt ageing schedule, balance confirmation</i>	Không đối chiếu định kỳ; bù trừ công nợ mà không có biên bản <i>No periodic confirmation; offsetting balances without a signed record</i>
Kế toán tiền lương <i>Payroll accountant</i>	Lập bảng lương từ bảng chấm công; trích bảo hiểm, kinh phí công đoàn; khấu trừ thuế TNCN (TK 334, 338, 3335) <i>Prepare payroll from timesheets; accrue insurance and union fees; withhold personal income tax (334, 338, 3335)</i>	Bảng lương, bảng thanh toán, hồ sơ nộp bảo hiểm và thuế <i>Payroll, payment sheet, insurance and tax filings</i>	Quên giảm trừ người phụ thuộc (6.200.000 đồng mỗi người mỗi tháng); tính bảo hiểm trên sai mức lương <i>Forgetting the dependant deduction (VND 6,200,000 per person per month); computing insurance on the wrong pay</i>
Kế toán thuế <i>Tax accountant</i>	Kiểm hóa đơn đầu vào, lập bảng kê, tờ khai GTGT, tạm nộp thuế TNDN (TK 133, 3331) <i>Check input invoices, prepare listings, VAT returns and provisional corporate income tax (133, 3331)</i>	Tờ khai thuế, bảng kê hóa đơn, chứng từ nộp thuế <i>Tax returns, invoice listings, tax payment receipts</i>	Áp 8% cho hóa đơn cước viễn thông 2.500.000 đồng, loại này chịu 10%: lệch 50.000 đồng thuế <i>Applying 8% to a telecom invoice of 2,500,000 dong that bears 10%: VAT off by 50,000 dong</i>
Kế toán giá thành <i>Cost accountant</i>	Tập hợp chi phí nguyên vật liệu, nhân công, sản xuất chung; tính giá thành đơn vị (TK 154, 155). Hoàng Lâm là doanh nghiệp thương mại nên không có vị trí này <i>Accumulate material, labour and overhead cost; compute unit cost (154, 155). Hoàng Lâm is a</i>	Bảng tính giá thành, báo cáo chi phí <i>Costing sheets, cost reports</i>	Phân bổ chi phí chung không nhất quán giữa các kỳ; bỏ qua kiểm kê dở dang <i>Allocating overheads inconsistently between periods; skipping the work-in-progress count</i>

Vị trí <i>Role</i>	Nhiệm vụ chính <i>Main duties</i>	Đầu ra <i>Output</i>	Sai sót hay gặp <i>Common errors</i>
	<i>trading company and has no such role</i>		
Kế toán tổng hợp <i>General accountant</i>	Ghi bút toán điều chỉnh, khóa sổ, kết chuyển về TK 911, lập báo cáo tài chính <i>Post adjusting entries, close the books, transfer to 911, prepare the financial statements</i>	Sổ cái, bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính <i>General ledger, trial balance, financial statements</i>	Số trên báo cáo không khớp sổ cái; quên kết chuyển; sổ chi tiết lệch sổ tổng hợp <i>Statements that disagree with the ledger; missing closing entries; subsidiary ledgers off the control account</i>
Kế toán trưởng <i>Chief accountant</i>	Điều hành bộ máy kế toán, duyệt chứng từ và bút toán, ký báo cáo tài chính, làm việc với cơ quan thuế, ngân hàng, kiểm toán <i>Run the accounting team, approve documents and entries, sign the financial statements, deal with the tax authority, bank and auditors</i>	Báo cáo tài chính, tờ khai quyết toán, ý kiến chuyên môn gửi giám đốc <i>Financial statements, annual returns, professional opinions to the director</i>	Ký khi chưa soát sổ; giao quyền duyệt cho người chưa đủ hiểu biết <i>Signing before reviewing the figures; delegating approval to someone who cannot yet judge</i>
Giám đốc tài chính <i>Finance director</i>	Lập kế hoạch tài chính và dòng tiền, tìm vốn, làm việc với ngân hàng, đọc báo cáo quản trị <i>Plan finances and cash flow, raise funds, deal with banks, read management reports</i>	Kế hoạch dòng tiền, đề xuất vay hoặc đầu tư, báo cáo quản trị <i>Cash flow plan, borrowing or investment proposals, management reports</i>	Quyết định theo số chưa khóa sổ. Hoàng Lâm không có vị trí này; giám đốc và kế toán trưởng chia phần việc <i>Deciding on unclosed figures. Hoàng Lâm has no such role; the director and chief accountant share the work</i>

Kế toán trưởng là người đứng đầu bộ máy kế toán, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán (Điều 53 khoản 1) và chịu sự lãnh đạo của người đại diện theo pháp luật của đơn vị (khoản 3). Điều 55 khoản 1 ghi ba trách nhiệm: thực hiện quy định pháp luật về kế toán, tài chính; tổ chức điều hành bộ máy kế toán; lập báo cáo tài chính tuân thủ chế độ và chuẩn mực. Khoản 2 cho kế toán trưởng quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.

The chief accountant heads the accounting team and is responsible for carrying out the accounting work (Article 53, clause 1), under the direction of the unit's legal representative (clause 3). Article 55, clause 1 lists three responsibilities: applying the law on accounting and finance; running the accounting team; and preparing financial statements that comply with the

regime and standards. Clause 2 gives the chief accountant independence in professional accounting matters.

Điều kiện <i>Condition</i>	Quy định <i>Rule</i>	Với Hoàng Lâm <i>At Hoàng Lâm</i>
Phẩm chất <i>Character</i>	Trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật (Điều 51 khoản 1 điểm a, dẫn bởi Điều 54 khoản 1 điểm a) <i>Honest, upright, law-abiding (Art. 51, cl. 1(a), applied by Art. 54, cl. 1(a))</i>	Điều kiện chung với mọi người làm kế toán <i>Common to every accountant</i>
Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Từ trung cấp kế toán trở lên (Điều 54 khoản 1 điểm b). Nghị định 174/2016 Điều 21 khoản 3 điểm g: doanh nghiệp không có vốn nhà nước, vốn điều lệ nhỏ hơn 10 tỷ đồng chỉ cần từ trung cấp; khoản 2 điểm i: các doanh nghiệp còn lại từ đại học <i>At least an intermediate-level accounting qualification (Art. 54, cl. 1(b)). Decree 174/2016 Art. 21, cl. 3(g): a business with no state capital and charter capital below VND 10 billion needs only the intermediate level; cl. 2(i): other businesses need a degree</i>	Vốn góp 3.000.000.000 đồng, nhỏ hơn 10 tỷ: từ trung cấp trở lên <i>Capital of 3,000,000,000 dong, below 10 billion: intermediate level or above</i>
Chứng chỉ <i>Certificate</i>	Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng (Điều 54 khoản 1 điểm c) <i>Holds a chief accountant training certificate (Art. 54, cl. 1(c))</i>	Chương 2 nói cách lấy chứng chỉ <i>Chapter 2 explains how to obtain it</i>
Thời gian công tác <i>Experience</i>	Ít nhất 2 năm kế toán thực tế nếu có trình độ đại học trở lên; ít nhất 3 năm nếu trình độ trung cấp, cao đẳng (Điều 54 khoản 1 điểm d) <i>At least 2 years of practical accounting with a degree; at least 3 years with an intermediate or college qualification (Art. 54, cl. 1(d))</i>	Áp dụng cho người được bổ nhiệm làm kế toán trưởng <i>Applies to the person appointed as chief accountant</i>
Thay thế tạm thời <i>Temporary cover</i>	Chưa bổ nhiệm ngay được kế toán trưởng thì bổ trí phụ trách kế toán, tối đa 12 tháng (Nghị định 174/2016 Điều 20 khoản 1). Doanh nghiệp siêu nhỏ không bắt buộc có kế toán trưởng (Điều 20 khoản 2 điểm b; Thông tư 58/2026 Điều 3 khoản 2) <i>If a chief accountant cannot be appointed at once, a person in charge of accounting may be assigned for at most 12 months (Decree 174/2016 Art. 20, cl. 1). Micro enterprises need not have a chief accountant (Art. 20, cl. 2(b); Circular 58/2026 Art. 3, cl. 2)</i>	Hoàng Lâm có kế toán trưởng riêng: Đặng Thị Hồng Nhung <i>Hoàng Lâm has its own chief accountant, Đặng Thị Hồng Nhung</i>

Giám đốc tài chính là chức danh quản lý do công ty tự đặt. Luật Kế toán không quy định tiêu chuẩn riêng cho chức danh này; điều luật duy nhất nhắc tới vị trí tương đương là Điều 52 khoản 3, khi liệt kê “phó giám đốc, phó tổng giám đốc phụ trách công tác tài chính - kế toán” trong nhóm người có quan hệ thân thuộc bị hạn chế làm kế toán cùng đơn vị.

Finance director is a management title set by the company itself. The Accounting Law lays down no separate standard for it; the only provision that mentions a comparable post is Article 52, clause 3, which lists “deputy directors and deputy general directors in charge of finance and accounting” among the people whose close relatives may not work as accountants in the same unit.

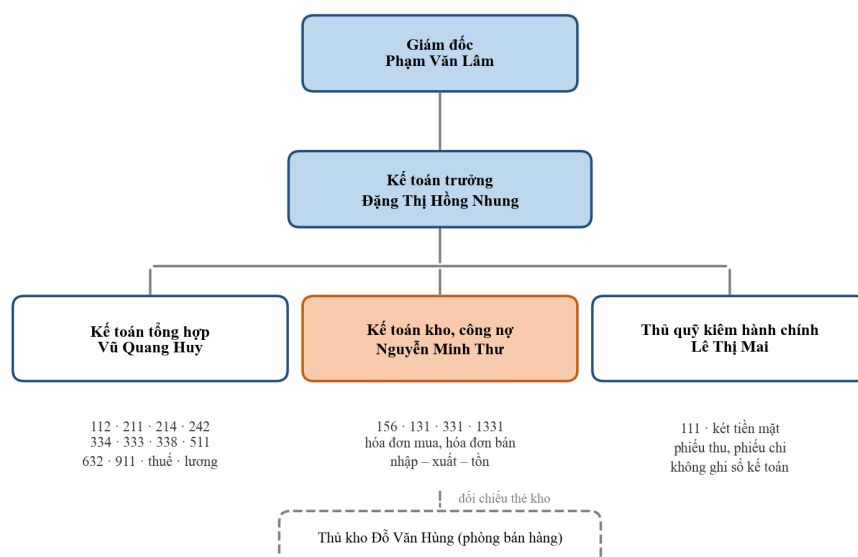
GHI NHỚ / KEY POINT — Người mới thường bắt đầu ở kế toán kho, công nợ hoặc vốn bằng tiền vì chứng từ nhiều, quy trình rõ và có người kiểm tra chéo. Kế toán tổng hợp, thuế và kế toán trưởng đòi hỏi đã làm xong các phần việc bên dưới.

Newcomers usually start in inventory, receivables or cash because the documents are plentiful, the procedures are clear and someone checks the work. General accounting, tax and chief accountant roles assume you have already done the jobs beneath them.

1.5. Bộ máy kế toán của Hoàng Lâm — The accounting team at Hoàng Lâm

Công ty TNHH Vật liệu Hoàn thiện Hoàng Lâm (gọi tắt Hoàng Lâm) đặt tại phường Hoàng Mai, Hà Nội, phân phối sơn nước, bột bả và keo dán gạch cho nhà thầu và cửa hàng vật liệu. Công ty có 12 người, áp dụng Thông tư 99/2025/TT-BTC, ghi sổ Nhật ký chung trên phần mềm. Phòng kế toán có bốn người; Nguyễn Minh Thư vào làm kế toán kho, công nợ từ 01/10/2026.

Công ty TNHH Vật liệu Hoàn thiện Hoàng Lâm (Hoàng Lâm Finishing Materials Company Limited, “Hoàng Lâm” for short) is based in Hoàng Mai ward, Hanoi, and distributes interior and exterior paint, wall putty and tile adhesive to contractors and building-materials shops. It has 12 employees, applies Circular 99/2025/TT-BTC and keeps a general journal in accounting software. The accounting team has four people; Nguyễn Minh Thư joined as inventory and receivables accountant on 1 October 2026.



Hình 1.1. Bộ máy kế toán Hoàng Lâm và tài khoản chủ yếu của từng người

Figure 1.1. The Hoàng Lâm accounting team and the main accounts each person handles

Người, chức danh <i>Person, title</i>	Phản việc <i>Responsibilities</i>	Kiểm tra chéo <i>Cross-check</i>
Phạm Văn Lâm, giám đốc <i>Phạm Văn Lâm, director</i>	Duyệt chi, ký hợp đồng, ký báo cáo tài chính cùng kế toán trưởng <i>Approves payments, signs contracts and signs the financial statements with the chief accountant</i>	Nhận báo cáo tháng từ kế toán trưởng <i>Receives the monthly report from the chief accountant</i>
Đặng Thị Hồng Nhung, kế toán trưởng <i>Đặng Thị Hồng Nhung, chief accountant</i>	Duyệt chứng từ và bút toán, khóa sổ, lập và ký báo cáo tài chính, làm việc với cơ quan thuế, ngân hàng, kiểm toán <i>Approves documents and entries, closes the books, prepares and signs the statements, deals with the tax authority, bank and auditors</i>	Giám đốc duyệt báo cáo trước khi ký <i>The director reviews the statements before signing</i>
Vũ Quang Huy, kế toán tổng hợp <i>Vũ Quang Huy, general accountant</i>	Sổ cái, tiền gửi ngân hàng, tài sản cố định, lương, thuế, giá vốn cuối tháng, kết chuyển TK 911 <i>General ledger, bank, fixed assets, payroll, tax, month-end cost of sales, transfer to 911</i>	Kế toán trưởng soát bút toán điều chỉnh và số khóa sổ <i>The chief accountant reviews adjusting entries and closing figures</i>
Nguyễn Minh Thư, kế toán kho, công nợ <i>Nguyễn Minh Thư, inventory and receivables/payables accountant</i>	Phiếu nhập, phiếu xuất, hóa đơn mua và bán, sổ chi tiết TK 156, 131, 331, biên bản đối chiếu công nợ <i>Goods received and issued notes, purchase and sales invoices, ledgers 156, 131, 331, balance confirmations</i>	Huy đối chiếu TK 131, 331, 156 với sổ cái cuối tháng; thủ kho đối chiếu thẻ kho <i>Huy matches 131, 331 and 156 to the general ledger at month-end; the storekeeper matches stock cards</i>
Lê Thị Mai, thủ quỹ kiêm hành chính <i>Lê Thị Mai, cashier and administrator</i>	Giữ két, thu và chi tiền mặt theo phiếu đã duyệt, giữ sổ quỹ; không ghi sổ kế toán TK 111 <i>Holds the safe, receives and pays cash against approved vouchers, keeps the cash book; does not post accounting entries to 111</i>	Kiểm kê quỹ cuối tháng, sổ quỹ ghi 92.000.000 đồng <i>Cash count at month-end; the cash book shows 92,000,000 dong</i>
Đỗ Văn Hùng, thủ kho (phòng bán hàng) <i>Đỗ Văn Hùng, storekeeper (sales department)</i>	Giữ hàng, lập thẻ kho, đếm hàng nhập, xuất <i>Holds the goods, keeps stock cards, counts goods in and out</i>	Kế toán kho đối chiếu thẻ kho với sổ chi tiết <i>The inventory accountant matches stock cards to the ledger</i>

Cách chia này theo một nguyên tắc: người giữ tài sản không ghi sổ tài sản đó. Điều 39 khoản 2 đòi đơn vị thiết lập kiểm soát nội bộ để tài sản được bảo đảm an toàn và nghiệp vụ được phê duyệt đúng thẩm quyền. Luật cụ thể hóa bằng Điều 52 khoản 4: người đang làm thủ kho, thủ quỹ không được làm kế toán trong cùng đơn vị, trừ doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu và các trường hợp

khác do Chính phủ quy định. Vì vậy Mai giữ sổ quỹ nhưng Huy ghi TK 111; Thu ghi hàng nhập, xuất nhưng Hùng giữ hàng.

The split follows one principle: whoever holds an asset does not record it. Article 39, clause 2 requires a unit to set up internal control so that assets are kept safe and transactions are approved by the right authority. Article 52, clause 4 makes this specific: a person working as storekeeper or cashier may not do accounting in the same unit, except in a sole proprietorship, a single-member limited company owned by an individual, and other cases set by the Government. So Mai keeps the cash book but Huy posts account 111; Thu records goods in and out but Hùng holds the goods.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Để thủ quỹ kiêm ghi sổ kế toán tiền mặt vì “đỡ người”. Nghị định 41/2018 Điều 17 khoản 2 điểm b phạt 10 đến 20 triệu đồng với hành vi bố trí người làm kế toán mà pháp luật quy định không được làm kế toán. Ngoài tiền phạt, người cầm tiền đồng thời sửa sổ thì không còn ai phát hiện chênh lệch. Nếu công ty buộc bạn kiêm, xem ngoại lệ ở Điều 52 khoản 4 trước khi nhận.

Letting the cashier also post the cash ledger to “save a head”. Decree 41/2018 Article 17, clause 2(b) fines VND 10 to 20 million for assigning someone the law bars from accounting work. Beyond the fine, when the person holding the cash also edits the books, nobody is left to spot a shortfall. If the company insists you combine the roles, check the exceptions in Article 52, clause 4 before accepting.

1.6. Một ngày làm việc của Minh Thu — A day in the life of Minh Thu

Thứ Năm 08/10/2026, tuần thứ hai Minh Thu đi làm. Công ty bán lô sơn lớn nhất tháng cho Công ty CP Xây dựng Thành Đô: 500 thùng SN18 giá 1.450.000 đồng và 200 thùng SNT18 giá 2.100.000 đồng, chưa thu tiền. Bảng sau là lịch làm việc của Thu trong ngày đó.

Thursday 8 October 2026, Minh Thu's second week. The company sells its largest paint order of the month to Công ty CP Xây dựng Thành Đô: 500 drums of SN18 at 1,450,000 dong and 200 drums of SNT18 at 2,100,000 dong, not yet paid. The table is Thu's timetable for that day.

Giờ Time	Việc Task	Chứng từ, công cụ Document, tool	Làm việc với Working with
08:15	Nhận đề nghị bán hàng cho Thành Đô: 500 thùng SN18 $\times$ 1.450.000 và 200 thùng SNT18 $\times$ 2.100.000 <i>Receive the sales request for Thành Đô: 500 drums of SN18 $\times$ 1,450,000 and 200 drums of SNT18 $\times$ 2,100,000</i>	Đơn đặt hàng, hợp đồng <i>Purchase order, contract</i>	Trần Đức Toàn, trưởng phòng kinh doanh <i>Trần Đức Toàn, sales manager</i>
08:40	Xem tồn: SN18 còn 1.000 thùng (600 đầu kỳ cộng 400 nhập ngày 02/10), SNT18 còn 300 thùng. Xem dư nợ Thành Đô: 460.000.000 <i>Check stock: 1,000 drums of SN18 (600 opening plus 400 received on 2 October) and 300 of SNT18. Check Thành Đô's balance: 460,000,000</i>	Báo cáo tồn kho, sổ chi tiết TK 131 <i>Stock report, 131 subsidiary ledger</i>	Phần mềm kế toán <i>Accounting software</i>

Giờ <i>Time</i>	Việc <i>Task</i>	Chứng từ, công cụ <i>Document, tool</i>	Làm việc với <i>Working with</i>
09:30	Đối chiếu phiếu xuất kho thủ kho lập với đơn đặt hàng: mã hàng, số lượng, người nhận <i>Match the delivery note raised by the storekeeper to the order: item, quantity, recipient</i>	Phiếu xuất kho <i>Delivery note</i>	Đỗ Văn Hùng, thủ kho <i>Đỗ Văn Hùng, storekeeper</i>
11:00	Lập hóa đơn điện tử: tiền hàng 1.145.000.000, GTGT 8% 91.600.000, cộng 1.236.600.000. Soát tên, mã số thuế, địa chỉ khách theo hợp đồng rồi trình kế toán trưởng <i>Raise the electronic invoice: goods 1,145,000,000, VAT at 8% 91,600,000, total 1,236,600,000. Check the customer's name, tax code and address against the contract, then submit to the chief accountant</i>	Hóa đơn điện tử <i>Electronic invoice</i>	Đặng Thị Hồng Nhung, kế toán trưởng <i>Đặng Thị Hồng Nhung, chief accountant</i>
14:00	Ghi doanh thu và khoản phải thu vào Nhật ký chung (bút toán ngay dưới bảng) <i>Post revenue and the receivable to the general journal (entry directly below the table)</i>	Phần mềm kế toán <i>Accounting software</i>	Không có <i>None</i>
15:30	Cập nhật sổ chi tiết TK 131 của Thành Đô: $460.000.000 + 1.236.600.000 = 1.696.600.000$. Gửi hóa đơn cho kế toán Thành Đô; ghi lại hẹn trả 460.000.000 vào ngày 12/10 <i>Update Thành Đô's 131 subsidiary ledger: 460,000,000 + 1,236,600,000 = 1,696,600,000. Send the invoice to Thành Đô's accountant; note the promise to pay 460,000,000 on 12 October</i>	Sổ chi tiết, thư điện tử <i>Subsidiary ledger, email</i>	Kế toán Thành Đô <i>Thành Đô's accountant</i>
16:30	Kẹp đơn đặt hàng, phiếu xuất kho, hóa đơn thành một bộ, đánh số theo ngày <i>Clip the order, delivery note and invoice into one set and number it by date</i>	Bộ chứng từ <i>Document set</i>	Không có <i>None</i>
17:00	Báo kế toán trưởng số lượng đã xuất và doanh thu trong ngày. Giá vốn chưa ghi vì công ty tính bình quân gia quyền cuối tháng <i>Report to the chief accountant the quantities issued and the day's revenue. Cost of sales is not posted yet because the company uses a month-end weighted average</i>	Ghi chú công việc <i>Work note</i>	Đặng Thị Hồng Nhung <i>Đặng Thị Hồng Nhung</i>

Định khoản / Journal entries

08/10 Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng **1.236.600.000**
Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 1.145.000.000
Có TK 3331 – Thuế giá trị gia tăng phải nộp 91.600.000

Giá vốn của lô này chờ đến 31/10. Khi đó Huy ghi giá vốn $SN18\ 500 \times 1.154.000 = 577.000.000$ đồng và $SNT18\ 200 \times 1.680.000 = 336.000.000$ đồng, cùng với giá vốn các mã hàng bán lẻ, thành 1.288.600.000 đồng cho cả tháng.

The cost of this order waits until 31 October. Huy then posts $SN18\ 500 \times 1,154,000 = 577,000,000$ dong and $SNT18\ 200 \times 1,680,000 = 336,000,000$ dong, together with the cost of the retail items, making 1,288,600,000 dong for the month.

GHI NHỚ / KEY POINT — Ngày bán hàng chỉ ghi doanh thu và phải thu. Phiếu xuất kho trong ngày mang số lượng, chưa mang tiền, vì giá xuất kho bình quân chỉ biết sau khi hết tháng. Đừng tự điền đơn giá tạm vào sổ rồi quên sửa.

On the day of sale you record only revenue and the receivable. The delivery note carries quantity, not money, because the average issue cost is known only after the month closes. Do not enter a provisional price in the books and forget to correct it.

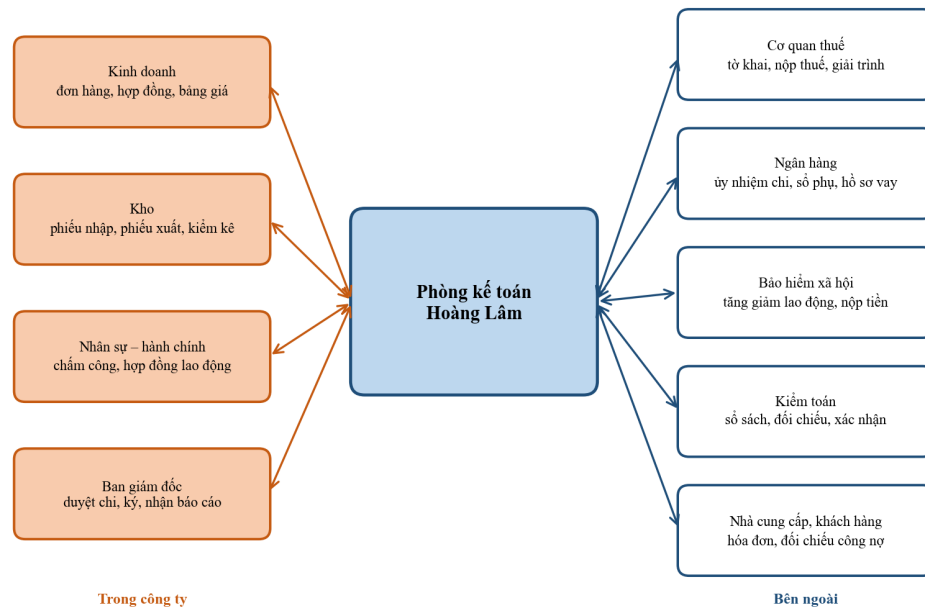
LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Lập hóa đơn và ghi doanh thu khi mới nhận đơn đặt hàng, hàng chưa xuất kho. Doanh thu và phải thu phình lên, thuế GTGT đầu ra bị khai sớm, trong khi thẻ kho vẫn còn đủ hàng. Chỉ ghi doanh thu khi phiếu xuất kho đã có và khách đã nhận hàng; hỏi kế toán trưởng mốc lập hóa đơn theo Nghị định 254/2026 trước khi lập hóa đơn đầu tiên.

Raising the invoice and booking revenue when only the purchase order has arrived and the goods have not left the warehouse. Revenue and receivables swell, output VAT is declared early, and the stock card still shows the goods. Book revenue only once a delivery note exists and the customer has received the goods; ask the chief accountant for the invoicing trigger under Decree 254/2026 before you issue your first invoice.

1.7. Quan hệ với phòng ban và bên ngoài — *Working with other departments and outside bodies*

Kế toán là phòng nhận hồ sơ của mọi phòng khác rồi trả lại số liệu. Bảng đầu liệt kê bốn đầu mối trong công ty; bảng sau liệt kê năm bên ngoài, kèm mốc thời gian đã kiểm.

Accounting is the department that receives paperwork from every other department and returns figures. The first table lists four internal contacts; the second lists five outside parties with the deadlines that have been checked.



Hình 1.2. Phòng kế toán Hoàng Lâm và các đầu mối làm việc cùng
Figure 1.2. The Hoàng Lâm accounting department and the parties it works with

Bộ phận <i>Department</i>	Họ đưa cho kế toán <i>They give accounting</i>	Kế toán trả lại <i>Accounting gives back</i>	Chỗ hay vướng <i>Where it sticks</i>
Kinh doanh <i>Sales</i>	Đơn đặt hàng, hợp đồng, bảng giá, đề nghị thu nợ <i>Orders, contracts, price lists, requests to chase payment</i>	Hóa đơn, bảng tuổi nợ, lãi gộp theo mặt hàng <i>Invoices, debt ageing, gross profit by product</i>	Đề nghị lập hóa đơn sớm hoặc muộn so với ngày giao hàng; chiết khấu hứa miệng không có văn bản <i>Requests to invoice before or after delivery; verbal discounts with nothing in writing</i>
Kho <i>Warehouse</i>	Phiếu nhập, phiếu xuất, thẻ kho, kết quả kiểm kê <i>Goods received and delivery notes, stock cards, stocktake results</i>	Báo cáo nhập – xuất – tồn, đơn giá xuất kho <i>Stock movement report, issue cost</i>	Hàng về chưa có hóa đơn; xuất trước, làm phiếu sau <i>Goods arriving before the invoice; issuing first and writing the note afterwards</i>
Hành chính – nhân sự <i>Administration and HR</i>	Bảng chấm công, hợp đồng lao động, thông báo nhân viên mới hoặc nghỉ việc, hóa đơn chi phí văn phòng <i>Timesheets, employment contracts, notices of joiners and leavers, office expense invoices</i>	Bảng lương, phiếu lương, số liệu bảo hiểm <i>Payroll, payslips, insurance figures</i>	Báo muộn người nghỉ việc nên bảo hiểm và thuế tính sai kỳ <i>Late notice of leavers, so insurance and tax fall in the wrong period</i>

Bộ phận <i>Department</i>	Họ đưa cho kế toán <i>They give accounting</i>	Kế toán trả lại <i>Accounting gives back</i>	Chỗ hay vướng <i>Where it sticks</i>
Ban giám đốc <i>Management</i>	Đề nghị chi, hợp đồng vay, chủ trương kinh doanh <i>Payment requests, loan agreements, business decisions</i>	Báo cáo tiền, công nợ, kết quả tháng, báo cáo tài chính <i>Cash, receivables, monthly result, financial statements</i>	Yêu cầu sửa số hoặc ghi theo ý muốn; xem Điều 13 và Điều 51 khoản 2 ở mục 1.8 <i>Requests to alter figures; see Articles 13 and 51(2) in section 1.8</i>

Bên ngoài <i>Outside party</i>	Làm việc về <i>Business with them</i>	Hồ sơ hai bên trao đổi <i>Documents exchanged</i>	Mốc đã kiểm <i>Checked deadline or figure</i>
Cơ quan thuế <i>Tax authority</i>	Khai, nộp thuế; giải trình khi có yêu cầu <i>Filing and paying tax; explaining when asked</i>	Tờ khai GTGT quý, tờ khai quyết toán, bảng kê hóa đơn, chứng từ nộp tiền <i>Quarterly VAT return, annual finalisation return, invoice listings, payment receipts</i>	Hoàng Lâm khai GTGT theo quý: hạn là ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau, quý 4/2026 là 31/01/2027. Quyết toán thuế: ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc kỳ quyết toán, năm 2026 là 31/3/2027 (Nghị định 252/2026 Điều 10 khoản 3, khoản 5) <i>Hoàng Lâm files VAT quarterly: due on the last day of the first month of the next quarter, so 31 January 2027 for Q4 2026. Tax finalisation: the last day of the third month after the end of the finalisation period, so 31 March 2027 for 2026 (Decree 252/2026 Art. 10, cl. 3 and 5)</i>
Ngân hàng <i>Bank</i>	Chuyển tiền, vay vốn, cung cấp sổ phụ <i>Payments, borrowing, statements</i>	Ủy nhiệm chi, sổ phụ, hợp đồng tín dụng, báo cáo tài chính gửi ngân hàng <i>Payment orders, statements, credit agreement, financial statements sent to the bank</i>	Khoản vay 700.000.000 đồng, lãi 7,2% một năm, lãi tháng 10 là 4.200.000 đồng. Báo cáo gửi ngân hàng phải cùng số với báo cáo nộp thuế (Điều 13 khoản 10) <i>Loan of 700,000,000 dong at 7.2% a year; October interest is 4,200,000 dong. Statements sent to the bank must carry the same figures as those filed for tax (Art. 13, cl. 10)</i>
Bảo hiểm xã hội <i>Social insurance agency</i>	Đăng ký đóng, báo tăng giảm lao động, nộp tiền hằng tháng <i>Registering</i>	Danh sách lao động, mức lương đóng, chứng từ nộp tiền <i>Employee list, insurable pay, payment receipts</i>	Tháng 10/2026 trích theo lương: doanh nghiệp 49.585.000 đồng (23,5%, gồm kinh phí công đoàn 2%), người lao động 22.155.000 đồng (10,5%)

Bên ngoài <i>Outside party</i>	Làm việc về <i>Business with them</i>	Hồ sơ hai bên trao đổi <i>Documents exchanged</i>	Mốc đã kiểm <i>Checked deadline or figure</i>
	<i>contributions, reporting joiners and leavers, monthly payments</i>		<i>October 2026 payroll charges: employer 49,585,000 dong (23.5%, including 2% union fee), employees 22,155,000 dong (10.5%)</i>
Kiểm toán <i>Auditors</i>	Soát sổ sách, chứng từ; xin xác nhận số dư <i>Reviewing books and documents; requesting balance confirmations</i>	Sổ cái, sổ chi tiết, biên bản kiểm kê, thư xác nhận công nợ <i>General ledger, subsidiary ledgers, stocktake records, balance confirmation letters</i>	Báo cáo tài chính năm nộp trong 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, tức 31/3/2027 cho năm 2026 (Luật Kế toán Điều 29 khoản 3); báo cáo thuộc diện bắt buộc kiểm toán phải kiểm toán trước khi nộp (Điều 33 khoản 1) <i>Annual financial statements are due within 90 days of the end of the annual accounting period, so 31 March 2027 for 2026 (Accounting Law Art. 29, cl. 3); statements that must be audited are audited before filing (Art. 33, cl. 1)</i>
Nhà cung cấp, khách hàng <i>Suppliers and customers</i>	Đối chiếu công nợ, trao đổi hóa đơn <i>Balance confirmations, exchanging invoices</i>	Biên bản đối chiếu công nợ, hóa đơn <i>Balance confirmation records, invoices</i>	Thành Đô trả 460.000.000 đồng ngày 12/10; Hoàng Lâm trả Sơn Tân Phong 620.000.000 đồng ngày 15/10 <i>Thành Đô pays 460,000,000 dong on 12 October; Hoàng Lâm pays Sơn Tân Phong 620,000,000 dong on 15 October</i>

GHI NHỚ / KEY POINT — Mọi con số đưa ra ngoài công ty phải truy được về sổ và chứng từ. Số gửi ngân hàng, số khai thuế và số cho kiểm toán là một bộ số; Điều 13 khoản 10 cấm cung cấp báo cáo tài chính có số liệu không đồng nhất trong cùng một kỳ.

Every figure that leaves the company must trace back to the books and documents. The numbers given to the bank, filed for tax and shown to the auditors are one set; Article 13, clause 10 prohibits financial statements with inconsistent figures for the same period.

1.8. Điều cấm, điều kiện và người không được làm kế toán — *Prohibited acts, requirements and who may not work as an accountant*

Điều 13 Luật Kế toán liệt kê 15 hành vi bị nghiêm cấm. Bảng sau chọn tám hành vi người làm kế toán hằng ngày dễ chạm tới.

Article 13 of the Accounting Law lists 15 prohibited acts. The table picks eight that people in daily accounting work come close to.

Kho ản Cl.	Hành vi bị cấm <i>Prohibited act</i>	Gặp ở đâu trong công việc <i>Where it shows up at work</i>
1	Giả mạo, khai man hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa chứng từ kế toán hoặc tài liệu kế toán khác <i>Forging or falsifying, or forcing another to forge or falsify, or erasing accounting documents or other records</i>	Tẩy số tiền trên phiếu chi; làm thêm biên bản đối chiếu cho đủ bộ hồ sơ <i>Erasing the amount on a payment voucher; producing a confirmation after the fact to complete a file</i>
2	Cố ý cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật <i>Knowingly providing or confirming false accounting information</i>	Xác nhận với khách số dư khác sổ; trả lời ngân hàng bằng số chưa khớp sổ chi tiết <i>Confirming to a customer a balance that differs from the books; answering the bank with figures not yet matched to the ledger</i>
3	Đề ngoài sổ kế toán tài sản, nợ phải trả của đơn vị hoặc có liên quan đến đơn vị <i>Leaving the unit's assets or liabilities, or those connected with it, outside the books</i>	Khách chuyển tiền vào tài khoản cá nhân chưa nộp về công ty; hàng nhận ký gửi không ghi sổ <i>A customer pays into a personal account that is not passed to the company; consignment goods not recorded</i>
4	Hủy hoặc cố ý làm hư hỏng tài liệu kế toán trước khi hết thời hạn lưu trữ (Điều 41) <i>Destroying or deliberately damaging accounting records before the retention period ends (Art. 41)</i>	Dọn tủ hồ sơ bỏ chứng từ năm cũ; xóa tệp trên máy chủ khi chưa sao lưu. Thời hạn lưu trữ 5 năm, 10 năm hoặc vĩnh viễn (Nghị định 174/2016 Điều 12 đến 14) <i>Clearing the filing cabinet of old vouchers; deleting files from the server with no backup. Retention is 5 years, 10 years or permanent (Decree 174/2016 Arts. 12 to 14)</i>
7	Người quản lý, điều hành đơn vị kiêm làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ, trừ doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu <i>A manager or executive also acting as accountant, storekeeper or cashier, except in a sole proprietorship or a single-member company owned by an individual</i>	Giám đốc tự giữ quỹ hoặc tự ghi sổ <i>The director holding the cash or posting the books personally</i>
8	Bố trí hoặc thuê người làm kế toán, kế toán trưởng không đủ tiêu chuẩn theo Điều 51 và Điều 54 <i>Assigning or hiring an accountant or chief accountant who does not meet Articles 51 and 54</i>	Giao việc kế toán trưởng cho người chưa có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng <i>Giving the chief accountant's work to someone without the chief accountant training certificate</i>

Kho ản Cl.	Hành vi bị cấm <i>Prohibited act</i>	Gặp ở đâu trong công việc <i>Where it shows up at work</i>
9	Thuê, mượn, cho thuê, cho mượn chứng chỉ kế toán viên, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán <i>Renting or lending an accountant certificate or a practising registration certificate</i>	Cho công ty khác đứng tên bằng của mình để lấy phí <i>Letting another company use your certificate for a fee</i>
10	Lập hai hệ thống sổ kế toán tài chính trở lên hoặc cung cấp, công bố báo cáo tài chính có số liệu không đồng nhất trong cùng một kỳ <i>Keeping two or more sets of financial books, or issuing financial statements with inconsistent figures for the same period</i>	“Sổ hai bộ”: một bộ cho cơ quan thuế, một bộ cho ngân hàng hoặc chủ sở hữu <i>“Two sets of books”: one for the tax authority, another for the bank or owners</i>

Hậu quả pháp lý của các lỗi này nằm ở Nghị định 41/2018/NĐ-CP, Chương II (phần kế toán còn hiệu lực), sửa bởi Nghị định 102/2021/NĐ-CP. Mức phạt tối đa cho một hành vi là 50.000.000 đồng với cá nhân và 100.000.000 đồng với tổ chức (Điều 6 khoản 1). Các mức trong bảng sau là mức áp dụng cho cá nhân; tổ chức cùng hành vi bị phạt gấp 2 lần (Điều 6 khoản 2, sửa bởi Điều 5 Nghị định 102/2021).

The legal consequences sit in Decree 41/2018/NĐ-CP, Chapter II (the accounting part remains in force), amended by Decree 102/2021/NĐ-CP. The maximum fine for one act is VND 50,000,000 for an individual and VND 100,000,000 for an organisation (Article 6, clause 1). The scales in the next table are those for individuals; an organisation committing the same act is fined twice as much (Article 6, clause 2, as amended by Article 5 of Decree 102/2021).

Hành vi <i>Act</i>	Căn cứ <i>Basis</i>	Mức phạt, cá nhân <i>Fine, individual</i>
Tẩy xóa, sửa chữa chứng từ kế toán <i>Erasing or altering an accounting document</i>	Điều 8 khoản 1 điểm b <i>Art. 8, cl. 1(b)</i>	3.000.000 đến 5.000.000 đồng <i>VND 3,000,000 to 5,000,000</i>
Ký chứng từ kế toán không đúng thẩm quyền <i>Signing an accounting document without authority</i>	Điều 8 khoản 2 điểm c <i>Art. 8, cl. 2(c)</i>	5.000.000 đến 10.000.000 đồng <i>VND 5,000,000 to 10,000,000</i>
Không lập chứng từ kế toán khi nghiệp vụ phát sinh <i>Not raising a document when a transaction occurs</i>	Điều 8 khoản 3 điểm d <i>Art. 8, cl. 3(d)</i>	20.000.000 đến 30.000.000 đồng <i>VND 20,000,000 to 30,000,000</i>
Chi tiền khi chứng từ chưa đủ chữ ký của người có thẩm quyền <i>Paying out before the voucher carries all required signatures</i>	Điều 8 khoản 3 điểm e <i>Art. 8, cl. 3(e)</i>	20.000.000 đến 30.000.000 đồng <i>VND 20,000,000 to 30,000,000</i>

Hành vi <i>Act</i>	Căn cứ <i>Basis</i>	Mức phạt, cá nhân <i>Fine, individual</i>
Hạch toán không đúng nội dung quy định của tài khoản kế toán <i>Posting contrary to the prescribed content of an account</i>	Điều 10 khoản 1 điểm a <i>Art. 10, cl. 1(a)</i>	5.000.000 đến 10.000.000 đồng <i>VND 5,000,000 to 10,000,000</i>
Không tổ chức bàn giao công tác kế toán khi thay người làm kế toán <i>Not organising a handover when the accountant changes</i>	Điều 17 khoản 1 điểm c <i>Art. 17, cl. 1(c)</i>	5.000.000 đến 10.000.000 đồng <i>VND 5,000,000 to 10,000,000</i>
Bố trí người mà pháp luật không cho làm kế toán <i>Assigning someone the law bars from accounting</i>	Điều 17 khoản 2 điểm b <i>Art. 17, cl. 2(b)</i>	10.000.000 đến 20.000.000 đồng <i>VND 10,000,000 to 20,000,000</i>
Bố trí người quản lý, điều hành kiêm kế toán, thủ kho, thủ quỹ (trừ ngoại lệ) <i>Assigning a manager to double as accountant, storekeeper or cashier (except where permitted)</i>	Điều 17 khoản 3 điểm a <i>Art. 17, cl. 3(a)</i>	20.000.000 đến 30.000.000 đồng <i>VND 20,000,000 to 30,000,000</i>

Điều 52 liệt kê bốn nhóm người không được làm kế toán. Điều 51 đặt hai tiêu chuẩn cho người được làm: phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật; và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán.

Article 52 lists four groups who may not work as accountants. Article 51 sets two standards for those who may: professional ethics, honesty, integrity and respect for the law; and professional competence in accounting.

Kho ản Cl.	Ai không được làm kế toán (Điều 52) <i>Who may not (Art. 52)</i>	Áp vào Hoàng Lâm <i>Applied at Hoàng Lâm</i>
1	Người chưa thành niên; người bị Tòa án tuyên bố hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc <i>Minors; people the court has declared to have limited or no civil capacity; people serving a compulsory education or compulsory drug treatment measure</i>	Thực tập sinh dưới 18 tuổi không được giao ghi sổ <i>An intern under 18 may not be given bookkeeping</i>
2	Người đang bị cấm hành nghề kế toán theo bản án hoặc quyết định của Tòa án; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hình phạt tù hoặc đã bị kết án về tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội phạm về chức vụ liên quan tài chính, kế toán mà chưa được xóa án tích <i>People barred from accounting by a court judgment or decision; under criminal prosecution; serving a prison</i>	Công ty phải kiểm tra trước khi giao việc; bố trí người thuộc nhóm này bị phạt theo Điều 17 khoản 2 điểm b Nghị định 41/2018 <i>The company must check before assigning work; assigning such a person is fined under Decree 41/2018 Art. 17, cl. 2(b)</i>

Kho ản Cl.	Ai không được làm kế toán (Điều 52) <i>Who may not (Art. 52)</i>	Áp vào Hoàng Lâm <i>Applied at Hoàng Lâm</i>
	<i>sentence, or convicted of offences against economic management or of office-related offences concerning finance or accounting whose record has not been expunged</i>	
3	Cha mẹ, vợ chồng, con, anh chị em ruột của người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu, giám đốc, tổng giám đốc, cấp phó phụ trách tài chính - kế toán, kế toán trưởng trong cùng đơn vị, trừ doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn một cá nhân làm chủ sở hữu và các trường hợp Chính phủ quy định (Nghị định 174/2016 Điều 19 khoản 2 thêm doanh nghiệp siêu nhỏ không có vốn nhà nước) <i>Parents, spouse, children, siblings of the legal representative, head, director, general director, deputy in charge of finance and accounting, or chief accountant of the same unit, except sole proprietorships, single-member companies owned by an individual and cases set by the Government (Decree 174/2016 Art. 19, cl. 2 adds micro enterprises with no state capital)</i>	Em ruột của giám đốc Phạm Văn Lâm không được làm kế toán ở Hoàng Lâm nếu không thuộc ngoại lệ <i>A sibling of the director Phạm Văn Lâm may not work as an accountant at Hoàng Lâm unless an exception applies</i>
4	Người đang là người quản lý, điều hành, thủ kho, thủ quỹ, người mua, bán tài sản trong cùng đơn vị, trừ các ngoại lệ như khoản 3 <i>A manager or executive, storekeeper, cashier, or person who buys or sells assets in the same unit, with the same exceptions as clause 3</i>	Lê Thị Mai (thủ quỹ), Đỗ Văn Hùng (thủ kho) và giám đốc không ghi sổ kế toán <i>Lê Thị Mai (cashier), Đỗ Văn Hùng (storekeeper) and the director do not post the accounting books</i>

Điều 51 khoản 2 trao cho người làm kế toán quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ; quyền bảo lưu ý kiến chuyên môn bằng văn bản khi khác ý kiến với người ra quyết định; và quyền báo cáo bằng văn bản khi thấy hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán. Nếu vẫn phải chấp hành quyết định thì báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người ra quyết định hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, và khi đó không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định. Khoản 3 buộc người làm kế toán cũ bàn giao công việc và tài liệu cho người mới, và vẫn chịu trách nhiệm về thời gian mình làm.

Article 51, clause 2 gives accountants independence in professional matters; the right to put a differing professional opinion on record in writing; and the right to report in writing when they see a breach of finance or accounting law. If the decision must still be carried out, they report to the superior of the person who made it, or to the competent state body, and are then not responsible for the consequences of carrying it out. Clause 3 requires an outgoing accountant to hand over work and records to the successor, and the outgoing accountant stays responsible for the period of their own work.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Làm theo lời dặn miệng “ghi lùi sang tháng trước cho đẹp sổ”. Giả sử trưởng phòng kinh doanh Trần Đức Toàn nhờ lập hóa đơn ngày 08/10 nhưng ghi ngày 30/9 để đủ chỉ tiêu quý 3. Đó là khai man chứng từ (Điều 13 khoản 1), phạt 20 đến 30 triệu đồng theo Điều 8 khoản 3 điểm a Nghị định 41/2018 khi chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, và người lập hóa đơn là người ký tên. Từ chối, đề nghị bằng thư điện tử gửi kế toán trưởng nêu rõ Điều 51 khoản 2.

Following a spoken instruction to “backdate it to last month to tidy the figures”. Suppose the sales manager Trần Đức Toàn asks you to raise the 8 October invoice but date it 30 September to meet the Q3 target. That is falsifying a document (Article 13, clause 1), fined VND 20 to 30 million under Article 8, clause 3(a) of Decree 41/2018 where it falls short of criminal liability, and the person who raises the invoice is the person who signs. Refuse, and send the chief accountant an email setting out the request and citing Article 51, clause 2.

1.9. Đạo đức nghề nghiệp — Professional ethics

Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán ban hành kèm Thông tư 70/2015/TT-BTC, hiệu lực từ 01/01/2016. Phần C áp dụng cho người có chứng chỉ hành nghề kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên làm việc trong doanh nghiệp (Điều 2 khoản 3). Người chưa có chứng chỉ chưa thuộc đối tượng áp dụng trực tiếp, nhưng năm nguyên tắc cơ bản ở đoạn 100.5 là thước đo của nghề và là điều bạn sẽ phải tuân thủ khi có chứng chỉ.

The Code of Professional Ethics for Accountants and Auditors issued with Circular 70/2015/TT-BTC took effect on 1 January 2016. Part C applies to holders of an accountant’s practising certificate or an auditor’s certificate who work in businesses (Article 2, clause 3). Someone without a certificate is not directly bound, but the five fundamental principles in paragraph 100.5 are the benchmark of the trade and what you will have to follow once certified.

Nguyên tắc <i>Principle</i>	Nội dung theo chuẩn mực <i>What the code says</i>	Tình huống ở Hoàng Lâm <i>A situation at Hoàng Lâm</i>
Tính chính trực <i>Integrity</i>	Thẳng thắn, trung thực trong mọi quan hệ chuyên môn và kinh doanh; không để bị gắn tên với báo cáo, tờ khai có sai sót trọng yếu hoặc gây hiểu nhầm (đoạn 110.2) <i>Straightforward and honest in all professional and business dealings; not to be associated with reports or returns containing material errors or misleading information (para. 110.2)</i>	Kế toán trưởng không ký báo cáo tài chính khi TK 131 chưa khớp sổ chi tiết; Thư không ký phiếu nhập khi chưa có sổ thủ kho đếm <i>The chief accountant does not sign the statements while 131 disagrees with the subsidiary ledger; Thư does not sign a goods received note before the storekeeper’s count</i>
Tính khách quan <i>Objectivity</i>	Không để thiên vị, xung đột lợi ích hay ảnh hưởng không hợp lý chi phối xét đoán chuyên môn <i>Not letting bias, conflicts of interest or undue influence override professional judgement</i>	Nhà cung cấp biếu riêng quà cho kế toán kho và đề nghị nhập thêm hàng: báo kế toán trưởng, không nhận <i>A supplier offers the inventory accountant a private gift and asks for bigger orders: tell the chief accountant and decline</i>

Nguyên tắc <i>Principle</i>	Nội dung theo chuẩn mực <i>What the code says</i>	Tình huống ở Hoàng Lâm <i>A situation at Hoàng Lâm</i>
Năng lực chuyên môn và tính thận trọng <i>Professional competence and due care</i>	Duy trì kiến thức, kỹ năng ở mức cần thiết; hành động thận trọng theo chuẩn mực nghề nghiệp và kỹ thuật <i>Maintaining the knowledge and skill needed; acting with due care under applicable standards</i>	Thông tư 99/2025 áp dụng từ năm 2026: tự học danh mục tài khoản mới thay vì hạch toán theo thói quen cũ <i>Circular 99/2025 applies from 2026: study the new chart of accounts rather than post from old habit</i>
Tính bảo mật <i>Confidentiality</i>	Không tiết lộ thông tin có được từ quan hệ chuyên môn cho bên thứ ba khi chưa được phép, trừ khi có quyền hoặc nghĩa vụ theo pháp luật; không dùng thông tin vì lợi ích cá nhân (đoạn 100.5 điểm d) <i>Not disclosing information gained in professional work to third parties without authority, unless legally entitled or obliged; not using it for personal gain (para. 100.5(d))</i>	Bảng lương 12 người, giá bán cho Thành Đô, sổ dư công nợ: không gửi cho người ngoài, không đưa vào công cụ AI công cộng <i>The 12-person payroll, the price charged to Thành Đô, receivable balances: not sent outside, not pasted into public AI tools</i>
Tư cách nghề nghiệp <i>Professional behaviour</i>	Tuân thủ pháp luật; tránh hành vi làm giảm uy tín nghề nghiệp (đoạn 150.1) <i>Complying with law; avoiding conduct that discredits the profession (para. 150.1)</i>	Không nhận “làm đẹp số” cho bạn bè để vay ngân hàng <i>Not agreeing to “tidy the figures” for a friend’s bank loan</i>

Khi bị yêu cầu làm điều trái nguyên tắc, làm theo bốn bước. Bước 2 đến bước 4 nằm trong quyền của bạn theo Điều 51 khoản 2; bước 4 là lối thoát luật cho phép khi quyết định vẫn được ban hành.

When asked to do something against these principles, work through four steps. Steps 2 to 4 are within your rights under Article 51, clause 2; step 4 is the way out the law allows when the decision is still issued.

- Hỏi lại bằng thư điện tử: yêu cầu cụ thể là gì, chứng từ nào làm căn cứ, ai duyệt.
Ask again by email: what exactly is requested, which document supports it, who approved it.
- Nêu ý kiến chuyên môn khác bằng văn bản, trích đúng Điều, khoản (bảo lưu ý kiến, Điều 51 khoản 2).
State your differing professional opinion in writing, citing the exact Article and clause (preserving your opinion, Article 51, clause 2).
- Báo cáo bằng văn bản cho kế toán trưởng hoặc người đại diện theo pháp luật của đơn vị.
Report in writing to the chief accountant or the unit’s legal representative.
- Nếu vẫn phải chấp hành, báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người ra quyết định hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; khi đó bạn không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định.
If you must still comply, report to the direct superior of the decision-maker or to the

competent state body; you are then not responsible for the consequences of carrying out the decision.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Chụp bảng lương gửi nhóm bạn bè để hỏi cách tính thuế TNCN. Bảng lương chứa họ tên, mức lương và số người phụ thuộc của 12 người; đó là thông tin có được từ công việc, thuộc phạm vi bảo mật. Muốn hỏi, che tên và đổi số hoặc tự dựng một bảng ví dụ.

Photographing the payroll and posting it to a friends' group to ask how personal income tax works. The payroll holds names, pay and dependants of 12 people; it is information gained through the job and falls under confidentiality. If you want to ask, cover the names and change the figures, or build your own example.

1.10. Phần mềm và AI: máy làm gì, người làm gì — *Software and AI: what machines do and what people do*

Hoàng Lâm ghi Nhật ký chung trên phần mềm. Phần mềm cộng sổ và lập báo cáo từ bút toán đã nhập; nó không biết bút toán đó đúng hay sai. Bảng sau tách từng việc thành phần máy làm và phần người phải làm.

Hoàng Lâm keeps its general journal in software. The software totals the ledgers and builds reports from the entries keyed in; it does not know whether an entry is right. The table splits each task into what the machine does and what a person must do.

Việc <i>Task</i>	Phần mềm hoặc AI làm <i>Software or AI does</i>	Người làm và chịu trách nhiệm <i>The person does and answers for</i>
Cộng sổ, lập sổ cái, sổ chi tiết, bảng cân đối số phát sinh <i>Totalling, ledgers, trial balance</i>	Tự cộng, tự chuyển từ Nhật ký chung sang sổ cái <i>Totals and carries from the journal to the ledger automatically</i>	Chọn đúng tài khoản và định khoản đúng bản chất; soát bút toán trước khi duyệt <i>Choosing the account and the right substance of the entry; reviewing before approval</i>
Nhập hóa đơn đầu vào <i>Entering input invoices</i>	Đọc tệp hóa đơn điện tử, điền sẵn người bán, mã số thuế, số tiền, thuế suất <i>Reads the e-invoice file and pre-fills seller, tax code, amount and rate</i>	Kiểm hóa đơn hợp lệ và thuế suất đúng: cước viễn thông 2.500.000 đồng chịu 10%, thuế 250.000 đồng <i>Checking validity and the correct rate: the 2,500,000 dong telecom charge bears 10%, tax 250,000 dong</i>
Đối chiếu sổ phụ ngân hàng <i>Bank reconciliation</i>	Ghép dòng sổ phụ với dòng sổ tiền gửi theo số tiền, ngày <i>Matches statement lines to ledger lines by amount and date</i>	Xử lý dòng chưa khớp: tiền vào không rõ nội dung, phí ngân hàng, chuyển nhầm <i>Resolving unmatched lines: receipts with no reference, bank charges, misdirected payments</i>

Việc <i>Task</i>	Phần mềm hoặc AI làm <i>Software or AI does</i>	Người làm và chịu trách nhiệm <i>The person does and answers for</i>
Tính lương, bảo hiểm, thuế TNCN <i>Payroll, insurance, personal income tax</i>	Tính theo công thức và biểu thuế đã cài <i>Calculates by the formula and tax table set up</i>	Cập nhật khi văn bản đổi; nhập đúng số người phụ thuộc đã đăng ký (ví dụ ngay dưới bảng) <i>Updating when the rules change; keying the registered number of dependants (see the example below)</i>
Tính giá xuất kho bình quân <i>Average issue cost</i>	Chia tổng giá trị cho tổng số lượng khi khóa sổ <i>Divides total value by total quantity at closing</i>	Bảo đảm đã nhập đủ chi phí vận chuyển (5.000.000 đồng của BB40) trước khi chạy <i>Making sure all carriage (5,000,000 dong on BB40) is entered before running it</i>
Soạn thư nhắc nợ, tóm tắt hợp đồng, giải thích văn bản (AI) <i>Drafting reminders, summarising contracts, explaining rules (AI)</i>	Viết bản nháp, rút gọn văn bản dài <i>Writes a draft, shortens a long text</i>	Kiểm lại số tiền, tên, ngày; đọc điều luật từ văn bản gốc vì AI có thể trích sai số hiệu hoặc mức phạt; không đưa mã số thuế, lương, số tài khoản vào công cụ ngoài khi công ty chưa cho phép <i>Re-checking amounts, names and dates; reading the law from the original text since AI can misquote numbers or fines; not entering tax codes, pay or account numbers into outside tools without company approval</i>
Kiểm kê hàng và quỹ <i>Counting stock and cash</i>	Báo số tồn theo sổ <i>Reports the book balance</i>	Đếm thực tế, lập biên bản, xác định nguyên nhân chênh lệch và phản ánh vào sổ trước khi lập báo cáo tài chính (Điều 40 khoản 3) <i>Physically counting, preparing the record, finding the cause of differences and posting them before the financial statements are prepared (Art. 40, cl. 3)</i>
Ký báo cáo tài chính, tờ khai <i>Signing statements and returns</i>	Không ký được; chỉ in hoặc xuất tệp <i>Cannot sign; only prints or exports</i>	Báo cáo tài chính phải có chữ ký của người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật; người ký chịu trách nhiệm về nội dung (Điều 29 khoản 2 điểm d) <i>The statements must carry the signatures of the preparer, the chief accountant and the legal representative; each signatory answers for the content (Art. 29, cl. 2(d))</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Giám đốc Phạm Văn Lâm lương 45.000.000 đồng, bảo hiểm người lao động 4.725.000 đồng, đã đăng ký 2 người phụ thuộc: thuế TNCN 737.500 đồng. Nếu Thư nhập nhầm 1 người phụ thuộc, phần mềm vẫn tính tron tru và ra 1.357.500 đồng, khấu trừ dư 620.000 đồng mỗi tháng, tức 7.440.000 đồng một năm. Phần mềm không có cách biết số nhập sai; người đối chiếu với hồ sơ người phụ thuộc mới biết.

Director Phạm Văn Lâm earns 45,000,000 dong, employee insurance is 4,725,000 dong, and 2 dependants are registered: personal income tax is 737,500 dong. If Thư keys 1 dependant by mistake, the software calculates smoothly and returns 1,357,500 dong, an over-deduction of 620,000 dong a month, or 7,440,000 dong a year. The software cannot know the input is wrong; only a person comparing it with the dependants' records will.

Điều 17 khoản 2 yêu cầu chứng từ điện tử bảo đảm tính bảo mật và bảo toàn dữ liệu, được quản lý chống khai thác, xâm nhập, sao chép, đánh cắp hoặc sử dụng không đúng quy định. Trong công việc: mỗi người một tài khoản phần mềm với quyền riêng, người lập không tự duyệt, và có bản sao lưu dữ liệu theo lịch.

Article 17, clause 2 requires electronic documents to keep their confidentiality and integrity and to be controlled against misuse, intrusion, copying, theft or improper use. In practice: one software account per person with its own rights, the preparer does not approve their own entry, and data is backed up on a schedule.

GHI NHỚ / KEY POINT — Máy làm phần cộng, ghép và soạn thảo; bạn làm phần quyết định bản chất nghiệp vụ, đối chiếu với thực tế, ký tên và chịu trách nhiệm. Khi báo cáo sai, cơ quan thuế và kiểm toán tìm người ký, không tìm phần mềm.

The machine adds, matches and drafts; you decide the substance of the transaction, compare it with reality, sign and answer for it. When a statement is wrong, the tax authority and the auditors look for the signatory, not the software.

1.11. Việc cần làm ngay — Action checklist

- Chép Điều 3 khoản 8 và Điều 4 vào sổ tay, rồi viết năm việc bạn sẽ làm tuần này tương ứng với năm động từ: thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích, cung cấp.
Copy Article 3, clause 8 and Article 4 into your notebook, then write five jobs you will do this week, one for each verb: collect, process, check, analyse, provide.
- Lập bảng chín vị trí của phòng kế toán ở công ty bạn làm hoặc muốn vào; đánh dấu vị trí của bạn và người kiểm tra chéo bạn.
Draw up the nine roles of the accounting department at the company where you work or want to work; mark your role and who cross-checks you.
- Xin kế toán trưởng sơ đồ phân công bằng văn bản; hỏi ai giữ quỹ, ai giữ kho, ai ghi sổ hai việc đó.
Ask the chief accountant for the allocation of duties in writing; ask who holds the cash, who holds the stock and who posts the books for both.
- Tự kiểm tra bốn khoản Điều 52 với chính bạn và với người bạn làm việc cạnh: có ai là thủ kho, thủ quỹ hay người thân của người đứng đầu đơn vị không.
Test the four clauses of Article 52 against yourself and the people beside you: is anyone a storekeeper, cashier or close relative of the head of the unit.
- Mở Luật Kế toán (Văn bản hợp nhất 41/VBHN-VPQH), đánh dấu Điều 13 và Điều 51 đến 55; viết ra năm hành vi mà công việc của bạn dễ chạm tới nhất.
Open the Accounting Law (consolidated text 41/VBHN-VPQH), mark Article 13 and Articles 51 to 55, and write down the five prohibited acts your own work comes closest to.
- Cuối tháng này, đối chiếu một tài khoản có sổ chi tiết (TK 131 hoặc 331) giữa sổ cái và sổ chi tiết; chênh lệch phải bằng 0.
At the end of this month, reconcile one account that has a subsidiary ledger (131 or 331) between the general ledger and the subsidiary ledger; the difference must be zero.
- Liệt kê phần mềm công ty đang dùng, ai có quyền lập, ai có quyền duyệt từng chức năng, và sao lưu dữ liệu chạy lúc nào.

List the software the company uses, who may prepare and who may approve in each function, and when the data backup runs.

- Đọc chương 110 đến 150 của Chuẩn mực đạo đức (Thông tư 70/2015/TT-BTC) và viết một tình huống thật bạn đã gặp ứng với một nguyên tắc.

Read chapters 110 to 150 of the Code of Ethics (Circular 70/2015/TT-BTC) and write up one real situation you have met that matches one principle.

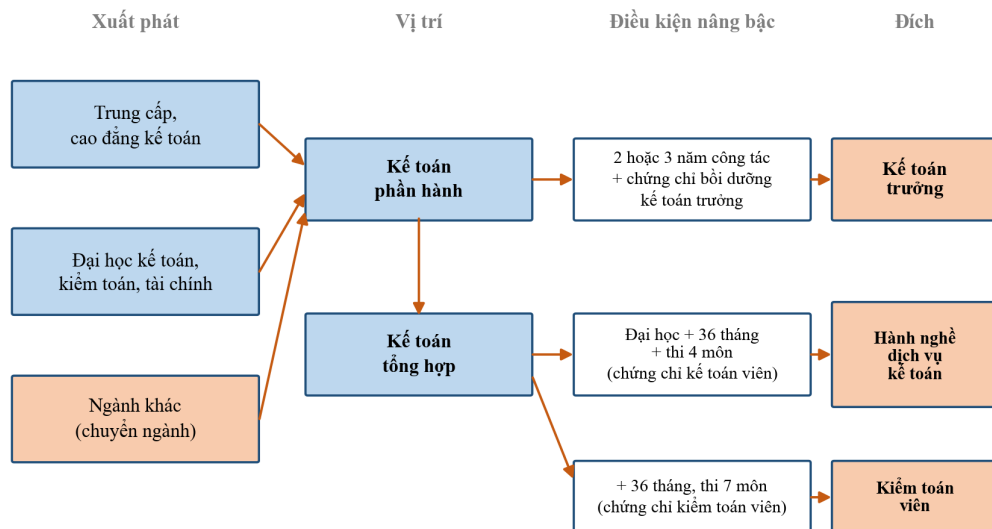
- Lập danh sách bên ngoài bạn sẽ làm việc cùng (cơ quan thuế, ngân hàng, bảo hiểm xã hội, kiểm toán) và ghi hồ sơ trao đổi cùng mốc thời gian của từng bên.

List the outside bodies you will work with (tax authority, bank, social insurance, auditors) and note the documents exchanged and the deadlines of each.

Chương 2. Con đường vào nghề kế toán — Chapter 2. Getting into accounting

Sau chương này bạn làm được — What you will be able to do

- Đếm số tiết trong bảng điểm để biết mình có đủ điều kiện về bằng dự thi chứng chỉ kế toán viên hay chưa.
Count the hours on your transcript to see whether you meet the degree condition for the accountant examination.
- Tính ngày đủ 36 tháng công tác thực tế và ngày hết hạn của chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng.
Work out the date you reach 36 months of practical work and the expiry date of a chief accountant training certificate.
- Tra Điều 21 Nghị định 174/2016/NĐ-CP để xác định kế toán trưởng của một công ty cần trình độ nào.
Look up Article 21 of Decree 174/2016/ND-CP to find the qualification a company's chief accountant needs.
- Chọn chứng chỉ trong nước hoặc quốc tế theo mục tiêu nghề và thời điểm hợp lý.
Choose a domestic or international qualification to fit a career goal and a sensible moment.
- Lập kế hoạch tự học 24 tuần với sản phẩm tự kiểm mỗi tuần.
Set up a 24-week self-study plan with a self-check product each week.



Hình 2.1. Con đường từ bằng cấp đến vị trí, điều kiện nâng bậc và đích nghề nghiệp
Figure 2.1. From qualification to post, conditions for moving up, and career destination

2.1. Bằng cấp, ngành học và vị trí đầu tiên — Qualifications, fields of study and your first post

Luật Kế toán, Điều 51 khoản 1, đặt hai tiêu chuẩn cho người làm kế toán: phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán. Luật không ghi tên bằng

cấp cho kế toán viên phân hành. Mức bằng được quy định riêng cho kế toán trưởng (Điều 54, Nghị định 174/2016/NĐ-CP Điều 21) và cho người thi chứng chỉ (Thông tư 91/2017/TT-BTC Điều 4). Với vị trí còn lại, yêu cầu về bằng nằm trong tin tuyển dụng của từng công ty.

Article 51(1) of the Law on Accounting sets two standards for anyone who keeps accounts: professional ethics and professional competence in accounting. The Law names no degree for an ordinary accounting clerk. A level of qualification is fixed only for the chief accountant (Article 54; Decree 174/2016/ND-CP, Article 21) and for candidates sitting a professional examination (Circular 91/2017/TT-BTC, Article 4). For every other post the requirement is whatever the employer writes in its job advertisement.

Trình độ <i>Qualification</i>	Vị trí đầu tiên thường gặp <i>Usual first post</i>	Giới hạn theo văn bản <i>Limits set by regulation</i>	Bước nâng cấp <i>Next step</i>
Trung cấp kế toán <i>Intermediate-level diploma in accounting</i>	Kế toán kho, công nợ, thanh toán ở công ty nhỏ và vừa; kế toán thuế cho hộ kinh doanh <i>Stock, receivables or payments accountant in a small or medium company; tax clerk for a household business</i>	Làm kế toán trưởng của doanh nghiệp không có vốn nhà nước, vốn điều lệ dưới 10 tỷ đồng (NĐ 174 Điều 21 khoản 3 điểm g); không đủ bằng để dự thi chứng chỉ kế toán viên (TT 91 Điều 4 khoản 2) <i>May serve as chief accountant of a company with no state capital and charter capital below VND 10 billion (Decree 174, Article 21(3)(g)); the diploma is not enough to sit the accountant examination (Circular 91, Article 4(2))</i>	Học liên thông lên đại học; sau 3 năm công tác học chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng <i>Top up to a degree; after 3 years of work take the chief accountant course</i>
Cao đẳng kế toán <i>College diploma in accounting</i>	Kế toán tổng hợp ở công ty nhỏ; kế toán phân hành ở công ty vừa <i>General accountant in a small company; ledger accountant in a medium company</i>	Cùng giới hạn như trung cấp về chứng chỉ kế toán viên; thời gian công tác để học bồi dưỡng kế toán trưởng là 3 năm (VBHN 39 Điều 2) <i>Same limit as the intermediate diploma on the accountant examination; 3 years of work are needed before the chief accountant course (consolidated Circular 39, Article 2)</i>	Học liên thông lên đại học để mở đường thi chứng chỉ kế toán viên <i>Top up to a degree to open the way to the accountant examination</i>
Đại học kế toán, kiểm toán, tài chính – ngân hàng <i>University</i>	Kế toán phân hành ở công ty vừa và lớn; trợ lý kiểm toán; kế toán tại công ty dịch vụ kế toán <i>Ledger accountant in a</i>	Đủ bằng dự thi chứng chỉ kế toán viên và kiểm toán viên, cộng thêm 36 tháng công tác thực tế (TT 91 Điều 4 khoản 2, 3) <i>The degree satisfies the</i>	Thi chứng chỉ kế toán viên sau 36 tháng; học chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng sau 2 năm <i>Sit the accountant</i>

Trình độ <i>Qualification</i>	Vị trí đầu tiên thường gặp <i>Usual first post</i>	Giới hạn theo văn bản <i>Limits set by regulation</i>	Bước nâng cấp <i>Next step</i>
<i>degree in accounting, auditing or finance and banking</i>	<i>medium or large company; audit assistant; accountant at an accounting service firm</i>	<i>examination requirement, plus 36 months of practical work (Circular 91, Article 4(2), (3))</i>	<i>examination after 36 months; take the chief accountant course after 2 years</i>
Đại học ngành khác <i>University degree in another field</i>	Vị trí liền kề kế toán rồi chuyển: kho, thu mua, hành chính, hỗ trợ kinh doanh; hoặc kế toán phần hành sau khóa học nghề <i>An adjacent post first (stores, purchasing, administration, sales support), or ledger accountant after a vocational course</i>	Dự thi chứng chỉ khi bảng điểm đạt tối thiểu 7% số tiết học thuộc nhóm môn tài chính, kế toán, kiểm toán, phân tích tài chính, thuế, hoặc có chứng chỉ quốc tế đủ điều kiện (TT 91 Điều 4 khoản 2, Điều 9) <i>Eligible for the examination if the transcript shows at least 7% of hours in finance, accounting, auditing, financial analysis and tax, or a qualifying international credential (Circular 91, Article 4(2), Article 9)</i>	Xem mục 2.2 <i>See section 2.2</i>

GHI NHỚ / KEY POINT — Thủ kho, thủ quỹ và người quản lý, điều hành đơn vị không được làm kế toán trong chính đơn vị đó (NĐ 174 Điều 19 khoản 3; Luật Kế toán Điều 13 khoản 7), trừ các trường hợp nghị định liệt kê cho doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH một cá nhân làm chủ sở hữu và doanh nghiệp siêu nhỏ không có vốn nhà nước. Nhân viên kho muốn chuyển sang kế toán phải thôi giữ kho, bàn giao thẻ kho và chìa khóa trước ngày nhận việc kế toán.

A storekeeper, a cashier and a person who manages or runs the entity may not keep accounts in that same entity (Decree 174, Article 19(3); Law on Accounting, Article 13(7)), apart from the cases the decree lists for sole proprietorships, single-member limited liability companies owned by an individual and micro-enterprises with no state capital. A storekeeper moving into accounting must give up the stores role and hand over the stock cards and keys before the accounting duties begin.

2.2. Người trái ngành vào nghề bằng đường nào — *Career changers: routes into the profession*

Người học ngành khác có bốn đường, thường đi song song. Đường thứ nhất là học bổ sung kiến thức kế toán có giấy xác nhận (khóa học nghề, văn bằng kế toán thứ hai, liên thông) để đáp ứng yêu cầu "trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán" của Điều 51. Đường thứ hai là vào một vị trí gần kế toán trong cùng công ty rồi xin chuyển. Đường thứ ba là xin việc kế toán phần hành ở công ty nhỏ, nơi chủ doanh nghiệp quyết định tiêu chuẩn tuyển dụng. Đường thứ tư là chứng chỉ của tổ chức nghề nghiệp quốc tế, dùng cho việc dự thi chứng chỉ trong nước khi đáp ứng Điều 9 Thông tư 91/2017/TT-BTC (mục 2.5).

Graduates of other fields have four routes, usually followed in parallel. The first is to add certified accounting knowledge (a vocational course, a second degree, a top-up programme) so as to meet the "professional competence in accounting" requirement of Article 51. The second is to take a post close to accounting inside one company and ask to transfer. The third is to apply for a ledger post at a small company, where the owner sets the hiring standard. The fourth is a credential from an international professional body, used towards the domestic examination where it meets Article 9 of Circular 91/2017/TT-BTC (section 2.5).

Xuất phát <i>Background</i>	Đường gợi ý <i>Suggested route</i>	Việc làm trong 90 ngày <i>First 90 days</i>	Vướng mắc hay gặp <i>Common obstacle</i>
Kinh tế, quản trị, thương mại <i>Economics, management, commerce</i>	Khóa kế toán thực hành 3 đến 6 tháng, xin vị trí kế toán kho, công nợ <i>A 3 to 6 month hands-on accounting course, then a stock or receivables post</i>	Học hệ thống tài khoản TT 99, định khoản 50 nghiệp vụ, làm sổ chi tiết công nợ <i>Learn the Circular 99 chart of accounts, journalise 50 transactions, keep a receivables subsidiary ledger</i>	Bảng điểm có sẵn môn kế toán nhưng thiếu môn thuế <i>Transcript has accounting subjects but no tax subject</i>
Kỹ thuật, xây dựng <i>Engineering, construction</i>	Kế toán công trình, kế toán giá thành ở nhà thầu, nơi hiểu hồ sơ khối lượng là lợi thế <i>Site or job-cost accountant at a contractor, where reading quantity records is an advantage</i>	Đối chiếu khối lượng nghiệm thu với hóa đơn đầu ra; dựng bảng tập hợp chi phí theo công trình <i>Match certified quantities to sales invoices; build a cost schedule by project</i>	Chi phí dở dang, tạm ứng, bảo hành ghi sai kỳ <i>Work in progress, advances and retentions posted to the wrong period</i>
Công nghệ thông tin <i>Information technology</i>	Hỗ trợ triển khai phần mềm kế toán, sau đó chuyển sang kế toán viên <i>Accounting software implementation support, then a move into accounting</i>	Nhập danh mục khách hàng, vật tư, tài khoản; kiểm số dư đầu kỳ sau khi chuyển dữ liệu <i>Load customer, item and account lists; check opening balances after data migration</i>	Biết phần mềm nhưng không đọc được chứng từ gốc <i>Knows the software but cannot read source documents</i>
Luật, ngoại ngữ <i>Law, languages</i>	Kế toán tại công ty có vốn nước ngoài hoặc xuất nhập khẩu; kèm chứng chỉ kế toán cơ bản <i>Accountant at a foreign-invested or trading company, with a basic accounting certificate</i>	Lập bảng tra cứu văn bản thuế, hóa đơn; dịch chứng từ nước ngoài kèm đối chiếu số tiền <i>Build a reference table of tax and invoice rules; translate foreign documents and check amounts</i>	Hiểu văn bản nhưng chưa có phản xạ định khoản <i>Understands the rules but has no reflex for journal entries</i>
Đang làm kho, thu mua, hành chính	Xin chuyển sang kế toán trong chính công ty, có biên bản bàn giao công	Học song song với việc cũ; nhận trước các việc ít rủi ro như lập phiếu, đối chiếu	Vướng ND 174 Điều 19 khoản 3 nếu còn giữ kho hoặc giữ quỹ

Xuất phát <i>Background</i>	Đường gợi ý <i>Suggested route</i>	Việc làm trong 90 ngày <i>First 90 days</i>	Vướng mắc hay gặp <i>Common obstacle</i>
<i>Already in stores, purchasing or administration</i>	việc cũ <i>Ask for a transfer to accounting inside the same company, with a handover record for the old duties</i>	phiếu kho <i>Study alongside the old job; take low-risk tasks first, such as preparing vouchers and matching stock vouchers</i>	<i>Caught by Decree 174, Article 19(3) if still holding stores or cash</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Lan và Bình cùng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh, bảng điểm mỗi người 2.250 tiết. Ngưỡng 7% là $2.250 \times 7\% = 157,5$ tiết, tức tối thiểu 158 tiết. Lan có 150 tiết thuộc nhóm tài chính, kế toán, phân tích hoạt động tài chính, thuế (60 + 45 + 15 + 30), đạt 6,7%, thiếu 8 tiết nên chưa đủ điều kiện về bằng; Lan phải dùng đường chứng chỉ quốc tế hoặc văn bằng kế toán bổ sung. Bình có 171 tiết (60 + 63 + 18 + 15 + 15), đạt 7,6%, đủ điều kiện về bằng và chỉ còn phải chờ đủ 36 tháng công tác thực tế.

Lan and Binh both graduated in Business Administration, each with 2,250 hours on the transcript. The 7% threshold is $2,250 \times 7\% = 157.5$ hours, so at least 158 hours. Lan has 150 hours in finance, accounting, financial analysis and tax (60 + 45 + 15 + 30), or 6.7%, which is 8 hours short and does not meet the degree requirement; she must use an international credential or an additional accounting qualification. Binh has 171 hours (60 + 63 + 18 + 15 + 15), or 7.6%, and meets the degree requirement; he only has to wait until he has 36 months of practical work.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Đóng tiền học chứng chỉ hoặc khóa ôn thi khi chưa đếm số tiết trong bảng điểm. TT 91 Điều 4 khoản 2 tính theo tổng số học trình hoặc tiết học của các môn tài chính, kế toán, kiểm toán, phân tích hoạt động tài chính, thuế trên tổng khóa học. Lấy bảng điểm có chứng thực, cộng từng nhóm môn, chia cho tổng số tiết, rồi mới quyết định.

Paying for a certificate or exam course before counting the hours on the transcript. Circular 91, Article 4(2), counts credit units or hours in finance, accounting, auditing, financial analysis and tax against the whole programme. Get the certified transcript, add up each group of subjects, divide by the total hours, and only then decide.

2.3. Chứng chỉ trong nước — Domestic professional certificates

Năm loại giấy tờ nghề nghiệp có căn cứ trực tiếp trong luật. Hai loại đầu là điều kiện để làm việc ở một số vị trí; ba loại sau là điều kiện để làm nghề độc lập hoặc ký xác nhận cho người khác.

Five professional documents have a direct basis in statute. The first two are conditions for certain posts; the last three are conditions for practising independently or signing for others.

Giấy tờ <i>Document</i>	Ai cấp <i>Issued by</i>	Điều kiện chính <i>Main conditions</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng <i>Chief accountant</i>	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đủ điều kiện (học viện, trường đại	Trung cấp trở lên về tài chính, kế toán, kiểm toán; 2 năm công tác từ ngày ghi trên bằng đại học, 3 năm từ ngày ghi trên bằng trung cấp hoặc cao	VBHN 39 Điều 2, 3, 9 <i>Consolidated Circular 39, Articles</i>

Giấy tờ <i>Document</i>	Ai cấp <i>Issued by</i>	Điều kiện chính <i>Main conditions</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
<i>training certificate</i>	học, cao đẳng, trường bồi dưỡng); phôi do Bộ Tài chính cấp <i>An approved training institution (academy, university, college or training school); blank certificates supplied by the Ministry of Finance</i>	đẳng; khóa học tối đa 6 tháng <i>Intermediate level or above in finance, accounting or auditing; 2 years from the date on a university degree, 3 years from the date on an intermediate or college diploma; course lasts at most 6 months</i>	2, 3, 9
Chứng chỉ kế toán viên <i>Accountant certificate</i>	Bộ Tài chính, sau kỳ thi do Hội đồng thi tổ chức <i>The Ministry of Finance, after an examination run by the Examination Board</i>	Đại học trở lên, ngành đúng hoặc đủ 7% số tiết; 36 tháng công tác thực tế; thi 4 môn <i>A degree in the right field or 7% of hours; 36 months of practical work; four examination papers</i>	Luật KT Điều 57; TT 91 Điều 4, 6 <i>Law on Accounting, Article 57; Circular 91, Articles 4, 6</i>
Chứng chỉ kiểm toán viên <i>Auditor certificate</i>	Bộ Tài chính <i>The Ministry of Finance</i>	Cùng điều kiện về bằng và 36 tháng như kế toán viên; thi 7 môn, hoặc 3 môn nếu đã có chứng chỉ kế toán viên <i>Same degree and 36-month conditions; seven papers, or three if the candidate already holds the accountant certificate</i>	Luật Kiểm toán độc lập Điều 14; TT 91 Điều 4, 6 <i>Law on Independent Audit, Article 14; Circular 91, Articles 4, 6</i>
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán <i>Certificate of registration to practise accounting services</i>	Bộ Tài chính <i>The Ministry of Finance</i>	Có chứng chỉ kế toán viên hoặc kiểm toán viên; 36 tháng công tác từ lúc tốt nghiệp đại học; tham gia chương trình cập nhật kiến thức; hợp đồng lao động toàn thời gian với doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ kế toán <i>Holds the accountant or auditor certificate; 36 months of work since graduating; completes the knowledge-update programme; full-time employment contract with an accounting service firm or household business</i>	Luật KT Điều 58; TT 296/2016, TT 23/2024 <i>Law on Accounting, Article 58; Circulars 296/2016 and 23/2024</i>
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán <i>Certificate of</i>	Bộ Tài chính <i>The Ministry of Finance</i>	Là kiểm toán viên; 36 tháng thực tế làm kiểm toán; tham gia chương trình cập nhật kiến thức; làm toàn bộ thời gian cho doanh nghiệp kiểm toán <i>Is an auditor; 36 months of actual audit</i>	Luật Kiểm toán độc lập Điều 15 <i>Law on Independent Audit, Article 15</i>

Giấy tờ <i>Document</i>	Ai cấp <i>Issued by</i>	Điều kiện chính <i>Main conditions</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
registration to practise auditing		work; completes the knowledge-update programme; works full time for an audit firm	

Chúng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng dành cho doanh nghiệp học 288 giờ trong 6 tuần, gồm hai phần: kiến thức chung 104 giờ (pháp luật liên quan đến doanh nghiệp, quản lý tài chính doanh nghiệp, pháp luật về thuế, thẩm định dự án đầu tư, quan hệ tín dụng với ngân hàng) và kiến thức nghiệp vụ 184 giờ (pháp luật kế toán, tổ chức công tác kế toán, kế toán tài chính, kế toán quản trị, báo cáo tài chính và phân tích, kiểm toán). Điều kiện đạt: dự ít nhất 80% thời gian lớp của mỗi học phần, mỗi bài thi viết từ 5 điểm trở lên, thi tối thiểu 180 phút mỗi bài. Chứng chỉ có giá trị 5 năm kể từ ngày cấp để bổ nhiệm kế toán trưởng lần đầu (VBHN 39 Điều 7, 9, 10).

The chief accountant course for companies runs 288 hours over 6 weeks in two parts: 104 hours of general knowledge (company law, corporate financial management, tax law, investment appraisal, credit relations with banks) and 184 hours of professional knowledge (accounting law, organising accounting work, financial accounting, management accounting, financial statements and analysis, auditing). To pass, a student attends at least 80% of each module, scores 5 or more in each written paper, and sits papers of at least 180 minutes. The certificate is valid for 5 years from issue for a first appointment as chief accountant (consolidated Circular 39, Articles 7, 9, 10).

CẢNH BÁO / WARNING — VBHN 39/VBHN-BTC hợp nhất từ Thông tư 199/2011/TT-BTC; Điều 9 khoản 4 còn viện dẫn Điều 53 khoản 2 Luật Kế toán theo số điều cũ, không khớp với Luật hiện hành. Nguồn của tài liệu chưa thấy văn bản thay thế. Trước khi đóng học phí, hỏi cơ sở đào tạo văn bản nào họ dùng để mở lớp và xin xem quyết định mở khóa gửi Bộ Tài chính.

Consolidated Circular 39 is merged from Circular 199/2011/TT-BTC; Article 9(4) still cites Article 53(2) of the Law on Accounting under the old numbering, which no longer matches the current Law. The sources of this guide show no replacement text. Before paying the fee, ask the training institution which text it relies on to open the class and ask to see the course-opening decision it filed with the Ministry of Finance.

Nội dung thi <i>Content</i>	Kế toán viên <i>Accountant</i>	Kiểm toán viên <i>Auditor</i>	Kiểm toán viên (đã có KTV) <i>Auditor (holds accountant cert.)</i>
Pháp luật về kinh tế và Luật doanh nghiệp <i>Economic law and Enterprise Law</i>	Có <i>Yes</i>	Có <i>Yes</i>	Không <i>No</i>
Tài chính và quản lý tài chính nâng cao <i>Advanced finance and financial management</i>	Có <i>Yes</i>	Có <i>Yes</i>	Không <i>No</i>

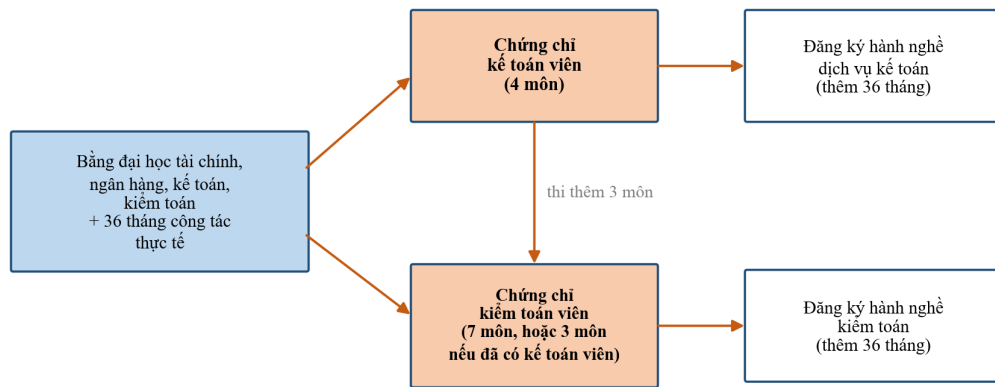
Nội dung thi <i>Content</i>	Kế toán viên <i>Accountant</i>	Kiểm toán viên <i>Auditor</i>	Kiểm toán viên (đã có KTV) <i>Auditor (holds accountant cert.)</i>
Thuế và quản lý thuế nâng cao <i>Advanced tax and tax administration</i>	Có <i>Yes</i>	Có <i>Yes</i>	Không <i>No</i>
Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao <i>Advanced financial and management accounting</i>	Có <i>Yes</i>	Có <i>Yes</i>	Không <i>No</i>
Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm nâng cao <i>Advanced auditing and assurance</i>	Không <i>No</i>	Có <i>Yes</i>	Có <i>Yes</i>
Phân tích hoạt động tài chính nâng cao <i>Advanced analysis of financial performance</i>	Không <i>No</i>	Có <i>Yes</i>	Có <i>Yes</i>
Ngoại ngữ trình độ C (một trong Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc, Đức) <i>Foreign language at level C (English, Russian, French, Chinese or German)</i>	Không <i>No</i>	Có <i>Yes</i>	Có <i>Yes</i>
Số môn <i>Number of papers</i>	4	7	3

Một môn đạt khi từ 5 điểm trở lên, điểm được bảo lưu 3 năm liên tục kể từ năm bắt đầu dự thi môn đó. Thi kế toán viên đạt yêu cầu khi đạt cả 4 môn và tổng điểm các môn còn bảo lưu từ 25 điểm; kiểm toán viên cần đạt cả 7 môn và tổng điểm các môn bảo lưu, không tính ngoại ngữ, từ 38 điểm (TT 91 Điều 18).

A paper is passed at 5 points or more, and the score is kept for 3 consecutive years from the year the candidate first sits that paper. The accountant examination is passed when all 4 papers are passed and the retained scores total at least 25; the auditor examination requires all 7 papers and retained scores, excluding the language paper, totalling at least 38 (Circular 91, Article 18).

CẢNH BÁO / WARNING — Thông tư 91/2017/TT-BTC đã được Thông tư 22/2024/TT-BTC sửa đổi, bản sửa đổi chưa nằm trong nguồn của tài liệu này. Môn thi, điều kiện về bằng và thời gian công tác nêu trên theo bản gốc; đối chiếu thông báo kỳ thi của Bộ Tài chính trước khi đăng ký.

Circular 91/2017/TT-BTC was amended by Circular 22/2024/TT-BTC, and the amendment is not among the sources of this guide. The papers, degree conditions and work-experience rules above follow the original text; check the Ministry of Finance's examination notice before registering.



Hình 2.2. Từ bằng đại học đến chứng chỉ và đăng ký hành nghề

Figure 2.2. From a university degree to certificates and practising registration

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Cho thuê hoặc thuê chứng chỉ kế toán viên, giấy chứng nhận đăng ký hành nghề để công ty đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán. Luật Kế toán Điều 13 khoản 9 cấm thuê, mượn, cho thuê, cho mượn các giấy tờ này dưới mọi hình thức. Người đứng tên ký hồ sơ chịu trách nhiệm về số liệu như người trực tiếp làm.

Hiring out, or hiring, an accountant certificate or practising registration so that a firm meets the licensing conditions for accounting services. Article 13(9) of the Law on Accounting prohibits hiring, borrowing, lending or letting these documents in any form. The person who signs the file answers for the figures as if he or she had done the work.

2.4. Điều kiện làm kế toán trưởng — Conditions for becoming chief accountant

Luật Kế toán Điều 54 khoản 1 đặt bốn điều kiện cho kế toán trưởng: đáp ứng tiêu chuẩn của người làm kế toán (Điều 51 khoản 1); chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trung cấp trở lên; chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng; thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất 2 năm với người có trình độ đại học trở lên, ít nhất 3 năm với trình độ trung cấp, cao đẳng. Khoản 2 giao Chính phủ quy định theo từng loại đơn vị; Nghị định 174/2016/NĐ-CP Điều 21 là văn bản đó.

Article 54(1) of the Law on Accounting sets four conditions for a chief accountant: the standards for anyone who keeps accounts (Article 51(1)); professional competence in accounting at intermediate level or above; the chief accountant training certificate; and practical accounting experience of at least 2 years for a holder of a university degree or above, and at least 3 years for an intermediate or college level. Clause 2 leaves the detail by type of entity to the Government; Decree 174/2016/ND-CP, Article 21, is that text.

Loại đơn vị <i>Type of entity</i>	Trình độ tối thiểu về kế toán <i>Minimum accounting qualification</i>	Điều khoản <i>Provision</i>
Cơ quan thu, chi ngân sách nhà nước; bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và đơn vị kế toán trực thuộc; đơn vị sự nghiệp công lập	Đại học trở lên <i>University degree or above</i>	NĐ 174 Điều 21 khoản 2 điểm a–d <i>Decree 174, Article</i>

Loại đơn vị <i>Type of entity</i>	Trình độ tối thiểu về kế toán <i>Minimum accounting qualification</i>	Điều khoản <i>Provision</i>
thuộc bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn của tỉnh <i>State budget revenue and spending bodies; ministries and agencies and their accounting units; public service units under a ministry or provincial People's Committee; provincial specialised agencies</i>		21(2)(a)–(d)
Doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam, trừ nhóm dưới đây <i>Companies established under Vietnamese law, except the group below</i>	Đại học trở lên <i>University degree or above</i>	Khoản 2 điểm i <i>Clause 2(i)</i>
Doanh nghiệp không có vốn nhà nước, vốn điều lệ dưới 10 tỷ đồng <i>Companies with no state capital and charter capital below VND 10 billion</i>	Trung cấp trở lên <i>Intermediate level or above</i>	Khoản 3 điểm g <i>Clause 3(g)</i>
Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng trở lên; dưới 10 tỷ đồng <i>Cooperatives and cooperative unions: charter capital of VND 10 billion or more; below VND 10 billion</i>	Đại học trở lên; trung cấp trở lên <i>University degree or above; intermediate level or above</i>	Khoản 2 điểm k; khoản 3 điểm h <i>Clause 2(k); clause 3(h)</i>
Chi nhánh doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam <i>Branches of foreign companies in Viet Nam</i>	Đại học trở lên <i>University degree or above</i>	Khoản 2 điểm l <i>Clause 2(l)</i>
Đơn vị sự nghiệp công lập khác; đơn vị kế toán ngân sách và tài chính xã, phường <i>Other public service units; commune and ward budget and finance accounting units</i>	Trung cấp trở lên <i>Intermediate level or above</i>	Khoản 3 điểm đ, e <i>Clause 3(đ), (e)</i>
Tổ chức, đơn vị khác <i>Any other organisation</i>	Người đại diện theo pháp luật quyết định <i>Set by the legal representative</i>	Khoản 4 <i>Clause 4</i>
Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước hoặc có trên 50% vốn nhà nước <i>Parent company that is state-owned or more than 50% state-held</i>	Thêm: ít nhất 5 năm công tác thực tế về kế toán <i>Plus at least 5 years of practical accounting experience</i>	Khoản 5 <i>Clause 5</i>

Hai điều kiện áp cho mọi loại đơn vị: chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng và thời gian công tác 2 năm hoặc 3 năm theo trình độ. Không được bổ nhiệm người thuộc Điều 52 Luật Kế toán và Điều 19 Nghị định 174. Đơn vị chưa có ngay kế toán trưởng được bố trí người phụ trách kế toán tối đa 12 tháng hoặc thuê dịch vụ làm kế toán trưởng; doanh

ng nghiệp siêu nhỏ được bố trí phụ trách kế toán mà không bắt buộc có kế toán trưởng (NĐ 174 Điều 20 khoản 1, 2 điểm b; Luật KT Điều 56 khoản 4).

Two conditions apply to every kind of entity: the chief accountant training certificate and 2 or 3 years of experience according to level. A person caught by Article 52 of the Law or Article 19 of Decree 174 may not be appointed. An entity that cannot appoint a chief accountant at once may name an acting head of accounting for at most 12 months, or hire a chief accountant service; a micro-enterprise may appoint a head of accounting without a chief accountant (Decree 174, Article 20(1), (2)(b); Law on Accounting, Article 56(4)).

VÍ DỤ / EXAMPLE — Công ty Hoàng Lâm có vốn điều lệ 3.000.000.000 đồng, không có vốn nhà nước, nên rơi vào Điều 21 khoản 3 điểm g: kế toán trưởng cần chuyên môn kế toán từ trung cấp trở lên. Hồ sơ kế toán trưởng Đặng Thị Hồng Nhung phải có bốn thứ: bằng chuyên môn; chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng; xác nhận thời gian công tác kế toán (2 năm nếu bằng đại học, 3 năm nếu bằng trung cấp hoặc cao đẳng); giấy tờ chứng minh không thuộc Điều 52. Khi vốn điều lệ của công ty đạt 10 tỷ đồng, kế toán trưởng mới phải có bằng đại học. Nguyễn Minh Thu, kế toán kho, công nợ vào làm ngày 01/10/2026, chưa cần chứng chỉ nào để làm việc hiện tại.

Hoang Lam has charter capital of VND 3,000,000,000 and no state capital, so it falls under Article 21(3)(g): its chief accountant needs an accounting qualification at intermediate level or above. The file of chief accountant Dang Thi Hong Nhung must hold four things: the qualification; the chief accountant training certificate; confirmation of accounting experience (2 years with a university degree, 3 years with an intermediate or college diploma); and proof that she is not caught by Article 52. A degree becomes mandatory for the post only if the company's charter capital reaches VND 10 billion. Nguyen Minh Thu, the stock and receivables accountant who joined on 01/10/2026, needs no certificate for her current post.

GHI NHỚ / KEY POINT — Đủ điều kiện kế toán trưởng là đủ cả bốn mảnh ghép: bằng, thời gian công tác, chứng chỉ bồi dưỡng, lý lịch sạch theo Điều 52. Thiếu một mảnh thì việc bổ nhiệm là sai; Luật Kế toán Điều 13 khoản 8 cấm bố trí hoặc thuê người không đủ tiêu chuẩn Điều 51 và Điều 54.

A chief accountant is qualified only when all four pieces are in place: the qualification, the years of experience, the training certificate and a clean record under Article 52. If one is missing the appointment is wrong; Article 13(8) of the Law on Accounting prohibits placing or hiring a person who fails the standards of Articles 51 and 54.

2.5. Chứng chỉ quốc tế — International qualifications

Bảng dưới nêu bốn chứng chỉ quốc tế: chỉ gồm tên, tổ chức cấp và đối tượng hợp; điều kiện đầu vào, số môn thi và lệ phí do từng tổ chức công bố theo năm, hãy lấy bản mới nhất từ trang chính thức của tổ chức trước khi đăng ký.

The table lists four international qualifications and gives only the name, the awarding body and who it suits; entry requirements, number of papers and fees are published by each body every year, so take the latest version from the body's official site before registering.

Chứng chỉ <i>Qualification</i>	Tổ chức cấp <i>Awarding body</i>	Hợp với ai <i>Suits</i>	Khi nào nên nghĩ tới <i>When to consider it</i>
ACCA	Association of Chartered Certified Accountants (Anh) <i>Association of Chartered Certified Accountants (UK)</i>	Người làm kế toán tài chính, kiểm toán, báo cáo theo chuẩn mực quốc tế tại công ty đa quốc gia và công ty có vốn nước ngoài <i>People in financial accounting, audit and international-standard reporting at multinational and foreign-invested companies</i>	Sau 6 đến 12 tháng đi làm, khi đã quen chứng từ và sổ sách <i>After 6 to 12 months at work, once vouchers and ledgers are familiar</i>
CPA Australia	CPA Australia (Úc) <i>CPA Australia (Australia)</i>	Người định làm việc ở công ty có quan hệ với Úc, từ kế toán tài chính đến tư vấn <i>People aiming at companies linked to Australia, from financial accounting to advisory work</i>	Khi đã có bằng đại học và công việc kế toán ổn định <i>With a degree and a steady accounting post</i>
ICAEW (chứng chỉ ACA) <i>ICAEW (ACA)</i>	Institute of Chartered Accountants in England and Wales (Anh) <i>Institute of Chartered Accountants in England and Wales (UK)</i>	Người làm kiểm toán, tư vấn tài chính, thường theo đường học kèm làm việc tại công ty kiểm toán <i>People in audit and financial advisory, usually on a study-while-working path at an audit firm</i>	Khi đang làm hoặc sắp vào công ty kiểm toán có chương trình đào tạo ICAEW <i>When working at, or about to join, an audit firm with an ICAEW training programme</i>
CMA	Institute of Management Accountants (Hoa Kỳ) <i>Institute of Management Accountants (USA)</i>	Người làm kế toán quản trị, lập ngân sách, phân tích chi phí, phân tích tài chính doanh nghiệp <i>People in management accounting, budgeting, cost analysis and corporate financial analysis</i>	Khi chuyển từ kế toán phần hành sang vị trí phân tích, báo cáo quản trị <i>When moving from ledger work to analysis or management reporting</i>

Chứng chỉ quốc tế không tự động thay chứng chỉ trong nước. Luật Kế toán Điều 57 khoản 2 cho người có chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kế toán do tổ chức nước ngoài, quốc tế cấp, được Bộ Tài chính Việt Nam công nhận, đạt kỳ thi sát hạch về pháp luật kinh tế, tài chính, kế toán Việt Nam, thì được cấp chứng chỉ kế toán viên. Với người tốt nghiệp ngành khác, TT 91 Điều 9 công nhận văn bằng, chứng chỉ của tổ chức nghề nghiệp quốc tế khi đồng thời đủ bốn điều kiện: tổ chức là thành viên Liên đoàn Kế toán quốc tế (IFAC) và có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam; đã ký thỏa thuận hợp tác về chương trình thi với Bộ Tài chính; chương trình có từ 500 đến 600 tiết học về tài chính, kế toán, kiểm toán; nội dung học, thi, cấp chứng chỉ thống nhất ở mọi quốc gia tổ chức đó hoạt động.

An international qualification does not replace a domestic certificate automatically. Article 57(2) of the Law on Accounting gives the accountant certificate to a holder of a foreign or international accountancy credential that the Vietnamese Ministry of Finance recognises, who passes an assessment on Vietnamese economic, financial and accounting law. For a graduate of another field, Article 9 of Circular 91 accepts a qualification from an international professional body only if four conditions are met together: the body belongs to the International Federation of Accountants (IFAC) and has a representative office or branch in Viet Nam; it has signed a cooperation agreement on the examination programme with the Ministry of Finance; the programme carries 500 to 600 hours in finance, accounting and auditing; and teaching, examination and award are uniform in every country where the body operates.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Đóng phí học chứng chỉ quốc tế vì tin rằng sẽ được miễn thi chứng chỉ kế toán viên. Miễn thi hay không phụ thuộc vào việc Bộ Tài chính có công nhận tổ chức và chương trình cụ thể đó hay không (Luật KT Điều 57 khoản 2; TT 91 Điều 9). Hỏi tổ chức cấp bằng văn bản về trạng thái công nhận tại Việt Nam trước khi đóng tiền, và giữ bản trả lời.

Paying for an international qualification in the belief that it exempts you from the accountant examination. Exemption depends on whether the Ministry of Finance recognises that particular body and programme (Law on Accounting, Article 57(2); Circular 91, Article 9). Ask the awarding body in writing about its recognition status in Viet Nam before paying, and keep the reply.

2.6. Khi nào nên học chứng chỉ nào — Which qualification, and when

Mục tiêu nghề <i>Career goal</i>	Nên nhắm tới <i>Aim for</i>	Thời điểm hợp lý <i>Sensible timing</i>	Lý do và điều kiện <i>Reason and conditions</i>
Làm kế toán phần hành ở công ty nhỏ và vừa <i>Ledger accountant at a small or medium company</i>	Văn bằng kế toán, kỹ năng Excel và phần mềm; chưa cần chứng chỉ <i>An accounting qualification, Excel and software skills; no certificate yet</i>	Trước khi xin việc <i>Before applying</i>	Điều 51 chỉ đòi chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán <i>Article 51 asks only for accounting competence</i>
Làm kế toán trưởng <i>Chief accountant</i>	Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng <i>Chief accountant training certificate</i>	Khi đủ 2 hoặc 3 năm kể từ ngày ghi trên bằng và gần được đề bạt <i>Once 2 or 3 years have passed since the date on the diploma and a promotion is near</i>	Chứng chỉ chỉ có giá trị 5 năm để bổ nhiệm lần đầu; học quá sớm là mất hiệu lực trước khi dùng <i>The certificate is valid for 5 years for a first appointment; taking it too early lets it lapse before use</i>
Hành nghề dịch vụ kế toán, đại diện thuế cho khách hàng <i>Practise</i>	Chứng chỉ kế toán viên, rồi đăng ký hành nghề <i>Accountant certificate, then practising</i>	Sau 36 tháng công tác thực tế <i>After 36 months of practical work</i>	Điều 58: 36 tháng từ khi tốt nghiệp đại học, cập nhật kiến thức, hợp đồng lao động toàn thời gian <i>Article 58: 36 months since</i>

Mục tiêu nghề <i>Career goal</i>	Nên nhắm tới <i>Aim for</i>	Thời điểm hợp lý <i>Sensible timing</i>	Lý do và điều kiện <i>Reason and conditions</i>
<i>accounting services or act for clients on tax</i>	<i>registration</i>		<i>graduating, knowledge updates, a full-time employment contract</i>
Kiểm toán độc lập <i>Independent audit</i>	Chứng chỉ kiểm toán viên (7 môn) hoặc ICAEW, ACCA kèm sát hạch <i>Auditor certificate (7 papers), or ICAEW or ACCA with the assessment</i>	Vào công ty kiểm toán ngay sau khi tốt nghiệp, thi khi đủ 36 tháng <i>Join an audit firm straight after graduation; sit the papers at 36 months</i>	Thời gian làm trợ lý kiểm toán được tính vào 36 tháng (TT 91 Điều 4 khoản 3) <i>Time as audit assistant counts towards the 36 months (Circular 91, Article 4(3))</i>
Công ty có vốn nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia <i>Foreign-invested or multinational company</i>	ACCA hoặc CPA Australia, tiếng Anh chuyên ngành <i>ACCA or CPA Australia, professional English</i>	Sau khi nắm vững chế độ kế toán Việt Nam ít nhất một chu kỳ báo cáo năm <i>After mastering Vietnamese accounting for at least one annual reporting cycle</i>	Báo cáo theo chuẩn mực quốc tế dựa trên nền sổ sách Việt Nam <i>International-standard reporting rests on the Vietnamese ledgers</i>
Kế toán quản trị, phân tích tài chính <i>Management accounting and financial analysis</i>	CMA hoặc khóa phân tích tài chính; Excel nâng cao <i>CMA or a financial analysis course; advanced Excel</i>	Sau 1 đến 2 năm làm kế toán tổng hợp <i>After 1 to 2 years as a general accountant</i>	Cần hiểu giá thành và báo cáo tài chính trước khi phân tích <i>Costing and financial statements must be understood before analysis</i>

GHI NHỚ / KEY POINT — Học chứng chỉ theo thứ tự công việc đòi hỏi, không theo thứ tự cho nổi bật. Hai chứng chỉ có hạn dùng hoặc hạn bảo lưu: chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng 5 năm, điểm thi kế toán viên và kiểm toán viên 3 năm. Tính ngày hết hạn trước khi đăng ký.

Take qualifications in the order the job demands, not in the order that looks best. Two credentials carry a time limit: the chief accountant training certificate (5 years) and examination scores for the accountant and auditor papers (3 years). Work out the expiry date before registering.

2.7. Kỹ năng cần có trước khi nhận việc — Skills to have before you start

Excel: những hàm gặp hằng ngày — *Excel: the functions you will meet every day*

Hàm <i>Function</i>	Dùng để <i>Used for</i>	Ví dụ ở Hoàng Lâm <i>Hoang Lam example</i>
SUM, SUMIF, SUMIFS	Cộng theo điều kiện <i>Conditional totals</i>	Tổng phát sinh bán cho Thành Đô trong tháng <i>Sales to Thanh Do in the month</i>

Hàm <i>Function</i>	Dùng để <i>Used for</i>	Ví dụ ở Hoàng Lâm <i>Hoang Lam example</i>
COUNTIF, COUNTIFS	Đếm theo điều kiện <i>Conditional counts</i>	Đếm số hóa đơn chưa có phiếu thu <i>Count invoices with no receipt</i>
VLOOKUP, INDEX và MATCH, XLOOKUP	Tra mã trong danh mục <i>Look up a code in a list</i>	Điền tên hàng và đơn vị tính từ mã SN18 <i>Fill item name and unit from code SN18</i>
IF, IFERROR	Rẽ nhánh, bắt lỗi <i>Branching, trapping errors</i>	Báo "Chưa có mã" khi mã khách hàng không có trong danh mục <i>Flag "Code missing" when a customer code is not in the list</i>
ROUND	Làm tròn tiền thuế theo đồng <i>Round tax to whole dong</i>	Thuế GTGT 8% trên 464.000.000 đồng <i>8% VAT on VND 464,000,000</i>
EOMONTH, DATEDIF	Ngày cuối tháng, số ngày giữa hai mốc <i>Month-end date, days between two dates</i>	Tính tuổi nợ của hóa đơn bán ngày 08/10/2026 <i>Age an invoice issued on 08/10/2026</i>
TEXT	Đổi số, ngày thành chữ có định dạng <i>Turn numbers and dates into formatted text</i>	Tạo tên tệp theo ngày chứng từ <i>Build file names from voucher dates</i>

```
=SUMIFS(D:D,B:B,"TD",A:A,">="&DATE(2026,10,1))
=ROUND(D2*8%,0)
=IFERROR(VLOOKUP(B2,DanhMuc!A:C,3,FALSE),"Chưa có mã")
=EOMONTH(A2,0)
=DATEDIF(A2,DATE(2026,10,31),"d")
=TEXT(A2,"dd/mm/yyyy")
```

GHI CHÚ / NOTE — Excel đặt dấu phân cách đối số theo vùng của Windows hoặc macOS: máy đặt vùng Việt Nam thường dùng dấu chấm phẩy thay dấu phẩy. XLOOKUP có ở Microsoft 365 và Excel 2021, 2024; Excel 2019 trở về trước báo lỗi #NAME?.

Excel takes its argument separator from the regional settings of Windows or macOS: a machine set to Viet Nam often uses a semicolon in place of a comma. XLOOKUP exists in Microsoft 365 and Excel 2021 and 2024; Excel 2019 and earlier return #NAME?.

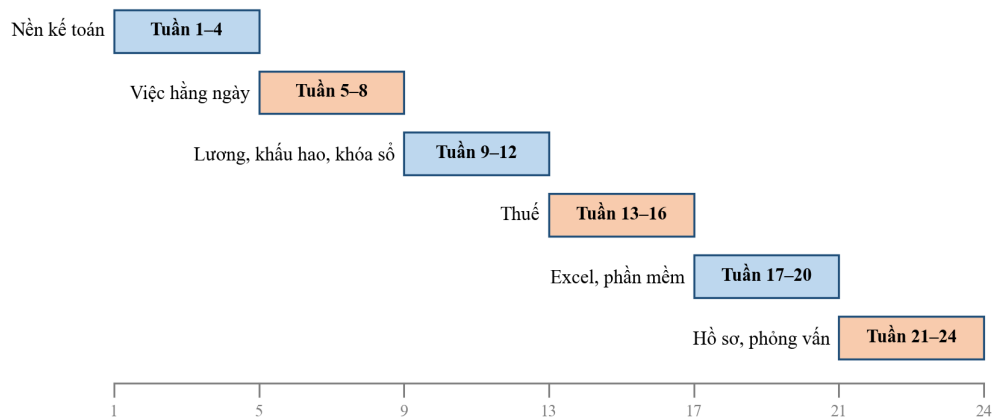
Sáu kỹ năng còn lại — The other six skills

Kỹ năng <i>Skill</i>	Việc cụ thể trong ngày làm việc <i>What it means on the job</i>	Cách luyện trong 4 tuần <i>How to practise in 4 weeks</i>
Phần mềm kế toán <i>Accounting software</i>	Nhập danh mục khách hàng, vật tư, tài khoản; nhập chứng từ; khóa sổ; sao lưu dữ liệu <i>Enter customer, item and account lists; post vouchers; close the period; back up data</i>	Dùng bản học thử của một phần mềm, nhập lại các nghiệp vụ mua, bán của Hoàng Lâm tháng 10/2026 <i>Use a trial version and re-enter the purchase and sales transactions of Hoang Lam for October 2026</i>
Đọc văn bản pháp luật <i>Reading legislation</i>	Tìm đúng Điều, đọc cả khoản và điểm, ghi số hiệu và ngày hiệu lực, kiểm văn bản sửa đổi <i>Find the right Article, read the clauses and points, note the number and effective date, check for amendments</i>	Mỗi ngày tra một câu hỏi trong Luật Kế toán và ghi số Điều vào sổ tay <i>Look up one question a day in the Law on Accounting and note the Article in a notebook</i>
Tiếng Anh chuyên ngành <i>Professional English</i>	Đọc hợp đồng, hóa đơn, sao kê ngân hàng bằng tiếng Anh; làm việc với kiểm toán và đối tác nước ngoài <i>Read English contracts, invoices and bank statements; deal with auditors and foreign partners</i>	Học 10 thuật ngữ mỗi tuần từ danh mục cuối cuốn sách này và đặt mỗi từ vào một câu <i>Learn 10 terms a week from the glossary at the end of this book and use each in a sentence</i>
Giao tiếp và đối chiếu số liệu <i>Communication and reconciliation</i>	Hỏi kho, kinh doanh, ngân hàng; lập biên bản đối chiếu công nợ; nhắc nợ bằng thư điện tử <i>Query stores, sales and the bank; draw up debt confirmation records; send payment reminders by email</i>	Viết biên bản đối chiếu công nợ Thành Đô với số dư 1.236.600.000 đồng cuối tháng <i>Write a confirmation record for Thanh Do with the month-end balance of VND 1,236,600,000</i>
Cẩn thận <i>Accuracy</i>	Soát tổng Nợ bằng tổng Có, soát tên và mã số thuế trên hóa đơn, soát làm tròn <i>Check debits equal credits, names and tax codes on invoices, rounding</i>	Mỗi bút toán tự soát hai lần ở hai thời điểm cách nhau ít nhất một giờ <i>Re-check every entry twice, at least an hour apart</i>
Bảo mật <i>Confidentiality</i>	Giữ mật khẩu phần mềm, cổng thuế, ngân hàng điện tử và chữ ký số ở người được giao; không chia sẻ số liệu công ty <i>Keep software, tax portal, e-banking and digital-signature credentials with the assigned person; share no company figures</i>	Lập danh sách ai giữ gì trong bộ phận, không cất mật khẩu chung ở tệp dùng chung <i>List who holds what in the department; keep no shared passwords in a shared file</i>

2.8. Lộ trình tự học 24 tuần cho người trái ngành — A 24-week self-study plan for career changers

Dành 10 giờ mỗi tuần, chia làm hai buổi cuối tuần và vài buổi tối. Mỗi tuần có một sản phẩm tự kiểm: nếu chưa làm đúng thì học lại tuần đó trước khi sang tuần sau. Số liệu dùng xuyên suốt là của Công ty Hoàng Lâm, tháng 10/2026.

Allow 10 hours a week: two weekend sessions and a few evenings. Each week ends with a self-check product; if it is not right, repeat the week before moving on. The figures used throughout are those of Hoang Lam, October 2026.



Hình 2.3. Sáu giai đoạn của lộ trình 24 tuần

Figure 2.3. The six phases of the 24-week plan

Tuần Week	Nội dung Content	Sản phẩm tự kiểm Self-check product
1	Phương trình kế toán: tài sản bằng nợ phải trả cộng vốn chủ sở hữu. Lập bảng số dư đầu kỳ 01/10/2026 của Hoàng Lâm. <i>The accounting equation: assets equal liabilities plus equity. Draw up Hoang Lam's opening balances at 01/10/2026.</i>	Tổng tài sản 5.029.000.000 đồng khớp hai vế. <i>Total assets of VND 5,029,000,000; both sides agree.</i>
2	Chín loại tài khoản của Thông tư 99/2025/TT-BTC; học 15 tài khoản dùng hằng ngày: 111, 112, 131, 1331, 156, 211, 214, 242, 331, 334, 3383, 511, 632, 641, 642. <i>The nine account classes of Circular 99/2025/TT-BTC; learn the 15 everyday accounts: 111, 112, 131, 1331, 156, 211, 214, 242, 331, 334, 3383, 511, 632, 641, 642.</i>	Viết lại 15 số hiệu kèm tên không nhìn tài liệu, đúng 15 trên 15. <i>Write the 15 numbers with their names without notes: 15 out of 15 correct.</i>

Tuần Week	Nội dung Content	Sản phẩm tự kiểm Self-check product
3	Ghi sổ kép và định khoản. Định khoản việc mua 400 thùng sơn nội thất SN18 giá 1.160.000 đồng, thuế GTGT 8%, chưa trả tiền. <i>Double entry and journal entries. Record the purchase of 400 tins of SN18 interior paint at VND 1,160,000, 8% VAT, unpaid.</i>	Nợ 156 464.000.000; Nợ 1331 37.120.000; Có 331 501.120.000. <i>Dr 156 464,000,000; Dr 1331 37,120,000; Cr 331 501,120,000.</i>
4	Chứng từ và hóa đơn: nội dung bắt buộc theo Luật Kế toán Điều 16, hóa đơn điện tử. Soát 5 hóa đơn thật hoặc mẫu. <i>Vouchers and invoices: mandatory content under Article 16 of the Law on Accounting; electronic invoices. Check 5 real or sample invoices.</i>	Bảng soát từng hóa đơn theo tên, mã số thuế, thuế suất, ngày lập, chữ ký số; tìm đủ lỗi đã gài. <i>A check sheet per invoice for name, tax code, rate, date and digital signature; every planted error found.</i>
5	Mua hàng, nhập kho, thanh toán. Chi phí vận chuyển 5.000.000 đồng tính vào giá nhập 1.000 bao bột bả BB40 giá 214.000 đồng. <i>Purchasing, goods receipt, payment. Freight of VND 5,000,000 goes into the cost of 1,000 bags of BB40 skim coat at VND 214,000.</i>	Giá nhập mỗi bao 219.000 đồng. <i>Cost per bag of VND 219,000.</i>
6	Bán hàng, hóa đơn, doanh thu. Bán cho Thành Đô ngày 08/10/2026: 500 thùng SN18 giá 1.450.000 đồng và 200 thùng SNT18 giá 2.100.000 đồng. <i>Sales, invoices, revenue. Sale to Thanh Do on 08/10/2026: 500 tins of SN18 at VND 1,450,000 and 200 tins of SNT18 at VND 2,100,000.</i>	Nợ 131 1.236.600.000; Có 511 1.145.000.000; Có 33311 91.600.000. <i>Dr 131 1,236,600,000; Cr 511 1,145,000,000; Cr 33311 91,600,000.</i>
7	Tiền mặt và tiền gửi: phiếu thu, phiếu chi, sổ quỹ, đối chiếu sổ phụ ngân hàng. <i>Cash and bank: receipt and payment vouchers, cash book, bank statement reconciliation.</i>	Số dư sổ quỹ tiền mặt cuối tháng 92.000.000 đồng. <i>Month-end cash book balance of VND 92,000,000.</i>
8	Kho và công nợ: thẻ kho, tuổi nợ, biên bản đối chiếu. <i>Stock and balances: stock cards, ageing, confirmation records.</i>	Phải thu Thành Đô 1.236.600.000 đồng; phải trả Tân Phong 957.240.000 đồng. <i>Receivable from Thanh Do VND 1,236,600,000; payable to Tan Phong VND 957,240,000.</i>
9	Tiền lương và các khoản trích: bảng lương 12 người, doanh nghiệp trích 23,5%, người lao động chịu 10,5%. <i>Payroll and contributions: a 12-person payroll, employer 23.5%, employee 10.5%.</i>	Quỹ lương 211.000.000; doanh nghiệp trích 49.585.000; người lao động chịu 22.155.000 đồng. <i>Payroll VND 211,000,000; employer contribution 49,585,000; employee contribution 22,155,000.</i>

Tuần Week	Nội dung Content	Sản phẩm tự kiểm Self-check product
10	Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, biểu 5 bậc, giảm trừ 15.500.000 đồng và 6.200.000 đồng mỗi người phụ thuộc. Tính cho Phạm Văn Lâm và Đặng Thị Hồng Nhung. <i>Personal income tax on wages: five-band scale, deductions of VND 15,500,000 and VND 6,200,000 per dependant. Compute for Pham Van Lam and Dang Thi Hong Nhung.</i>	Thuế 737.500 đồng và 33.750 đồng; cả công ty 3 người nộp, tổng 801.750 đồng. <i>Tax of VND 737,500 and VND 33,750; three people pay in the whole company, VND 801,750 in total.</i>
11	Khấu hao tài sản cố định đường thẳng và phân bổ chi phí chờ phân bổ TK 242. <i>Straight-line depreciation and allocation of deferred costs, account 242.</i>	Khấu hao tháng 14.500.000 đồng; phân bổ 242 là 4.000.000 đồng. <i>Monthly depreciation of VND 14,500,000; allocation from 242 of VND 4,000,000.</i>
12	Khóa sổ tháng: giá xuất kho bình quân, kết chuyển về TK 911. <i>Month-end close: average cost of issues, transfer to account 911.</i>	Giá vốn 1.288.600.000; lợi nhuận trước thuế 44.615.000 đồng. <i>Cost of sales 1,288,600,000; profit before tax VND 44,615,000.</i>

Tuần Week	Nội dung Content	Sản phẩm tự kiểm Self-check product
13	Thuế GTGT khấu trừ: đầu ra trừ đầu vào, thuế suất 8% và 10%. <i>Deductible VAT: output less input, rates of 8% and 10%.</i>	Đầu ra 129.520.000, đầu vào 54.890.000, phải nộp tháng 10 là 74.630.000 đồng. <i>Output 129,520,000, input 54,890,000, payable for October 74,630,000.</i>
14	Điều kiện khấu trừ đầu vào: hóa đơn hợp lệ, chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt từ mốc giá trị trong Luật Thuế GTGT. <i>Conditions for deducting input VAT: a valid invoice and a non-cash payment document above the threshold in the VAT Law.</i>	Phân loại 10 hóa đơn mua vào: được khấu trừ, không được khấu trừ, và lý do. <i>Classify 10 purchase invoices: deductible or not, with the reason.</i>
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp: thuế suất 20%, 17%, 15% theo doanh thu năm trước (Luật Thuế TNDN Điều 10). <i>Corporate income tax: rates of 20%, 17% and 15% by prior-year revenue (CIT Law, Article 10).</i>	Doanh thu 2025 là 18.600.000.000 đồng nên thuế suất 17%; tạm tính tháng 10 là 7.584.550 đồng. <i>2025 revenue was VND 18,600,000,000, so the rate is 17%; provisional tax for October is VND 7,584,550.</i>
16	Kê khai và nộp thuế điện tử: tờ khai GTGT, thời hạn nộp, nộp tiền qua cổng thuế điện tử của Cục Thuế. <i>Electronic filing and payment: the VAT return, deadlines, payment through the tax authority's e-</i>	Lập một tờ khai GTGT mẫu bằng phần mềm hỗ trợ kê khai, số liệu khớp bằng kê hóa đơn. <i>Prepare a sample VAT return in the tax authority's filing software, figures agreeing</i>

Tuần Week	Nội dung Content	Sản phẩm tự kiểm Self-check product
	<i>tax portal.</i>	<i>with the invoice listing.</i>
17	Excel 1: SUMIFS, COUNTIFS, ROUND. Tổng hợp doanh thu theo khách hàng và theo mặt hàng. <i>Excel 1: SUMIFS, COUNTIFS, ROUND. Summarise revenue by customer and by item.</i>	Tổng doanh thu tháng 1.619.000.000 đồng, khớp tổng của hai khách hàng. <i>Total monthly revenue of VND 1,619,000,000, agreeing with the two customers added together.</i>
18	Excel 2: VLOOKUP, INDEX và MATCH, XLOOKUP, IFERROR. Đối chiếu bảng kê hóa đơn với danh mục khách hàng. <i>Excel 2: VLOOKUP, INDEX and MATCH, XLOOKUP, IFERROR. Match the invoice listing to the customer list.</i>	Danh sách hóa đơn có mã khách không tồn tại, được đánh dấu bằng công thức. <i>A list of invoices with unknown customer codes, flagged by formula.</i>
19	Excel 3: PivotTable và Data Validation. Lập báo cáo nhập, xuất, tồn bốn mã hàng. <i>Excel 3: PivotTable and Data Validation. Build an inward, outward and closing stock report for four items.</i>	Tồn cuối SN18 500 thùng, trị giá 577.000.000 đồng. <i>Closing SN18 stock of 500 tins worth VND 577,000,000.</i>
20	Phần mềm kế toán: danh mục, nhập chứng từ, khóa sổ, sao lưu. <i>Accounting software: master lists, voucher entry, period close, backup.</i>	Nhập lại các nghiệp vụ tháng 10; số dư tài khoản khớp phần Excel. <i>Re-enter the October transactions; account balances agree with the Excel workings.</i>
21	Báo cáo tài chính: Báo cáo tình hình tài chính (trước đây gọi là bảng cân đối kế toán), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. <i>Financial statements: the statement of financial position (formerly the balance sheet) and the income statement.</i>	Giải thích bằng lời vì sao tổng tài sản bằng tổng nguồn vốn cuối tháng 10. <i>Explain in words why total assets equal total equity and liabilities at the end of October.</i>
22	Đọc văn bản: Luật Kế toán, Thông tư 99/2025/TT-BTC, Luật Quản lý thuế 108/2025/QH15. <i>Reading legislation: the Law on Accounting, Circular 99/2025/TT-BTC, Law on Tax Administration 108/2025/QH15.</i>	Trả lời 10 câu hỏi tự đặt, mỗi câu ghi số Điều và khoản. <i>Answer 10 self-set questions, each with Article and clause.</i>
23	Hồ sơ xin việc: CV một trang và thư xin việc. <i>Job application: a one-page CV and a covering letter.</i>	CV nêu bốn việc đã làm có con số, nhờ một kế toán đọc và góp ý. <i>A CV with four tasks done and their figures, read and commented on by an accountant.</i>

Tuần <i>Week</i>	Nội dung <i>Content</i>	Sản phẩm tự kiểm <i>Self-check product</i>
24	Phỏng vấn thử và bài kiểm tra nghiệp vụ. <i>Mock interview and a practical test.</i>	Trả lời trôi chảy 25 câu hỏi hay gặp; làm đúng 8 trên 10 bài kiểm tra nghiệp vụ. <i>Answer 25 common questions fluently; score 8 out of 10 on a practical test.</i>

2.9. Thực tập: xin ở đâu, làm gì để được giữ lại — *Internships: where to apply and how to be kept on*

Nơi thực tập <i>Where</i>	Việc thường được giao <i>Usual tasks</i>	Học được gì <i>What you learn</i>	Điểm cần để ý <i>Watch for</i>
Công ty dịch vụ kế toán <i>Accounting service firm</i>	Nhập chứng từ, làm sổ, đối chiếu sao kê ngân hàng, hỗ trợ kê khai cho nhiều khách hàng <i>Voucher entry, ledgers, bank statement matching, filing support for many clients</i>	Nhiều loại hình doanh nghiệp trong thời gian ngắn <i>Many kinds of business in a short time</i>	Không giữ mật khẩu cổng thuế hay chữ ký số của khách hàng <i>Never hold a client's tax-portal password or digital signature</i>
Doanh nghiệp thương mại, sản xuất cỡ vừa <i>Medium trading or manufacturing company</i>	Lập phiếu nhập, phiếu xuất, đối chiếu công nợ, theo dõi hóa đơn đầu vào <i>Prepare goods received and issued notes, match balances, track input invoices</i>	Một chu trình mua – bán – thu – chi trọn vẹn <i>A full purchase, sale, receipt and payment cycle</i>	Xin người hướng dẫn cố định để không bị giao việc rời rạc <i>Ask for one fixed supervisor to avoid scattered tasks</i>
Công ty kiểm toán <i>Audit firm</i>	Gửi thư xác nhận số dư, đối chiếu số liệu, kiểm tra mẫu chứng từ <i>Send balance confirmations, agree figures, test sample vouchers</i>	Nhìn công việc kế toán từ phía người kiểm tra; thời gian làm trợ lý kiểm toán được tính vào 36 tháng công tác (TT 91 Điều 4 khoản 3) <i>See accounting from the checker's side; time as an audit assistant counts towards the 36 months (Circular 91, Article 4(3))</i>	Hỏi sớm về kế hoạch tuyển thực tập từng năm và thời hạn nộp hồ sơ <i>Ask early about each year's internship intake and the application deadline</i>

Nơi thực tập <i>Where</i>	Việc thường được giao <i>Usual tasks</i>	Học được gì <i>What you learn</i>	Điểm cần để ý <i>Watch for</i>
Hộ kinh doanh, công ty gia đình của người quen <i>A household business or a family company</i>	Sổ thu chi, đối chiếu tiền mặt, nhập hóa đơn <i>Cash book, cash counts, invoice entry</i>	Làm trọn một bộ sổ nhỏ từ đầu đến cuối <i>Keep a small set of books from start to finish</i>	Đễ bị giao thêm việc ngoài kế toán; thỏa thuận phạm vi việc từ đầu <i>Easily handed non- accounting work; agree the scope at the start</i>

Thời gian thực tập có được tính vào 36 tháng công tác thực tế để dự thi chứng chỉ hay không do hồ sơ dự thi quyết định: TT 91 Điều 5 yêu cầu giấy xác nhận thời gian công tác thực tế có chữ ký người đại diện theo pháp luật của đơn vị và đóng dấu. Khi kết thúc thực tập, xin giấy xác nhận ghi rõ ngày bắt đầu, ngày kết thúc và nội dung công việc, kể cả khi chưa định thi.

Whether internship time counts towards the 36 months of practical work depends on the examination file: Article 5 of Circular 91 requires a confirmation of practical work signed by the entity's legal representative and stamped. When an internship ends, ask for a confirmation stating the start date, end date and the work done, even if you do not yet plan to sit.

Bảy việc làm để được giữ lại — *Seven things that get you kept on*

- Nhận một việc lặp lại hằng ngày và làm trọn, ví dụ lập phiếu thu, phiếu chi trong ngày và khớp số dư quỹ với sổ cuối ngày.
Take one repeating daily task and finish it, for example the day's receipt and payment vouchers, agreeing the cash balance to the book at close.
- Mỗi việc ghi một trang sổ tay: chứng từ cần có, người ký, mục nhập trong phần mềm, lỗi đã gặp.
Keep a notebook page for each task: documents needed, signatory, software screen, mistakes met.
- Gom câu hỏi và hỏi một lần cuối ngày, kèm văn bản và Điều đã tra.
Batch your questions into one session at the end of the day, with the text and Article already looked up.
- Báo sai sót ngay khi thấy, kèm đề xuất cách sửa; không tự sửa số trên sổ đã khóa.
Report a mistake as soon as you see it with a proposed correction; never alter figures in a closed ledger.
- Không nhận mật khẩu, chữ ký số, con dấu của công ty và không ký thay ai.
Accept no passwords, digital signatures or company seal, and sign for nobody.
- Nộp báo cáo tuần một trang: việc đã xong, số liệu chính, việc còn tồn.
Hand in a one-page weekly report: work done, key figures, work outstanding.
- Xin người hướng dẫn làm người tham chiếu và xin giấy xác nhận thời gian, nội dung công việc khi kết thúc.
Ask your supervisor to act as a referee and request a confirmation of dates and duties when you finish.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Thực tập sinh thấy số sai trên sổ đã khóa và tự xóa hoặc nhập đè. Luật Kế toán Điều 27 khoản 1 cấm tẩy xóa làm mất dấu vết; sổ phải sửa bằng một trong ba phương pháp, với sổ điện tử là lập chứng từ điều chỉnh (khoản 4). Báo kế toán trưởng, để người có thẩm quyền ký.

An intern finds a wrong figure in a closed ledger and deletes or overwrites it. Article 27(1) of the Law on Accounting forbids erasure that destroys the trail; the book must be corrected by one of three methods, and for electronic books by an adjusting voucher (clause 4). Tell the chief accountant and let the authorised person sign.

2.10. Việc cần làm ngay — Action checklist

- Lấy bảng điểm đại học hoặc cao đẳng, cộng số tiết nhóm tài chính, kế toán, kiểm toán, phân tích hoạt động tài chính, thuế, chia cho tổng số tiết và ghi tỷ lệ ra giấy.
Get your transcript, add up the hours in finance, accounting, auditing, financial analysis and tax, divide by total hours, and write the ratio down.
- Tính ngày đủ 36 tháng công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán của bạn và ghi vào lịch.
Work out the date you reach 36 months of practical finance, accounting or audit work and put it in your calendar.
- Tra loại hình và vốn điều lệ của công ty đang làm hoặc sắp làm, đối chiếu Điều 21 Nghị định 174/2016/NĐ-CP để biết kế toán trưởng cần bằng gì.
Check the type and charter capital of your current or intended employer and compare Article 21 of Decree 174/2016/ND-CP to see what qualification its chief accountant needs.
- Hỏi hai cơ sở đào tạo về lịch khóa bồi dưỡng kế toán trưởng, văn bản họ dùng để mở lớp và thời gian học.
Ask two training institutions about the chief accountant course schedule, the text they rely on to open the class, and the duration.
- Bắt đầu tuần 1 của lộ trình 24 tuần: lập bảng số dư đầu kỳ của Hoàng Lâm và kiểm tổng 5.029.000.000 đồng.
Start week 1 of the 24-week plan: draw up Hoang Lam's opening balances and check the total of VND 5,029,000,000.
- Mở Excel, gõ sáu công thức ở mục 2.7 trên dữ liệu tự lập, kiểm kết quả bằng máy tính tay.
Open Excel, type the six formulas of section 2.7 on data of your own, and check the results with a calculator.
- Liệt kê ba doanh nghiệp hoặc công ty dịch vụ kế toán để xin thực tập và gửi hồ sơ trong tuần này.
List three companies or accounting service firms for an internship and send applications this week.
- Với chứng chỉ quốc tế muốn theo, gửi thư hỏi tổ chức cấp về việc Bộ Tài chính có công nhận hay không và giữ bản trả lời.
For any international qualification you want, write to the awarding body asking whether the Ministry of Finance recognises it, and keep the reply.

Chương 3. Kiến thức nền cốt lõi — Chapter 3. Core knowledge

Sau chương này bạn làm được — What you will be able to do

- Lập phương trình kế toán từ số dư đầu kỳ và kiểm tổng tài sản bằng tổng nguồn vốn.
Build the accounting equation from opening balances and check that total assets equal total equity and liabilities.
- Tra số hiệu và tên tài khoản theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, đổi tài khoản đời Thông tư 200 sang tài khoản hiện hành.
Look up account numbers and names under Circular 99/2025/TT-BTC and convert Circular 200 accounts to current ones.
- Định khoản nghiệp vụ mua, bán, thu, trả, chi phí và kiểm Nợ bằng Có trước khi nhập phần mềm.
Prepare entries for purchases, sales, receipts, payments and expenses and check debits equal credits before keying them in.
- Kiểm một chứng từ và một hóa đơn có đủ nội dung bắt buộc, sửa sổ đúng một trong ba cách của Luật Kế toán.
Test a document and an invoice for the mandatory content, and correct the books in one of the three ways the Accounting Law allows.
- Tính thuế GTGT của từng hóa đơn, mức thuế suất TNDN của công ty và thuế TNCN trên một dòng bảng lương.
Compute the VAT on each invoice, the company's corporate income tax rate and the personal income tax on a payroll line.

3.1. Phương trình kế toán và số dư đầu kỳ của Hoàng Lâm — The accounting equation and Hoàng Lâm's opening balances

Mọi bút toán trong sổ kế toán theo một đẳng thức: **Tài sản = Nợ phải trả + Vốn chủ sở hữu**. Tài sản là thứ công ty đang nắm giữ để kinh doanh: tiền, khoản khách còn nợ, hàng trong kho, xe tải, kệ kho. Nợ phải trả là phần tài sản hình thành từ tiền mua chịu và tiền đi vay. Vốn chủ sở hữu là phần chủ công ty góp cộng lợi nhuận giữ lại. Mỗi nghiệp vụ làm thay đổi ít nhất hai khoản mục, và hai vế vẫn bằng nhau sau khi ghi.

*Every entry in the books follows one equation: **assets = liabilities + owners' equity**. Assets are what the company holds in order to trade: cash, amounts customers still owe, stock in the warehouse, the delivery truck, the shelving. Liabilities are the part of the assets funded by goods bought on credit and by borrowing. Owners' equity is the capital the owners put in plus profit kept in the business. Every transaction changes at least two items, and the two sides still balance once it is recorded.*

Ngày 01/10/2026 Nguyễn Minh Thư nhận sổ của Công ty TNHH Vật liệu Hoàn thiện Hoàng Lâm với số dư đầu kỳ ở bảng dưới. Việc đầu tiên là cộng lại: tổng tài sản 5.029.000.000 đồng, nợ phải trả 1.545.000.000 đồng, vốn chủ sở hữu 3.484.000.000 đồng; $1.545.000.000 + 3.484.000.000 = 5.029.000.000$.

On 1 October 2026 Nguyễn Minh Thư took over the books of Hoàng Lâm Finishing Materials Co., Ltd with the opening balances in the table below. The first job is to add them up: total assets

5,029,000,000 dong, liabilities 1,545,000,000 dong, owners' equity 3,484,000,000 dong;
 $1,545,000,000 + 3,484,000,000 = 5,029,000,000$.

Số dư đầu kỳ ngày 01/10/2026 — Opening balances at 1 October 2026

TK <i>Acc.</i>	Tên tài khoản <i>Account</i>	Dư Nợ <i>Debit</i>	Dư Có <i>Credit</i>
111	Tiền mặt <i>Cash on hand</i>	92.000.000	
112	Tiền gửi không kỳ hạn <i>Cash at bank (demand deposits)</i>	1.180.000.000	
131	Phải thu của khách hàng <i>Trade receivables</i>	760.000.000	
156	Hàng hóa <i>Merchandise inventory</i>	1.839.000.000	
211	Tài sản cố định hữu hình <i>Tangible fixed assets</i>	1.620.000.000	
214	Hao mòn tài sản cố định <i>Accumulated depreciation</i>		486.000.000
242	Chi phí chờ phân bổ <i>Prepaid expenses to be allocated</i>	24.000.000	
331	Phải trả cho người bán <i>Trade payables</i>		845.000.000
341	Vay và nợ thuê tài chính <i>Borrowings and finance lease liabilities</i>		700.000.000
4111	Vốn góp của chủ sở hữu <i>Owners' contributed capital</i>		3.000.000.000
4211	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước <i>Retained earnings brought forward</i>		484.000.000
	Cộng <i>Total</i>	5.515.000.000	5.515.000.000

Tổng dư Nợ và tổng dư Có đều bằng 5.515.000.000 đồng. Con số này lớn hơn tổng tài sản vì hao mòn lũy kế 486.000.000 đồng nằm bên Có; trừ khoản đó khỏi nhóm tài sản thì $5.515.000.000 - 486.000.000 = 5.029.000.000$.

Total debit balances and total credit balances are both 5,515,000,000 dong. The figure is larger than total assets because accumulated depreciation of 486,000,000 dong sits on the credit side; deducting it from the assets gives $5,515,000,000 - 486,000,000 = 5,029,000,000$.

TÀI SẢN 5.029		NỢ PHẢI TRẢ 1.545 + VỐN CHỦ SỞ HỮU 3.484	
Phải thu khách hàng (131) 760	=	Lợi nhuận chưa phân phối (4211) 484	}
Tiền (111, 112) 1.272		Vốn góp của chủ sở hữu (4111) 3.000	
TSCĐ còn lại (211 – 214) 1.134		Vay ngắn hạn (341) 700	
Hàng tồn kho (156) 1.839		Phải trả người bán (331) 845	

Chi phí chờ phân bổ (242): 24

Đơn vị: triệu đồng, số dư ngày 01/10/2026

Hình 3.1. Phương trình kế toán bằng số dư đầu kỳ của Hoàng Lâm (triệu đồng)

Figure 3.1. The accounting equation with Hoàng Lâm's opening balances (million dong)

Bốn nghiệp vụ tháng 10 làm phương trình thay đổi thế nào — How four October transactions move the equation

Nghệp vụ <i>Transaction</i>	Tài sản <i>Assets</i>	Nợ phải trả <i>Liabilities</i>	Vốn chủ <i>Equity</i>	Tổng tài sản sau <i>Assets after</i>
01/10 Số dư đầu kỳ <i>1 Oct: opening balance</i>				5.029.000.000
02/10 Mua 400 thùng SN18 của Tân Phong, chưa trả (đã gồm thuế GTGT 8%) <i>2 Oct: 400 pails of SN18 bought from Tân Phong on credit (8% VAT included)</i>	+501.120.00 0	+501.120.00 0	0	5.530.120.000
12/10 Thành Đô trả nợ bằng chuyển khoản <i>12 Oct: Thành Đô settles its debt by bank transfer</i>	0	0	0	5.530.120.000
15/10 Trả nợ Tân Phong bằng chuyển khoản <i>15 Oct: Tân Phong paid by bank transfer</i>	-620.000.00 0	-620.000.00 0	0	4.910.120.000

Nghệp vụ <i>Transaction</i>	Tài sản <i>Assets</i>	Nợ phải trả <i>Liabilities</i>	Vốn chủ <i>Equity</i>	Tổng tài sản sau <i>Assets after</i>
18/10 Bán lẻ 474.000.000 cộng thuế, thu chuyển khoản, giá vốn 375.600.000 <i>18 Oct: retail sales of 474,000,000 plus tax, paid by transfer, cost of sales 375,600,000</i>	+136.320.000 0	+37.920.000	+98.400.000	5.046.440.000

Ở nghiệp vụ cuối, vốn chủ sở hữu tăng 98.400.000 đồng, bằng doanh thu 474.000.000 trừ giá vốn 375.600.000; 37.920.000 đồng thuế GTGT đầu ra là khoản công ty giữ hộ Nhà nước nên nằm ở nợ phải trả, không phải thu nhập của công ty. Sau bốn nghiệp vụ, tổng tài sản 5.046.440.000 đồng bằng nợ phải trả 1.464.040.000 đồng cộng vốn chủ 3.582.400.000 đồng.

In the last transaction owners' equity rises by 98,400,000 dong, which is revenue of 474,000,000 less cost of sales of 375,600,000; the 37,920,000 dong of output VAT is money the company holds for the State, so it sits in liabilities and is not the company's income. After the four transactions total assets of 5,046,440,000 dong equal liabilities of 1,464,040,000 dong plus equity of 3,582,400,000 dong.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Thư mở bảng số dư đầu kỳ trong phần mềm và làm ba phép kiểm trước khi ghi nghiệp vụ nào. Một: tổng dư Nợ bằng tổng dư Có (5.515.000.000). Hai: sổ chi tiết TK 131 gồm Thành Đô 460.000.000 và Gia An 300.000.000, cộng 760.000.000, khớp số dư TK 131. Ba: TK 331 chỉ có Tân Phong 845.000.000. Lệnh một đồng ở phép nào thì dừng và hỏi Vũ Quang Huy hoặc kế toán trưởng Đặng Thị Hồng Nhung trước khi nhập nghiệp vụ đầu tiên.

Thư opens the opening-balance sheet in the software and makes three checks before posting anything. One: total debits equal total credits (5,515,000,000). Two: the TK 131 subsidiary ledger shows Thành Đô 460,000,000 and Gia An 300,000,000, together 760,000,000, which agrees with the TK 131 balance. Three: TK 331 holds only Tân Phong, 845,000,000. If any check is out by a single dong she stops and asks Vũ Quang Huy or the chief accountant Đặng Thị Hồng Nhung before posting the first transaction.

3.2. Hệ thống tài khoản theo Thông tư 99/2025/TT-BTC — *The chart of accounts under Circular 99/2025/TT-BTC*

Luật Kế toán quy định mỗi đơn vị chỉ dùng một hệ thống tài khoản cho kế toán tài chính (Điều 22 khoản 2) và được chi tiết thêm các tài khoản đã chọn để phục vụ quản lý (Điều 23 khoản 2). Doanh nghiệp áp dụng hệ thống tài khoản tại Phụ lục II của Thông tư 99/2025/TT-BTC (Điều 11 khoản 1). Muốn sửa tên, số hiệu hoặc kết cấu tài khoản, doanh nghiệp phải ban hành Quy chế hạch toán kế toán nêu rõ lý do và trách nhiệm (Điều 11 khoản 2). Người mới không tự đặt số hiệu tài khoản; muốn theo dõi riêng thì mở sổ chi tiết theo đối tượng.

The Accounting Law lets each entity use only one chart of accounts for financial accounting (Article 22, clause 2) and lets it break the chosen accounts down further for management

purposes (Article 23, clause 2). Enterprises apply the chart in Appendix II of Circular 99/2025/TT-BTC (Article 11, clause 1). To change the name, number or structure of an account, the enterprise must issue an accounting policy manual stating the reason and who is responsible (Article 11, clause 2). A newcomer never invents an account number; to track something separately, open a subsidiary ledger by counterparty.

Số hiệu có ba chữ số ở cấp 1 (131, 156, 511) và bốn chữ số ở cấp 2 (1331, 3331, 4111). Chi tiết theo khách hàng, nhà cung cấp, mã hàng không có số hiệu riêng: Thành Đô và Gia An là hai dòng trong sổ chi tiết của TK 131, SN18 và BB40 là hai mã trong sổ chi tiết của TK 156. Hệ thống có 9 loại, chữ số đầu của số hiệu cho biết loại.

Account numbers have three digits at level 1 (131, 156, 511) and four digits at level 2 (1331, 3331, 4111). Detail by customer, supplier or item has no number of its own: Thành Đô and Gia An are two lines in the TK 131 subsidiary ledger, SN18 and BB40 are two items in the TK 156 subsidiary ledger. There are 9 classes, and the first digit of the number tells you the class.

Chín loại tài khoản — The nine account classes

Loại i Clas s	Nhóm Group	Tài khoản tiêu biểu Typical accounts	Tăng bên Increases on	Số dư cuối kỳ Closing balance
1	Tài sản: tiền, phải thu, hàng tồn kho <i>Assets: cash, receivables, inventories</i>	111, 112, 131, 1331, 156	Nợ <i>Debit</i>	Nợ <i>Debit</i>
2	Tài sản: TSCĐ, đầu tư, chi phí chờ phân bổ <i>Assets: fixed assets, investments, prepayments</i>	211, 214, 242	Nợ (214: Có) <i>Debit (214: credit)</i>	Nợ (214: Có) <i>Debit (214: credit)</i>
3	Nợ phải trả <i>Liabilities</i>	331, 3331, 334, 3383, 341	Có <i>Credit</i>	Có <i>Credit</i>
4	Vốn chủ sở hữu <i>Owners' equity</i>	4111, 4211	Có <i>Credit</i>	Có <i>Credit</i>
5	Doanh thu <i>Revenue</i>	511, 515, 521	Có (521: Nợ) <i>Credit (521: Debit)</i>	Không có <i>None</i>
6	Chi phí sản xuất, kinh doanh <i>Production and trading costs</i>	632, 635, 641, 642	Nợ <i>Debit</i>	Không có <i>None</i>
7	Thu nhập khác <i>Other income</i>	711	Có <i>Credit</i>	Không có <i>None</i>
8	Chi phí khác <i>Other expenses</i>	811, 821	Nợ <i>Debit</i>	Không có <i>None</i>

Loại i Clas s	Nhóm Group	Tài khoản tiêu biểu Typical accounts	Tăng bên Increases on	Số dư cuối kỳ Closing balance
9	Xác định kết quả kinh doanh <i>Determination of results</i>	911	Kết chuyển cuối kỳ <i>Closing entries</i>	Không có <i>None</i>

GHI NHỚ / KEY POINT — Tài sản và chi phí tăng bên Nợ. Nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và doanh thu tăng bên Có. Tài khoản điều chỉnh giảm như 214 (hao mòn) và 521 (giảm trừ doanh thu) có chiều ngược lại với nhóm của nó. Tài khoản loại 5 đến 8 không còn số dư sau khi kết chuyển sang TK 911 cuối kỳ.

Assets and costs increase on the debit side. Liabilities, owners' equity and revenue increase on the credit side. Contra accounts such as 214 (accumulated depreciation) and 521 (deductions from revenue) run opposite to their group. Accounts of classes 5 to 8 carry no balance once they are closed to TK 911 at period end.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Mở sách hoặc mẫu cũ tìm TK 5211, 5212, 5213 cho chiết khấu và hàng bán bị trả lại, hoặc ghi Nợ TK 611, 631. Đó là tài khoản đời Thông tư 200. Hệ thống tài khoản của Thông tư 99 có TK 521 không chia cấp 2, và không còn TK 611, 631 (hai tài khoản này vẫn có ở Thông tư 133). Phần mềm báo tài khoản không tồn tại, hoặc báo cáo lệch, là dấu hiệu bạn đang dùng danh mục cũ; đối chiếu với Phụ lục II trước khi ghi.

Looking in an old book or template for TK 5211, 5212, 5213 for discounts and sales returns, or debiting TK 611 or 631. Those are Circular 200 accounts. The Circular 99 chart has TK 521 with no level-2 split, and no TK 611 or 631 (both still exist under Circular 133). If the software reports that an account does not exist, or a report does not balance, you are probably using an old chart; check Appendix II before posting.

3.3. Tài khoản người mới dùng hằng ngày — *Accounts a newcomer uses every day*

Bảng dưới liệt kê các tài khoản xuất hiện trong nghiệp vụ tháng 10/2026 của Hoàng Lâm, kèm lúc nào phải dùng. Tên tài khoản đúng theo Phụ lục II của Thông tư 99/2025/TT-BTC.

The table lists the accounts that appear in Hoàng Lâm's October 2026 transactions and when to use each. Account names follow Appendix II of Circular 99/2025/TT-BTC.

TK Acc.	Tên theo Thông tư 99 Name under Circular 99	Dùng khi Used when
111	Tiền mặt <i>Cash on hand</i>	Phiếu thu, phiếu chi tiền mặt; thủ quỹ ghi sổ quỹ <i>Cash receipt and payment vouchers; the cashier keeps the cash book</i>
112	Tiền gửi không kỳ hạn <i>Cash at bank (demand deposits)</i>	Giấy báo Nợ, giấy báo Có, sao kê ngân hàng <i>Bank debit and credit advices, bank statements</i>

TK <i>Acc.</i>	Tên theo Thông tư 99 <i>Name under Circular 99</i>	Dùng khi <i>Used when</i>
131	Phải thu của khách hàng <i>Trade receivables</i>	Bán chịu, thu nợ; theo dõi từng khách <i>Credit sales and collections, tracked by customer</i>
1331	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ <i>Input VAT on goods and services</i>	Thuế GTGT ghi trên hóa đơn mua hàng hợp lệ <i>VAT on valid purchase invoices</i>
141	Tạm ứng <i>Advances to employees</i>	Nhân viên ứng tiền đi mua hàng, công tác <i>Staff advances for purchases or business trips</i>
156	Hàng hóa <i>Merchandise inventory</i>	Nhập, xuất hàng hóa; theo dõi từng mã hàng <i>Goods received and issued, tracked by item</i>
211	Tài sản cố định hữu hình <i>Tangible fixed assets</i>	Mua xe tải, kệ kho, thiết bị; ghi nguyên giá <i>Purchase of truck, shelving, equipment, at original cost</i>
2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình <i>Accumulated depreciation of tangible fixed assets</i>	Khấu hao hằng tháng của TSCĐ hữu hình <i>Monthly depreciation of tangible fixed assets</i>
242	Chi phí chờ phân bổ <i>Prepaid expenses to be allocated</i>	Khoản đã chi nhưng phân bổ vào nhiều tháng <i>Spending that is allocated over several months</i>
331	Phải trả cho người bán <i>Trade payables</i>	Mua chịu, trả nợ; theo dõi từng nhà cung cấp <i>Purchases on credit and payments, tracked by supplier</i>
3331	Thuế giá trị gia tăng phải nộp <i>VAT payable</i>	Thuế GTGT đầu ra, kết quả khấu trừ, nộp thuế <i>Output VAT, the offset result, payment of the tax</i>
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp <i>Corporate income tax payable</i>	TNDN tạm tính và quyết toán <i>Provisional and final corporate income tax</i>
3335	Thuế thu nhập cá nhân <i>Personal income tax payable</i>	TNCN khấu trừ từ lương, nộp thay người lao động <i>Personal income tax withheld from pay and paid over</i>
334	Phải trả người lao động <i>Payables to employees</i>	Lương phải trả, thực lĩnh, tạm ứng trừ lương <i>Pay due, net pay, advances deducted from pay</i>
3382	Kinh phí công đoàn <i>Trade union fee</i>	Kinh phí công đoàn trích 2% quỹ lương <i>Trade union fee at 2% of the payroll base</i>
3383	Bảo hiểm xã hội <i>Social insurance</i>	BHXXH: phần doanh nghiệp 17,5%, người lao động 8% <i>Social insurance: employer 17.5%, employee 8%</i>
3384	Bảo hiểm y tế <i>Health insurance</i>	BHYT: phần doanh nghiệp 3%, người lao động 1,5% <i>Health insurance: employer 3%, employee 1.5%</i>
3386	Bảo hiểm thất nghiệp <i>Unemployment insurance</i>	BHTN: doanh nghiệp 1%, người lao động 1% <i>Unemployment insurance: employer 1%, employee 1%</i>

TK Acc.	Tên theo Thông tư 99 Name under Circular 99	Dùng khi Used when
3411	Các khoản đi vay <i>Borrowings</i>	Khoản vay ngân hàng; lãi vay ghi riêng ở 635 <i>Bank loan; interest is recorded separately in 635</i>
4111	Vốn góp của chủ sở hữu <i>Owners' contributed capital</i>	Vốn các thành viên đã góp <i>Capital contributed by the members</i>
4211	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước <i>Retained earnings brought forward</i>	Lợi nhuận giữ lại sau thuế; kết chuyển từ 911 <i>Profit retained after tax, transferred from 911</i>
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Revenue from sales and services</i>	Doanh thu bán hàng chưa thuế, theo hóa đơn <i>Sales revenue before VAT, per invoice</i>
521	Các khoản giảm trừ doanh thu <i>Deductions from revenue</i>	Chiết khấu, hàng bán bị trả lại, giảm giá <i>Discounts, sales returns and allowances</i>
632	Giá vốn hàng bán <i>Cost of goods sold</i>	Giá vốn của hàng đã bán, tính khi khóa sổ <i>Cost of goods sold, computed at month end</i>
635	Chi phí tài chính <i>Finance costs</i>	Lãi vay, chiết khấu thanh toán cho khách <i>Loan interest, settlement discounts given</i>
641	Chi phí bán hàng <i>Selling expenses</i>	Lương nhân viên bán hàng, khấu hao xe, cước giao hàng <i>Sales staff pay, truck depreciation, delivery costs</i>
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp <i>General and administrative expenses</i>	Lương khối quản lý, điện thoại, văn phòng <i>Office staff pay, telephone, office costs</i>
711	Thu nhập khác <i>Other income</i>	Thanh lý tài sản, tiền phạt thu được <i>Disposal proceeds, penalties received</i>
811	Chi phí khác <i>Other expenses</i>	Giá trị còn lại khi thanh lý, tiền phạt phải trả <i>Carrying amount on disposal, penalties paid</i>
8211	Chi phí thuế TNDN hiện hành <i>Current corporate income tax expense</i>	Chi phí thuế TNDN của kỳ <i>Corporate income tax expense of the period</i>
911	Xác định kết quả kinh doanh <i>Determination of business results</i>	Gom doanh thu, chi phí cuối kỳ để ra lãi, lỗ <i>Gathers revenue and costs at period end to show profit or loss</i>

Ai ở Hoàng Lâm chạm vào tài khoản nào — Who at Hoàng Lâm touches which accounts

Người <i>Person</i>	Việc <i>Role</i>	Tài khoản chính <i>Main accounts</i>
Nguyễn Minh Thu	Kế toán kho, công nợ (mới vào 01/10/2026) <i>Inventory and receivables/payables accountant (joined 1 Oct 2026)</i>	156, 131, 331, 1331
Vũ Quang Huy	Kế toán tổng hợp <i>General accountant</i>	511, 632, 641, 642, 3331, 911, 4211
Lê Thị Mai	Thủ quỹ <i>Cashier</i>	111, sổ quỹ
Đặng Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng: duyệt, ký, khóa sổ <i>Chief accountant: approves, signs, closes the books</i>	mọi tài khoản <i>all accounts</i>

Minh Thu chỉ ghi các tài khoản ở dòng đầu, nhưng phải đọc được cả bảng: một hóa đơn bán hàng chạm 131, 511, 3331 và sau đó 632, 156, tức là việc của ba người trên một chứng từ.

Minh Thu posts only the accounts in the first row, but she has to read the whole table: one sales invoice touches 131, 511 and 3331 and later 632 and 156, which means three people work on one document.

3.4. Từ Thông tư 200 sang Thông tư 99: những chỗ đã đổi — From Circular 200 to Circular 99: what has changed

Thông tư 99/2025/TT-BTC có hiệu lực từ 01/01/2026, áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày đó, và thay Thông tư 200/2014/TT-BTC (Điều 31 khoản 1). Doanh nghiệp nhỏ và vừa được chọn áp dụng Thông tư 99 (Điều 31 khoản 3); Thông tư 133/2016/TT-BTC dành cho nhóm này vẫn còn hiệu lực. Hoàng Lâm chọn Thông tư 99. Sách, mẫu biểu và nhiều đồng nghiệp lớn tuổi vẫn nói theo tên cũ; người mới hay vấp ở các tài khoản và báo cáo đã đổi tên hoặc bị bỏ.

Circular 99/2025/TT-BTC took effect on 1 January 2026, applies to financial years starting on or after that date, and replaces Circular 200/2014/TT-BTC (Article 31, clause 1). Small and medium-sized enterprises may choose Circular 99 (Article 31, clause 3); Circular 133/2016/TT-BTC for that group remains in force. Hoàng Lâm uses Circular 99. Books, templates and many older colleagues still use the old names, and newcomers most often trip over the accounts and reports that were renamed or dropped.

Nội dung <i>Item</i>	Thông tư 200 <i>Circular 200</i>	Thông tư 99 <i>Circular 99</i>	Việc phải làm <i>What to do</i>
Báo cáo B01-DN <i>Report B01-DN</i>	Bảng cân đối kế toán <i>Balance sheet</i>	Báo cáo tình hình tài chính; tổng tài sản là mã số 280 <i>Statement of financial position; total assets is line 280</i>	Ghi tên mới trên tiêu đề, tìm đúng mã số <i>Use the new title and find the right line code</i>

Nội dung <i>Item</i>	Thông tư 200 <i>Circular 200</i>	Thông tư 99 <i>Circular 99</i>	Việc phải làm <i>What to do</i>
TK 112	Tiền gửi ngân hàng <i>Bank deposits</i>	Tiền gửi không kỳ hạn; có kỳ hạn ghi ở TK 1281 <i>Demand deposits; term deposits go to TK 1281</i>	Tách khoản gửi có kỳ hạn sang 1281 <i>Move term deposits to 1281</i>
TK 155	Thành phẩm <i>Finished goods</i>	Sản phẩm <i>Products</i>	Đổi tên gọi trong sổ và báo cáo <i>Rename in books and reports</i>
TK 242	Chi phí trả trước <i>Prepaid expenses</i>	Chi phí chờ phân bổ <i>Expenses awaiting allocation</i>	Dùng tên mới; cách phân bổ không đổi <i>Use the new name; the allocation method is unchanged</i>
TK 3387	Doanh thu chưa thực hiện <i>Unearned revenue</i>	Doanh thu chờ phân bổ <i>Revenue awaiting allocation</i>	Dùng tên mới <i>Use the new name</i>
TK 521	Có 5211, 5212, 5213 <i>Split into 5211, 5212, 5213</i>	Không chia cấp 2 <i>No level-2 accounts</i>	Ghi thẳng 521, phân loại trong sổ chi tiết <i>Post to 521 and classify in the subsidiary ledger</i>
Tài khoản bỏ <i>Accounts removed</i>	161, 417, 441, 461, 466, 611, 631	Không còn (611, 631 còn ở Thông tư 133) <i>Gone (611 and 631 remain under Circular 133)</i>	Số dư 441 và 466 chuyển sang 4118 (Điều 29) <i>Balances of 441 and 466 move to 4118 (Article 29)</i>
Tài khoản thêm <i>Accounts added</i>	—	215 Tài sản sinh học; 332 Phải trả cổ tức, lợi nhuận <i>215 Biological assets; 332 Dividends and profit payable</i>	Số phải trả cổ tức trong 338 chuyển sang 332 <i>Dividends payable held in 338 move to 332</i>
TK 2413, 2414	2413 Sửa chữa lớn TSCĐ <i>2413 Major repairs of fixed assets</i>	2413 Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ; 2414 Nâng cấp, cải tạo <i>2413 Periodic repairs and maintenance; 2414 Upgrades</i>	Phân nâng cấp, cải tạo còn dở dang chuyển sang 2414 <i>Unfinished upgrade costs move to 2414</i>
Chi phí sửa chữa lớn <i>Major repair costs</i>	Trích trước theo kế hoạch <i>Provision made in advance</i>	Chưa sửa thì không trích tiếp (Điều 30 khoản 4) <i>No further provision if the repair has not started (Article 30, clause 4)</i>	Rà khoản đã trích trước trong sổ đầu năm 2026 <i>Review provisions already made in the books at the start of 2026</i>

GHI NHỚ / KEY POINT — Mã số trên Báo cáo tình hình tài chính không được đánh lại: chỉ tiêu nào không có số liệu thì bỏ dòng, giữ nguyên mã của các dòng còn lại (Thông tư 99)

Điều 17 khoản 4). Báo cáo của Hoàng Lâm và báo cáo của đối tác vì thế so được với nhau theo mã.

Line codes on the statement of financial position are never renumbered: a line with no figure is dropped and the codes of the remaining lines stay as they are (Circular 99, Article 17, clause 4). That is why Hoàng Lâm's report and a counterparty's report can be compared code by code.

3.5. Ghi sổ kép và định khoản — Double entry and journal entries

Ghi sổ kép là ghi mỗi nghiệp vụ vào ít nhất hai tài khoản, một bên Nợ, một bên Có, tổng tiền hai bên bằng nhau. Định khoản là việc chọn tài khoản, chiều Nợ hay Có và số tiền trước khi nhập phần mềm. Phần mềm chặn bút toán lệch, nhưng chỉ bắt lỗi cộng, không bắt lỗi chọn nhầm tài khoản.

Double entry means recording each transaction in at least two accounts, one debited and one credited, for equal amounts. A journal entry is the decision on which accounts, which side and what amount, made before anything is keyed into the software. The software rejects an unbalanced entry, but it catches only arithmetic errors, not the choice of a wrong account.

1. Đọc chứng từ: ngày, bên mua, bên bán, hàng hóa, giá chưa thuế, thuế suất, tổng tiền, đã trả hay chưa.

Read the document: date, buyer, seller, goods, price before tax, tax rate, total, paid or not.

2. Gọi tên các tài khoản bị tác động và loại của chúng: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hay chi phí.

Name the accounts affected and their class: asset, liability, revenue or expense.

3. Quyết định chiều: tài sản và chi phí tăng ghi Nợ; nợ phải trả, vốn và doanh thu tăng ghi Có; giảm thì ngược lại.

Decide the side: assets and expenses increase on the debit; liabilities, equity and revenue increase on the credit; decreases go the other way.

4. Kiểm: tổng Nợ bằng tổng Có, số tiền khớp chứng từ, tiền thuế tách riêng khỏi giá trị hàng.

Check: total debits equal total credits, the amount agrees with the document, tax is separated from the value of the goods.

Định khoản: mua SN18, bán cho Thành Đô, giá vốn / Journal entries: SN18 purchase, sale to Thành Đô, cost of sales

NV1	Nợ TK 156 – Hàng hóa: 400 thùng SN18 nhập kho 02/10.....	464.000.000
	Nợ TK 1331 – Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ.....	37.120.000
	Có TK 331 – Phải trả cho người bán: Tân Phong	501.120.000
NV2	Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng: Thành Đô, 08/10.....	1.236.600.000
	Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	1.145.000.000
	Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (đầu ra 8%).....	91.600.000
NV3	Nợ TK 632 – Giá vốn 500 thùng SN18 và 200 thùng SNT18 (ghi khi khóa sổ)	913.000.000
	Có TK 156 – Hàng hóa.....	913.000.000

NV1 đưa giá chưa thuế 464.000.000 vào TK 156 và thuế 37.120.000 vào TK 1331; tổng 501.120.000 là số Hoàng Lâm nợ Tân Phong. NV2 ngược lại: tiền Thành Đô nợ gồm cả thuế (1.236.600.000), doanh thu chỉ là 1.145.000.000, còn 91.600.000 là thuế phải nộp hộ

Nhà nước. NV3 tách khỏi NV2 vì xuất kho bình quân cuối tháng chỉ có đơn giá sau khi cộng hết hàng nhập trong tháng: SN18 1.154.000 đồng một thùng, SNT18 1.680.000 đồng một thùng; $500 \times 1.154.000 + 200 \times 1.680.000 = 913.000.000$.

NV1 puts the price before tax of 464,000,000 into TK 156 and the tax of 37,120,000 into TK 1331; the total of 501,120,000 is what Hoàng Lâm owes Tân Phong. NV2 runs the other way: what Thành Đô owes includes tax (1,236,600,000), revenue is only 1,145,000,000, and 91,600,000 is tax payable to the State. NV3 is separate from NV2 because month-end weighted-average issue pricing gives a unit cost only after all the month's receipts are added: SN18 at 1,154,000 dong per pail, SNT18 at 1,680,000; $500 \times 1,154,000 + 200 \times 1,680,000 = 913,000,000$.

Định khoản: bán lẻ, thu nợ, trả nợ / Journal entries: retail sale, collection, payment

NV4	Nợ TK 112 – Tiền gửi không kỳ hạn: khách lẻ chuyển khoản 18/10....	511.920.000
	Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	474.000.000
	Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (đầu ra 8%).....	37.920.000
NV5	Nợ TK 112 – Thành Đô trả nợ 12/10.....	460.000.000
	Có TK 131 – Phải thu của khách hàng: Thành Đô.....	460.000.000
NV6	Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán: trả Tân Phong 15/10	620.000.000
	Có TK 112 – Tiền gửi không kỳ hạn.....	620.000.000

Định khoản: chi phí tháng 10 / Journal entries: October expenses

NV7	Nợ TK 642 – Cước Internet và điện thoại 25/10 (thuế suất 10%, không được giảm)	2.500.000
	Nợ TK 1331 – Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ.....	250.000
	Có TK 112 – Tiền gửi không kỳ hạn.....	2.750.000
NV8	Nợ TK 641 – Khấu hao xe tải (bộ phận bán hàng)	9.500.000
	Nợ TK 642 – Khấu hao kê kho và thiết bị (quản lý).....	5.000.000
	Có TK 2141 – Hao mòn TSCĐ hữu hình.....	14.500.000

NV7 là hóa đơn duy nhất của tháng có thuế suất 10%: cước viễn thông không được giảm xuống 8%. Cước 2.500.000 cộng thuế 250.000 là 2.750.000 đồng, trả bằng chuyển khoản. NV8 là bút toán không có chứng từ từ bên ngoài: kế toán lập từ bảng tính khấu hao, cộng $9.500.000 + 5.000.000 = 14.500.000$ đồng.

NV7 is the only invoice of the month taxed at 10%: telecom charges do not get the reduction to 8%. The charge of 2,500,000 plus tax of 250,000 comes to 2,750,000 dong, paid by bank transfer. NV8 has no outside document: the accountant prepares it from the depreciation schedule, $9,500,000 + 5,000,000 = 14,500,000$ dong.

Tài khoản chữ T: theo dõi số dư của một tài khoản — T-accounts: following the balance of one account

Tài khoản chữ T có bên Nợ ở trái, bên Có ở phải. SDĐK là số dư đầu kỳ, Cộng PS là tổng phát sinh trong kỳ, SDCK là số dư cuối kỳ. Với tài khoản tài sản, SDCK bằng SDĐK cộng phát sinh Nợ trừ phát sinh Có; với tài khoản nợ phải trả thì ngược lại.

A T-account has the debit side on the left and the credit side on the right. SDĐK is the opening balance, Cộng PS the total movement in the period, SDCK the closing balance. For an asset account the closing balance is the opening balance plus debits less credits; for a liability account it is the other way round.

TK 156 – Hàng hóa		Có	
Nợ			
Dr	Account 156 – Merchandise inventory		Cr
SĐĐK	1.839.000.00		
	0		
Mua SN18 02/10	464.000.000	Giá vốn tháng 10	1.288.600.00
			0
Mua BB40 05/10	214.000.000		
Cước vận chuyển BB40	5.000.000		
Cộng PS	683.000.000	Cộng PS	1.288.600.00
			0
SDCK	1.233.400.00		
	0		

TK 131 – Phải thu của khách hàng		Có	
Nợ			
Dr	Account 131 – Trade receivables		Cr
SĐĐK	760.000.000		
Bán Thành Đô 08/10	1.236.600.00	Thành Đô trả 12/10	460.000.000
	0		
Cộng PS	1.236.600.00	Cộng PS	460.000.000
	0		
SDCK	1.536.600.00		
	0		

TK 331 – Phải trả cho người bán		Có	
Nợ			
Dr	Account 331 – Trade payables		Cr
		SĐĐK	845.000.000
Trả Tân Phong 15/10	620.000.000	Mua SN18 02/10	501.120.000
		Mua BB40 05/10	231.120.000
Cộng PS	620.000.000	Cộng PS	732.240.000
		SDCK	957.240.000

TK 112 – Tiền gửi không kỳ hạn		Có	
Nợ			
Dr	Account 112 – Cash at bank		Cr
SĐĐK	1.180.000.00		
	0		
Thành Đô trả 12/10	460.000.000	Trả Tân Phong 15/10	620.000.000
Bán lẻ 18/10	511.920.000	Cước vận chuyển BB40	5.400.000
		Cước viễn thông 25/10	2.750.000
		Lãi vay 31/10	4.200.000
Cộng PS	971.920.000	Cộng PS	632.350.000
SDCK	1.519.570.00		
	0		

Cuối tháng 10, trước khi chi lương: TK 156 dư Nợ 1.233.400.000, bằng tổng giá trị tồn của bốn mã hàng; TK 131 dư Nợ 1.536.600.000, gồm Thành Đô 1.236.600.000 và Gia An 300.000.000; TK 331 dư Có 957.240.000, toàn bộ là Tân Phong; TK 112 dư Nợ 1.519.570.000. Mua BB40 có thuế 17.120.000, cước vận chuyển BB40 nằm trong giá nhập (4.2 xử lý tiếp).

At the end of October, before payroll is paid: TK 156 has a debit balance of 1,233,400,000, equal to the value of the four items in stock; TK 131 has a debit balance of 1,536,600,000, made up of Thành Đô 1,236,600,000 and Gia An 300,000,000; TK 331 has a credit balance of 957,240,000, all of it Tân Phong; TK 112 has a debit balance of 1,519,570,000. The BB40 purchase carries tax of 17,120,000, and the BB40 freight is part of the cost of the goods (section 4.2 returns to it).

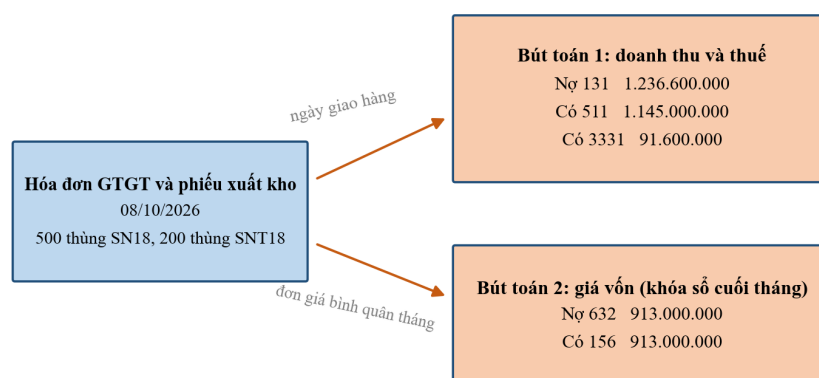
LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi doanh thu bằng số tiền trên tổng thanh toán của hóa đơn: Có TK 511 1.236.600.000 thay vì 1.145.000.000. Doanh thu tăng khổng 91.600.000 đồng, thuế GTGT đầu ra thiếu đúng số đó, tờ khai quý sai và lợi nhuận cao hơn thực tế. Cách tránh: luôn đọc ba dòng cuối hóa đơn (cộng tiền hàng, tiền thuế, tổng thanh toán) trước khi định khoản.

Recording revenue at the invoice total: credit TK 511 1,236,600,000 instead of 1,145,000,000.

Revenue is overstated by 91,600,000 dong, output VAT is short by exactly that amount, the quarterly return is wrong and profit is higher than it should be. How to avoid it: always read the last three lines of the invoice (goods total, tax, amount payable) before choosing the entry.

GHI NHỚ / KEY POINT — Bút toán cân Nợ – Có vẫn sai nếu chọn nhầm tài khoản: ghi Nợ 641 thay vì 642, Có 331 thay vì 131 đều qua được kiểm của phần mềm. Kiểm bằng cách đọc lại tên tài khoản và đối chiếu với loại nghiệp vụ trước khi bấm lưu.

An entry that balances can still be wrong: debiting 641 instead of 642, or crediting 331 instead of 131, both pass the software check. Re-read the account names and compare them with the type of transaction before saving.



Hình 3.3. Một chứng từ bán hàng sinh hai bút toán: doanh thu và thuế, giá vốn
Figure 3.3. One sales document, two entries: revenue and tax, and cost of sales

3.6. Chứng từ kế toán và hóa đơn — *Accounting documents and invoices*

Sổ kế toán chỉ được ghi từ chứng từ (Luật Kế toán Điều 21 khoản 1, Điều 26 khoản 2). Mọi nghiệp vụ phát sinh phải có chứng từ, và mỗi nghiệp vụ chỉ lập chứng từ một lần (Điều 18 khoản 1; Thông tư 99 Điều 10 khoản 1). Chứng từ chưa có mẫu thì đơn vị tự lập nhưng phải đủ nội dung của Điều 16 (Điều 18 khoản 2).

The books may be written only from source documents (Accounting Law, Article 21, clause 1 and Article 26, clause 2). Every transaction needs a document, and each transaction is documented once (Article 18, clause 1; Circular 99, Article 10, clause 1). Where no template exists the entity designs its own, but it must contain the content required by Article 16 (Article 18, clause 2).

Nội dung chủ yếu của chứng từ (Điều 16 khoản 1) — *Main content of a document (Article 16, clause 1)*

Điểm Item	Nội dung bắt buộc <i>Required content</i>	Trên phiếu nhập kho SN18 ngày 02/10/2026 <i>On the SN18 goods received note of 2 Oct 2026</i>
a	Tên và số hiệu của chứng từ <i>Name and number of the document</i>	Phiếu nhập kho, mẫu 01-VT, số 10/001 <i>Goods received note, form 01-VT, no. 10/001</i>
b	Ngày, tháng, năm lập <i>Date of preparation</i>	02/10/2026
c	Tên, địa chỉ đơn vị hoặc cá nhân lập <i>Name and address of the preparer</i>	Công ty TNHH Vật liệu Hoàn thiện Hoàng Lâm, phường Hoàng Mai, Hà Nội
đ	Nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính <i>Description of the transaction</i>	Nhập kho 400 thùng sơn nội thất 18 lít mua của Công ty CP Sơn Tân Phong <i>400 pails of 18-litre interior paint received from Tân Phong Paint JSC</i>
e	Số lượng, đơn giá, số tiền <i>Quantity, unit price, amount</i>	$400 \times 1.160.000 = 464.000.000$
g	Chữ ký, họ tên người lập, người duyệt, người liên quan <i>Signature and name of preparer, approver and others involved</i>	Người lập, thủ kho, kế toán trưởng ký theo chức danh in trên mẫu <i>Preparer, storekeeper and chief accountant sign by the titles printed on the form</i>

Điểm d của khoản 1 đã bị bãi bỏ từ 01/01/2025 theo Luật số 56/2024/QH15, nên danh sách hiện còn sáu điểm. Mẫu trong Phụ lục I của Thông tư 99 là mẫu tham khảo; doanh nghiệp được thiết kế thêm hoặc sửa mẫu nếu vẫn đủ nội dung của Điều 16 và ban hành Quy chế hạch toán kế toán về phần sửa đổi (Thông tư 99 Điều 9 khoản 2).

Point d of clause 1 was repealed from 1 January 2025 by Law No. 56/2024/QH15, so six points remain. The forms in Appendix I of Circular 99 are reference forms; an enterprise may add to or amend them if the content required by Article 16 is kept and it issues an accounting policy manual covering the change (Circular 99, Article 9, clause 2).

Chứng từ <i>Document</i>	Mẫu <i>Form</i>	Lập khi <i>Prepared when</i>	Ghi vào <i>Posted to</i>
Phiếu thu <i>Cash receipt</i>	01-TT	Thu tiền mặt <i>Cash is received</i>	TK 111, sổ quỹ S07-DN
Phiếu chi <i>Cash payment</i>	02-TT	Chi tiền mặt <i>Cash is paid out</i>	TK 111, sổ quỹ S07-DN
Giấy đề nghị thanh toán <i>Payment request</i>	05-TT	Bộ phận xin chi tiền <i>A department asks for payment</i>	TK 111, 112, 331
Bảng kiểm kê quỹ (VND) <i>Cash count sheet (VND)</i>	08a-TT	Kiểm quỹ định kỳ, đột xuất <i>Scheduled or surprise cash count</i>	TK 111
Phiếu nhập kho <i>Goods received note</i>	01-VT	Hàng về nhập kho <i>Goods arrive</i>	TK 156, sổ S10-DN, thẻ kho S12-DN
Phiếu xuất kho <i>Goods issue note</i>	02-VT	Giao hàng, xuất dùng <i>Goods delivered or issued</i>	TK 156, sổ S10-DN, thẻ kho S12-DN
Biên bản giao nhận TSCĐ <i>Fixed asset handover record</i>	01-TSCĐ	Nhận tài sản cố định mới <i>A new fixed asset is received</i>	TK 211, sổ S21-DN
Bảng tính và phân bổ khấu hao <i>Depreciation schedule</i>	06-TSCĐ	Cuối tháng <i>Month end</i>	TK 2141, 641, 642

Lập, ký và sửa chứng từ — *Preparing, signing and correcting documents*

- Viết rõ, đủ, không viết tắt nội dung nghiệp vụ, không tẩy xóa; chỗ trống gạch chéo. Chứng từ bị tẩy xóa, sửa chữa không còn giá trị thanh toán và ghi sổ; viết sai thì gạch chéo hủy chứng từ đó (Điều 18 khoản 3).
Write clearly and in full, abbreviate nothing in the description, erase nothing; strike through blank spaces. A document that has been erased or altered has no value for payment or posting; a document written wrongly is cancelled by striking it through (Article 18, clause 3).
- Ký bằng mực không phai; không ký mực đỏ, không đóng dấu chữ ký khắc sẵn; chữ ký của một người phải thống nhất (Điều 19 khoản 1).
Sign in non-fading ink; no red ink and no pre-engraved signature stamps; one person's signature must be consistent (Article 19, clause 1).
- Người ký phải có thẩm quyền hoặc được ủy quyền; cấm ký khi chưa ghi đủ nội dung thuộc trách nhiệm của mình (Điều 19 khoản 2). Kế toán trưởng không ký thừa ủy quyền chức danh người quản lý, điều hành (Thông tư 99 Điều 10 khoản 4).
The signer must hold authority or a delegation; signing before the content for which you are responsible is complete is forbidden (Article 19, clause 2). The chief accountant may not sign beyond a delegation in the title of a manager or executive (Circular 99, Article 10, clause 4).
- Chứng từ chi tiền do người có thẩm quyền duyệt chi và kế toán trưởng (hoặc người được ủy quyền) ký trước khi chi, ký từng liên (Điều 19 khoản 3).
A payment document is signed by the person authorised to approve the spending and by the

chief accountant (or delegate) before the money goes out, on every copy (Article 19, clause 3).

- Chứng từ điện tử có giá trị khi đủ nội dung Điều 16, được mã hóa không bị thay đổi khi truyền, và có chữ ký điện tử hoặc hình thức xác nhận điện tử theo pháp luật về giao dịch điện tử (Điều 17 khoản 1; Điều 19 khoản 4). Khi chuyển giữa giấy và điện tử, bản điện tử mới có hiệu lực giao dịch, bản giấy chỉ để ghi sổ và kiểm tra (Điều 17 khoản 3).

An electronic document counts when it has the Article 16 content, is encoded so it cannot be altered in transmission, and carries an electronic signature or other electronic confirmation under the law on electronic transactions (Article 17, clause 1; Article 19, clause 4). Where a document is converted between paper and electronic form, the electronic version has the transactional effect and the paper copy serves only for posting and checking (Article 17, clause 3).

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Thủ quỹ chi tiền khi phiếu chi mới có chữ ký của người đề nghị. Điều 19 khoản 3 yêu cầu người duyệt chi và kế toán trưởng ký trước khi chi. Phiếu thiếu chữ ký là chứng từ không đủ điều kiện ghi sổ; thủ quỹ không chi, kế toán không nhập.

The cashier pays out when the payment voucher carries only the requester's signature. Article 19, clause 3 requires the approver and the chief accountant to sign before payment. A voucher without them is not fit to be posted; the cashier does not pay and the accountant does not enter it.

Hóa đơn — Invoices

Hóa đơn là chứng từ kế toán do bên bán lập; nội dung, hình thức và trình tự lập, quản lý, sử dụng theo pháp luật về thuế (Luật Kế toán Điều 20). Từ 01/7/2026 hóa đơn điện tử theo Nghị định 254/2026/NĐ-CP và Thông tư 91/2026/TT-BTC; Nghị định 123/2020/NĐ-CP hết hiệu lực cùng ngày (Nghị định 254 Điều 43). Hóa đơn Hoàng Lâm lập cho Thành Đô ngày 08/10/2026 là mẫu để đọc từng nội dung bắt buộc của Điều 10 khoản 1.

An invoice is an accounting document prepared by the seller; its content, form and the rules for preparing, managing and using it follow the tax law (Accounting Law, Article 20). From 1 July 2026 electronic invoices follow Decree 254/2026/NĐ-CP and Circular 91/2026/TT-BTC; Decree 123/2020/NĐ-CP lapsed on the same day (Decree 254, Article 43). The invoice Hoàng Lâm issued to Thành Đô on 8 October 2026 is the model for reading each mandatory item of Article 10, clause 1.

Điểm Item	Nội dung (Nghị định 254, Điều 10 khoản 1) Content (Decree 254, Article 10, clause 1)	Hóa đơn Hoàng Lâm – Thành Đô 08/10/2026 Hoàng Lâm to Thành Đô invoice, 8 Oct 2026
a, b	Tên, ký hiệu mẫu số, ký hiệu và số hóa đơn <i>Invoice title, form symbol, series symbol and number</i>	Hóa đơn giá trị gia tăng; ký hiệu và số do phần mềm cấp <i>VAT invoice; symbols and number issued by the software</i>

Điểm <i>Item</i>	Nội dung (Nghị định 254, Điều 10 khoản 1) <i>Content (Decree 254, Article 10, clause 1)</i>	Hóa đơn Hoàng Lâm – Thành Đô 08/10/2026 <i>Hoàng Lâm to Thành Đô invoice, 8 Oct 2026</i>
c	Tên, địa chỉ, mã số thuế người bán <i>Seller's name, address, tax code</i>	Công ty TNHH Vật liệu Hoàn thiện Hoàng Lâm, phường Hoàng Mai, Hà Nội; mã số thuế của công ty <i>Công ty TNHH Vật liệu Hoàn thiện Hoàng Lâm, phường Hoàng Mai, Hà Nội; the company's tax code</i>
d	Tên, địa chỉ, mã số thuế người mua <i>Buyer's name, address, tax code</i>	Công ty CP Xây dựng Thành Đô; địa chỉ và mã số thuế theo hồ sơ khách <i>Công ty CP Xây dựng Thành Đô; address and tax code from the customer file</i>
đ	Hàng hóa: tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá, thành tiền, thuế suất, tiền thuế, tổng thanh toán <i>Goods: description, unit, quantity, unit price, amount, tax rate, tax, total payable</i>	SN18: 500 thùng $\times$ 1.450.000 = 725.000.000; SNT18: 200 thùng $\times$ 2.100.000 = 420.000.000; cộng 1.145.000.000; thuế 8% = 91.600.000; thanh toán 1.236.600.000
e	Chữ ký người bán; chữ ký số của người mua không bắt buộc trừ khi hai bên thỏa thuận <i>Seller's signature; the buyer's digital signature is not required unless agreed</i>	Ký số của giám đốc Phạm Văn Lâm <i>Digital signature of director Phạm Văn Lâm</i>
g, h	Thời điểm lập (Điều 9) và thời điểm ký số <i>Time of issue (Article 9) and time of digital signing</i>	08/10/2026
i, k	Mã của cơ quan thuế (hóa đơn có mã); chiết khấu, khuyến mại nếu có <i>Tax-authority code (coded invoices); discounts and promotions if any</i>	Theo loại hóa đơn công ty đã đăng ký <i>According to the invoice type the company registered</i>

Thời điểm lập hóa đơn bán hàng hóa là lúc chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng cho người mua, không phân biệt đã thu tiền hay chưa (Nghị định 254 Điều 9 khoản 1). Dịch vụ: lúc hoàn thành dịch vụ, hoặc lúc thu tiền nếu thu trước (không kể tiền đặt cọc theo Bộ luật Dân sự) (khoản 2). Giao hàng nhiều lần thì mỗi lần giao lập một hóa đơn cho phần giao đó (khoản 3). Hoàng Lâm giao hàng cho Thành Đô ngày 08/10 nên lập hóa đơn ngày 08/10, dù tiền về sau.

The invoice for goods is issued when ownership or the right to use passes to the buyer, whether or not payment has been received (Decree 254, Article 9, clause 1). For services: when the service is completed, or when money is received if it is received in advance (excluding a deposit under the Civil Code) (clause 2). Where delivery is in stages, each delivery gets its own invoice

for the part delivered (clause 3). Hoàng Lâm delivered to Thành Đô on 8 October, so the invoice carries 8 October even though the money arrives later.

Hóa đơn lập sai: xử lý theo Thông tư 91/2026/TT-BTC Điều 10 — Invoices issued in error: Circular 91/2026/TT-BTC, Article 10

Trường hợp sai <i>Type of error</i>	Cách xử lý <i>Treatment</i>
Sai tên, địa chỉ, số tiền bằng chữ hoặc nội dung khác, nhưng đúng mã số thuế, số tiền, thuế suất, tiền thuế, hàng hóa <i>Wrong name, address, amount in words or other content, but correct tax code, amount, rate, tax and goods</i>	Người bán thông báo cho người mua, không lập lại hóa đơn, và thông báo cơ quan thuế theo mẫu 04/SS-HĐĐT (khoản 1 điểm a) <i>The seller notifies the buyer, does not reissue, and notifies the tax authority on form 04/SS-HĐĐT (clause 1(a))</i>
Sai mã số thuế, tên hàng hóa hoặc quy cách chất lượng, số tiền, thuế suất, tiền thuế hoặc nội dung bắt buộc khác <i>Wrong tax code, item description or specification, amount, rate, tax or other mandatory content</i>	Người bán chọn lập hóa đơn điều chỉnh (có dòng chữ Điều chỉnh cho hóa đơn mẫu số, ký hiệu, số, ngày) hoặc hóa đơn thay thế (có dòng chữ Thay thế cho hóa đơn...), ký số rồi gửi; người mua là tổ chức thì hai bên lập văn bản thỏa thuận ghi rõ chỗ sai (khoản 1 điểm b) <i>The seller chooses an adjustment invoice (stating Adjustment to invoice form, symbol, number, date) or a replacement invoice (stating Replacement for invoice...), signs and sends it; where the buyer is an organisation both sides draw up a written agreement identifying the error (clause 1(b))</i>
Hóa đơn từ máy tính tiền, hoặc bán tài sản phải đăng ký quyền sở hữu <i>Invoice from a cash register, or sale of an asset with registered ownership</i>	Lập hóa đơn thay thế (khoản 1 điểm c) <i>Issue a replacement invoice (clause 1(c))</i>
Giá trị trên hóa đơn điều chỉnh <i>Value on an adjustment invoice</i>	Điều chỉnh tăng ghi số dương, điều chỉnh giảm ghi số âm; lần sai sau xử lý theo cùng hình thức đã dùng lần đầu (khoản 6) <i>Upward adjustment in positive figures, downward in negative; a later error is handled in the same way as the first (clause 6)</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Hóa đơn ngày 08/10 cho Thành Đô bị nhập thuế suất 10% thay vì 8%: tiền thuế ghi 114.500.000 đồng, đúng là 91.600.000 đồng, chênh 22.900.000 đồng. Sai thuế suất thuộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay thế. Thành Đô là tổ chức nên Hoàng Lâm lập văn bản thỏa thuận ghi rõ chỗ sai, rồi lập hóa đơn điều chỉnh giảm tiền thuế –22.900.000 đồng (hoặc hóa đơn thay thế với thuế 91.600.000 đồng). Thư đối chiếu sổ để chắc TK 3331 chỉ ghi 91.600.000 đồng, rồi lưu văn bản thỏa thuận cùng hóa đơn.
The 8 October invoice to Thành Đô was keyed at a 10% rate instead of 8%: the tax shows 114,500,000 dong when it should be 91,600,000 dong, a difference of 22,900,000 dong. A wrong rate falls in the group that must be adjusted or replaced. Thành Đô is an organisation, so Hoàng Lâm draws up a written agreement identifying the error and then issues an adjustment invoice reducing the

tax by –22,900,000 dong (or a replacement invoice with tax of 91,600,000 dong). *Thư checks the ledger to make sure TK 3331 carries only 91,600,000 dong, and files the agreement with the invoice.*

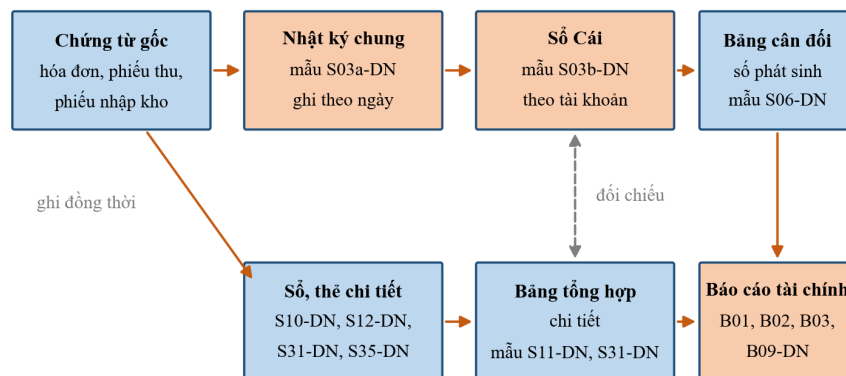
LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Nhận hóa đơn đầu vào ghi sai mã số thuế hoặc tên công ty người mua rồi vẫn hạch toán và kê khai khấu trừ. Sai mã số thuế thuộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay thế (Thông tư 91 Điều 10 khoản 1 điểm b). Cách tránh: so tên và mã số thuế trên hóa đơn với hồ sơ công ty ngay khi nhận, đề nghị nhà cung cấp xử lý trước khi ghi 1331.

Accepting a purchase invoice with the wrong tax code or company name for the buyer and still posting and claiming the deduction. A wrong tax code falls in the group that must be adjusted or replaced (Circular 91, Article 10, clause 1(b)). How to avoid it: compare the name and tax code on the invoice with the company file as soon as it arrives, and ask the supplier to correct it before posting to 1331.

3.7. Sổ kế toán, Nhật ký chung, khóa sổ và sửa sổ — *Ledgers, the general journal, closing and correcting the books*

Sổ kế toán ghi toàn bộ nghiệp vụ đã phát sinh, gồm sổ tổng hợp và sổ chi tiết (Luật Kế toán Điều 24 khoản 1, 4). Hoàng Lâm dùng hình thức Nhật ký chung trên phần mềm. Nghiệp vụ vào Nhật ký chung trước theo trình tự thời gian, rồi sang Sổ Cái theo từng tài khoản, đồng thời vào sổ chi tiết của những tài khoản có mở sổ chi tiết (Thông tư 99 Phụ lục III).

The ledgers record every transaction that has occurred and consist of general and subsidiary ledgers (Accounting Law, Article 24, clauses 1 and 4). Hoàng Lâm uses the general journal method on software. A transaction goes into the general journal first in time order, then to the general ledger by account, and at the same time into the subsidiary ledger of any account that has one (Circular 99, Appendix III).



Hình 3.2. Đường đi của số liệu từ chứng từ đến báo cáo tài chính theo hình thức Nhật ký chung
Figure 3.2. How figures travel from source documents to the financial statements under the general journal method

1. Kiểm chứng từ: đủ nội dung Điều 16, đủ chữ ký, có hóa đơn hợp lệ đi kèm. Chưa đủ thì trả lại, chưa nhập.

Check the document: Article 16 content complete, signatures complete, a valid invoice attached. If not, return it and do not post.

2. Ghi vào Nhật ký chung (S03a-DN) theo ngày phát sinh; công ty mở nhật ký đặc biệt thu tiền, chi tiền, mua hàng, bán hàng (S03a1 đến S03a4-DN) thì ghi vào đó.

Post to the general journal (S03a-DN) by date; if the company keeps special journals for receipts, payments, purchases and sales (S03a1 to S03a4-DN), post there instead.

3. Từ Nhật ký chung ghi sang Sổ Cái (S03b-DN) theo tài khoản, và vào sổ, thẻ chi tiết liên quan.

From the general journal, post to the general ledger (S03b-DN) by account and to the related subsidiary ledgers and cards.

4. Cuối tháng cộng Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh (S06-DN) và bảng tổng hợp chi tiết. Tổng phát sinh Nợ và Có của bảng cân đối phải bằng tổng trên Nhật ký chung cùng kỳ.

At month end total the general ledger and prepare the trial balance (S06-DN) and the subsidiary summary. Total debits and credits on the trial balance must equal the totals on the general journal for the same period.

5. Khóa sổ, rồi mới lập báo cáo tài chính từ số liệu đã khóa (Luật Kế toán Điều 26 khoản 6; Điều 29 khoản 2 điểm b).

Close the books, and only then prepare the financial statements from the closed figures (Accounting Law, Article 26, clause 6; Article 29, clause 2(b)).

Sổ <i>Ledger</i>	Mẫu <i>Form</i>	Người ghi, kiểm ở Hoàng Lâm <i>Kept or checked at Hoàng Lâm by</i>
Nhật ký chung <i>General journal</i>	S03a-DN	Phần mềm sinh từ chứng từ, Vũ Quang Huy kiểm <i>Generated by the software, checked by Vũ Quang Huy</i>
Sổ Cái <i>General ledger</i>	S03b-DN	Phần mềm <i>Software</i>
Bảng cân đối số phát sinh <i>Trial balance</i>	S06-DN	Vũ Quang Huy lập cuối tháng <i>Prepared by Vũ Quang Huy at month end</i>
Sổ quỹ tiền mặt <i>Cash book</i>	S07-DN	Lê Thị Mai (thủ quỹ) <i>Lê Thị Mai (cashier)</i>
Sổ tiền gửi không kỳ hạn <i>Demand deposit book</i>	S08-DN	Minh Thư đối chiếu sao kê hằng ngày <i>Thư reconciles to the statement daily</i>
Sổ chi tiết hàng hóa; thẻ kho <i>Inventory ledger; stock card</i>	S10-DN; S12-DN	Minh Thư; thủ kho Đỗ Văn Hùng <i>Thư; storekeeper Đỗ Văn Hùng</i>
Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán <i>Customer and supplier ledger</i>	S31-DN	Minh Thư

Sổ <i>Ledger</i>	Mẫu <i>Form</i>	Người ghi, kiểm ở Hoàng Lâm <i>Kept or checked at Hoàng Lâm by</i>
Sổ chi tiết bán hàng <i>Sales ledger</i>	S35-DN	Vũ Quang Huy
Sổ theo dõi thuế GTGT <i>VAT register</i>	S61-DN	Vũ Quang Huy

Sổ kế toán phải mở vào đầu kỳ kế toán năm, ghi liên tục theo trình tự thời gian, kịp thời, đúng chứng từ (Điều 26 khoản 1 đến 4). Sổ ghi rõ tên đơn vị, tên sổ, ngày lập, ngày khóa, chữ ký người lập sổ, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật, số trang (Điều 24 khoản 2). Ghi sổ bằng phương tiện điện tử thì sau khi khóa phải in ra giấy đóng thành quyển riêng cho từng kỳ kế toán năm, hoặc lưu điện tử bảo đảm an toàn, bảo mật và tra cứu được trong thời hạn lưu trữ (Điều 26 khoản 7). Phần mềm phải lưu dấu vết mọi lần sửa theo trình tự thời gian (Thông tư 99 Điều 28 khoản 1 điểm b).

The books must be opened at the start of the annual accounting period and written continuously, in time order, promptly and in agreement with the documents (Article 26, clauses 1 to 4). They state the entity's name, the ledger name, the date opened, the date closed, and carry the signatures of the person who keeps them, the chief accountant and the legal representative, with page numbers (Article 24, clause 2). Where posting is electronic, after closing the books must be printed and bound as a separate volume for each annual period, or stored electronically in a secure, confidential way that can be searched throughout the retention period (Article 26, clause 7). The software must keep a trail of every correction in time order (Circular 99, Article 28, clause 1(b)).

Ba cách sửa sổ (Điều 27) — *Three ways to correct the books (Article 27)*

Cách <i>Method</i>	Làm thế nào <i>How</i>	Dùng khi <i>Use when</i>
a) Ghi cải chính <i>Strike-through correction</i>	Gạch một đường thẳng vào chỗ sai, ghi số hoặc chữ đúng phía trên, kế toán trưởng ký bên cạnh <i>Draw one line through the error, write the right figure above, chief accountant signs beside it</i>	Sổ giấy, sai một con số hoặc một chữ <i>Paper books, one wrong figure or word</i>
b) Ghi số âm <i>Reversing entry</i>	Ghi lại số sai bằng mực đỏ hoặc trong ngoặc đơn, ghi số đúng, kế toán trưởng ký <i>Write the wrong figure again in red ink or in brackets, then the right figure, chief accountant signs</i>	Sổ giấy, sai cả bút toán <i>Paper books, a whole entry is wrong</i>
c) Ghi điều chỉnh <i>Adjusting entry</i>	Lập chứng từ điều chỉnh và ghi thêm số chênh lệch <i>Prepare an adjustment document and post the difference</i>	Bắt buộc với sổ điện tử (khoản 4) <i>Mandatory for electronic books (clause 4)</i>

Sai sót phát hiện trước khi nộp báo cáo tài chính năm thì sửa trên sổ của năm đó; phát hiện sau khi đã nộp thì sửa trên sổ của năm phát hiện và thuyết minh việc sửa (Điều 27 khoản 2, 3). Hoàng Lâm dùng phần mềm nên chỉ còn cách c.

An error found before the annual financial statements are filed is corrected in that year's books; one found after filing is corrected in the books of the year of discovery and explained in the notes (Article 27, clauses 2 and 3). Hoàng Lâm works on software, so only method c remains.

Định khoản: ghi điều chỉnh / Journal entries: adjusting entry

Gốc Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán: Tân Phong, nhập nhầm 602.000.000
602.000.000

Có TK 112 – Tiền gửi không kỳ hạn..... 602.000.000

Sửa Nợ TK 331 – Bút toán điều chỉnh theo chứng từ điều chỉnh, số chênh lệch 18.000.000

Có TK 112 – Tiền gửi không kỳ hạn..... 18.000.000

Ủy nhiệm chi ngày 15/10 trả Tân Phong 620.000.000 đồng nhưng sổ ghi 602.000.000 đồng (đảo hai chữ số). Chênh $620.000.000 - 602.000.000 = 18.000.000$ đồng. Thư lập chứng từ điều chỉnh có kế toán trưởng ký, ghi thêm 18.000.000 đồng bên Nợ TK 331 và bên Có TK 112; dòng ghi sai vẫn còn trong sổ để người sau lần lại được.

The payment order of 15 October to Tân Phong was for 620,000,000 dong but the books show 602,000,000 dong (two digits transposed). The difference is $620,000,000 - 602,000,000 = 18,000,000$ dong. Thư prepares an adjustment document signed by the chief accountant and posts a further 18,000,000 dong to the debit of TK 331 and the credit of TK 112; the wrong line stays in the books so that anyone later can trace it.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Sau khi khóa sổ tháng, thấy một bút toán sai, bạn mở lại kỳ rồi xóa bút toán đó đi nhập lại. Sổ điện tử chỉ được sửa bằng ghi điều chỉnh (Điều 27 khoản 4) và phần mềm phải lưu dấu vết. Xóa bút toán làm số liệu tờ khai đã nộp lệch với sổ, và là điều kiểm tra thuế hỏi đầu tiên. Cách đúng: báo kế toán trưởng, lập chứng từ điều chỉnh, ghi vào kỳ hiện hành hoặc kỳ được mở lại có xin phép.

After the monthly close you find a wrong entry, reopen the period, delete it and key it again.

Electronic books may be corrected only by an adjusting entry (Article 27, clause 4) and the software must keep the trail. Deleting an entry leaves filed returns out of line with the books, which is the first thing a tax inspection asks about. The right way: tell the chief accountant, prepare an adjustment document, and post it in the current period or in a reopened period that has been authorised.

3.8. Báo cáo tài chính theo Thông tư 99 — Financial statements under Circular 99

Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục gồm bốn báo cáo (Thông tư 99 Điều 17 khoản 2). Báo cáo lập sau khi khóa sổ, từ số liệu đã khóa (Luật Kế toán Điều 29 khoản 2 điểm b). Ngoài báo cáo năm còn báo cáo giữa niên độ (quý, bán niên) và báo cáo kỳ khác như tháng khi pháp luật, công ty mẹ hoặc chủ sở hữu yêu cầu (Điều 15).

The annual financial statements of an enterprise that meets the going-concern assumption consist of four reports (Circular 99, Article 17, clause 2). They are prepared after the books are closed, from the closed figures (Accounting Law, Article 29, clause 2(b)). Besides annual statements there are interim statements (quarterly, half-yearly) and statements for other periods such as a month when the law, the parent company or the owner requires them (Article 15).

Mẫu <i>Form</i>	Tên báo cáo <i>Report</i>	Cho biết gì <i>What it shows</i>	Mã số cần biết <i>Line codes to know</i>
B01-DN	Báo cáo tình hình tài chính <i>Statement of financial position (formerly the balance sheet)</i>	Tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu tại một ngày <i>Assets, liabilities and equity at one date</i>	100, 200, 280, 300, 400, 440
B02-DN	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh <i>Statement of profit or loss</i>	Doanh thu, chi phí, lãi lỗ của kỳ <i>Revenue, costs and profit or loss for the period</i>	01, 10, 11, 20, 30, 50, 60
B03-DN	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ <i>Statement of cash flows</i>	Tiền vào, ra theo hoạt động kinh doanh, đầu tư, tài chính (phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp) <i>Cash in and out from operating, investing and financing activities (direct or indirect method)</i>	20, 30, 40, 50, 60, 70
B09-DN	Bản thuyết minh báo cáo tài chính <i>Notes to the financial statements</i>	Đặc điểm hoạt động, kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ, chính sách kế toán, giải thích các chỉ tiêu <i>Business, accounting period, currency, accounting policies, explanation of line items</i>	Theo từng phần của mẫu <i>By section of the form</i>

B01-DN rút gọn của Hoàng Lâm tại ngày 01/10/2026 — Hoàng Lâm's condensed B01-DN at 1 October 2026

Chỉ tiêu <i>Line item</i>	Mã số <i>Code</i>	Số tiền <i>Amount</i>	Lấy từ <i>From</i>
A - Tài sản ngắn hạn <i>A - Current assets</i>	100	3.895.000.000	
Tiền <i>Cash</i>	111	1.272.000.000	TK 111, 112
Phải thu ngắn hạn của khách hàng <i>Short-term trade receivables</i>	131	760.000.000	TK 131
Hàng tồn kho <i>Inventories</i>	141	1.839.000.000	TK 156
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn <i>Short-term prepayments</i>	161	24.000.000	TK 242
B - Tài sản dài hạn <i>B - Non-current assets</i>	200	1.134.000.000	
Tài sản cố định hữu hình: nguyên giá <i>Tangible fixed assets: cost</i>	222	1.620.000.000	TK 211

Chỉ tiêu <i>Line item</i>	Mã số <i>Code</i>	Số tiền <i>Amount</i>	Lấy từ <i>From</i>
Giá trị hao mòn lũy kế <i>Accumulated depreciation</i>	223	(486.000.000)	TK 214
TỔNG CỘNG TÀI SẢN <i>TOTAL ASSETS</i>	280	5.029.000.000	280 = 100 + 200
C - Nợ phải trả <i>C - Liabilities</i>	300	1.545.000.000	
Phải trả người bán ngắn hạn <i>Short-term trade payables</i>	311	845.000.000	TK 331
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn <i>Short-term borrowings</i>	321	700.000.000	TK 341
D - Vốn chủ sở hữu <i>D - Owners' equity</i>	400	3.484.000.000	
Vốn góp của chủ sở hữu <i>Owners' contributed capital</i>	411	3.000.000.000	TK 4111
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <i>Retained earnings</i>	420	484.000.000	TK 4211
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN <i>TOTAL EQUITY AND LIABILITIES</i>	440	5.029.000.000	440 = 300 + 400

Nguyên giá, hao mòn lũy kế là hai dòng riêng nên tài sản cố định hữu hình mã 221 là 1.620.000.000 – 486.000.000 = 1.134.000.000 đồng. Mã 280 bằng mã 100 cộng mã 200, mã 440 bằng mã 300 cộng mã 400, và hai tổng này phải bằng nhau; không bằng thì báo cáo sai, chưa nộp được. Khoản chi phí chờ phân bổ 24.000.000 đồng phân bổ 4.000.000 đồng mỗi tháng nên hết trong 6 tháng, xếp vào ngắn hạn.

Cost and accumulated depreciation are separate lines, so tangible fixed assets (code 221) are 1,620,000,000 – 486,000,000 = 1,134,000,000 dong. Code 280 equals code 100 plus code 200, code 440 equals code 300 plus code 400, and the two totals must agree; if they do not the report is wrong and cannot be filed. The prepayment of 24,000,000 dong is allocated at 4,000,000 dong a month, so it is used up within 6 months and is shown as current.

B02-DN rút gọn của Hoàng Lâm cho tháng 10/2026 — Hoàng Lâm's condensed B02-DN for October 2026

Chỉ tiêu <i>Line item</i>	Mã số <i>Code</i>	Số tiền <i>Amount</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Revenue from sales and services</i>	01	1.619.000.000
Doanh thu thuần <i>Net revenue</i>	10	1.619.000.000

Chỉ tiêu <i>Line item</i>	Mã số <i>Code</i>	Số tiền <i>Amount</i>
Giá vốn hàng bán <i>Cost of sales</i>	11	1.288.600.000
Lợi nhuận gộp <i>Gross profit</i>	20	330.400.000
Chi phí tài chính (lãi vay) <i>Finance costs (loan interest)</i>	23	4.200.000
Chi phí bán hàng <i>Selling expenses</i>	25	145.350.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp <i>General and administrative expenses</i>	26	136.235.000
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh <i>Operating profit</i>	30	44.615.000
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế <i>Profit before tax</i>	50	44.615.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành (17% tạm tính) <i>Current corporate income tax (17% provisional)</i>	51	7.584.550
Lợi nhuận sau thuế TNDN <i>Profit after tax</i>	60	37.030.450

Mã 30 bằng mã 20 trừ các mã 23, 25, 26: $330.400.000 - 4.200.000 - 145.350.000 - 136.235.000 = 44.615.000$. Các mã 21, 22, 31, 32, 40, 52 không có số liệu trong tháng nên bỏ dòng, các mã còn lại giữ nguyên (Điều 17 khoản 4). Báo cáo tháng này là báo cáo kỳ khác theo yêu cầu quản lý (Điều 15 khoản 3), không phải báo cáo nộp cơ quan nhà nước.

Code 30 is code 20 less codes 23, 25 and 26: $330,400,000 - 4,200,000 - 145,350,000 - 136,235,000 = 44,615,000$. Codes 21, 22, 31, 32, 40 and 52 have no figures this month, so those lines are dropped and the other codes stay as they are (Article 17, clause 4). The monthly report is a report for another period required by management (Article 15, clause 3), not a report filed with a State body.

Báo cáo tài chính năm phải nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm (Luật Kế toán Điều 29 khoản 3; Thông tư 99 Điều 25). Kỳ kế toán năm của Hoàng Lâm là năm dương lịch, kết thúc 31/12/2026, nên hạn là 31/03/2027. Báo cáo có chữ ký của người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật; người ký chịu trách nhiệm về nội dung (Điều 29 khoản 2 điểm d).

The annual financial statements must be filed with the competent State body within 90 days of the end of the annual accounting period (Accounting Law, Article 29, clause 3; Circular 99, Article 25). Hoàng Lâm's accounting year is the calendar year ending 31 December 2026, so the deadline is 31/03/2027. The statements carry the signatures of the preparer, the chief accountant

and the legal representative; whoever signs is responsible for the content (Article 29, clause 2(d)).

GHI NHỚ / KEY POINT — Kiểm B01 theo ba con số: mã 280 bằng mã 440; mã 280 bằng tổng dư Nợ của các tài khoản tài sản sau khi trừ hao mòn; mã 420 bằng số dư TK 421. Ba con số này lệch thì tìm lỗi ở sổ trước, không sửa số trên báo cáo.

Test the B01 with three figures: code 280 equals code 440; code 280 equals the debit balances of the asset accounts after deducting accumulated depreciation; code 420 equals the balance of TK 421. If any of them differs, look for the error in the books first and never overwrite a number on the report.

3.9. Các nguyên tắc kế toán qua tình huống Hoàng Lâm — Accounting principles through Hoàng Lâm's cases

Bảy nguyên tắc ở bảng sau là cơ sở để chọn tài khoản và thời điểm ghi. Nguyên tắc nằm trong Luật Kế toán Điều 6 và trong các điều về lập báo cáo tài chính của Thông tư 99, vốn viện dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 (Điều 20 khoản 1).

The seven principles below are the basis for choosing accounts and the date of posting. They sit in Article 6 of the Accounting Law and in the financial-reporting articles of Circular 99, which refers to Vietnamese Accounting Standard No. 21 (Article 20, clause 1).

Nguyên tắc Principle	Căn cứ Source	Tình huống ở Hoàng Lâm Case at Hoàng Lâm
Ghi đúng kỳ phát sinh (dồn tích) <i>Accrual: record in the period it occurs</i>	Luật Kế toán Điều 6 khoản 3; Thông tư 99 phần nguyên tắc kế toán doanh thu <i>Accounting Law Art. 6(3); Circular 99, revenue accounting principles</i>	Giao Thành Đô ngày 08/10, chưa thu tiền: doanh thu 1.145.000.000 vào tháng 10. Khoản 24.000.000 đã chi trước phân bổ 4.000.000 mỗi tháng. Lãi vay $700.000.000 \times 7,2\% \div 12 = 4.200.000$ ghi vào tháng 10 <i>Delivery to Thành Đô on 8 Oct, unpaid: revenue of 1,145,000,000 falls in October. The 24,000,000 spent in advance is allocated at 4,000,000 a month. Loan interest $700,000,000 \times 7.2\% \div 12 = 4,200,000$ is booked in October</i>
Giá gốc <i>Historical cost</i>	Luật Kế toán Điều 6 khoản 1 <i>Accounting Law Art. 6(1)</i>	BB40 nhập 05/10 giá 214.000, cước vận chuyển 5.000.000 cộng vào giá nhập; đơn giá bình quân 213.000, không ghi theo giá bán 265.000 <i>BB40 received 5 Oct at 214,000, freight of 5,000,000 added to cost; average cost 213,000, not the selling price 265,000</i>
Phù hợp <i>Matching</i>	Thông tư 99, nguyên tắc ghi nhận doanh thu <i>Circular 99, revenue recognition principles</i>	Doanh thu bán Thành Đô 1.145.000.000 và giá vốn 913.000.000 cùng ghi trong tháng 10 <i>Revenue of 1,145,000,000 from Thành Đô and cost of sales of 913,000,000 are booked in the same month</i>

Nguyên tắc <i>Principle</i>	Căn cứ <i>Source</i>	Tình huống ở Hoàng Lâm <i>Case at Hoàng Lâm</i>
Nhất quán <i>Consistency</i>	Luật Kế toán Điều 6 khoản 2 <i>Accounting Law Art. 6(2)</i>	Bình quân gia quyền cuối tháng dùng cả năm: $SN18 (600 \times 1.150.000 + 400 \times 1.160.000) \div 1.000 = 1.154.000$. Đối phương pháp phải giải trình trong báo cáo tài chính <i>Month-end weighted average is used all year: SN18 $(600 \times 1,150,000 + 400 \times 1,160,000) \div 1,000 = 1,154,000$. A change must be explained in the financial statements</i>
Thận trọng <i>Prudence</i>	Luật Kế toán Điều 6 khoản 5; Thông tư 99 Điều 20 khoản 3 <i>Accounting Law Art. 6(5); Circular 99 Art. 20(3)</i>	Gia An còn nợ 300.000.000: khi có bằng chứng khó thu thì xem xét lập dự phòng ở TK 2293, không giữ nguyên số phải thu <i>Gia An owes 300,000,000: once collection looks doubtful, consider an allowance in TK 2293 rather than carrying the full receivable</i>
Bản chất hơn hình thức <i>Substance over form</i>	Luật Kế toán Điều 6 khoản 6; Thông tư 99 Điều 20 khoản 2 <i>Accounting Law Art. 6(6); Circular 99 Art. 20(2)</i>	Hàng gửi cửa hàng bán hộ chưa chuyển quyền sở hữu: Nợ TK 157, chưa ghi TK 511 dù đã có phiếu xuất kho <i>Goods sent to a shop to sell on the company's behalf, ownership not transferred: debit TK 157, no TK 511 yet, even though a goods issue note exists</i>
Hoạt động liên tục <i>Going concern</i>	Thông tư 99 Điều 17, Điều 20 <i>Circular 99 Arts. 17 and 20</i>	Hoàng Lâm lập B01-DN, mẫu cho doanh nghiệp đáp ứng giả định này; mẫu B01-DNKLT chỉ dùng khi không đáp ứng <i>Hoàng Lâm prepares B01-DN, the form for enterprises meeting the assumption; form B01-DNKLT is used only when it is not met</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi chi phí khi trả tiền thay vì khi phát sinh. Khoản 24.000.000 đồng chi trước dùng cho 6 tháng mà ghi hết vào chi phí tháng chi làm tháng đó lỗ giả và 5 tháng sau lãi giả. Phải qua TK 242 và phân bổ 4.000.000 đồng mỗi tháng vào 642.

Booking an expense when it is paid instead of when it arises. If 24,000,000 dong paid in advance for 6 months is charged entirely in the month of payment, that month shows a false loss and the next five a false profit. It must go through TK 242 and be allocated at 4,000,000 dong a month to 642.

3.10. Thuế người mới phải hiểu: GTGT, TNDN, TNCN — *Taxes a newcomer must understand: VAT, CIT, PIT*

Thuế giá trị gia tăng — *Value added tax*

Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì số thuế phải nộp bằng thuế đầu ra trừ thuế đầu vào được khấu trừ (Luật GTGT Điều 11). Hoàng Lâm khấu trừ và khai theo quý, vì tổng doanh thu năm trước liền kề 18,6 tỷ đồng không vượt 50 tỷ đồng

(Thông tư 89/2026/TT-BTC Điều 19 khoản 1 điểm b.1.1). Thuế suất áp theo hàng hóa, dịch vụ.

An enterprise on the credit-invoice (deduction) method pays VAT equal to output tax less deductible input tax (VAT Law, Article 11). Hoàng Lâm uses the deduction method and files quarterly because its total revenue of the previous year, VND 18.6 billion, does not exceed VND 50 billion (Circular 89/2026/TT-BTC, Article 19, clause 1, point b.1.1). The rate depends on the goods or services.

Thuế suất Rate	Áp dụng cho Applies to	Căn cứ Source	Ở Hoàng Lâm At Hoàng Lâm
0%	Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu và một số trường hợp khác <i>Exported goods and services and some other cases</i>	Luật GTGT Điều 9 khoản 1	Không có <i>None</i>
5%	Nước sạch, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi chưa chế biến và các nhóm khác <i>Clean water, fertiliser, plant protection products, unprocessed crops and livestock and other groups</i>	Luật GTGT Điều 9 khoản 2	Không có <i>None</i>
10%	Hàng hóa, dịch vụ không thuộc 0% và 5% <i>Goods and services outside 0% and 5%</i>	Luật GTGT Điều 9 khoản 3	Cước viễn thông 10% <i>Telecom charges at 10%</i>
8%	Hàng hóa, dịch vụ thuộc mức 10% được giảm 2 điểm phần trăm từ 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, trừ viễn thông, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, sản phẩm kim loại, khai khoáng (trừ than), hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ xăng) <i>Goods and services at 10% reduced by 2 percentage points from 1 July 2025 to 31 December 2026, except telecoms, finance, banking, securities, insurance, real estate, metal products, mining (except coal) and excisable goods (except petrol)</i>	Nghị quyết 204/2025/QH15; Nghị định 174/2025/NĐ-CP Điều 1	Son, bột bả, keo dán gạch, vận chuyển: 8% <i>Paint, wall putty, tile adhesive, freight: 8%</i>

Nếu không có văn bản mới, từ 01/01/2027 mức 8% quay về 10%. Hóa đơn lập từ ngày đó phải theo mức hiện hành tại ngày lập; kế toán xem lại danh mục thuế suất trong phần mềm trước ngày 01/01/2027.

Unless a new instrument is issued, the 8% rate reverts to 10% from 1 January 2027. Invoices issued from that date follow the rate in force on the issue date; the accountant reviews the tax-rate list in the software before 1 January 2027.

Nghệp vụ <i>Transaction</i>	Giá chưa thuế <i>Price before tax</i>	Thuế suất <i>Rate</i>	Tiền thuế <i>Tax</i>	Loại <i>Type</i>
Mua SN18 02/10 <i>SN18 purchase, 2 Oct</i>	464.000.000	8%	37.120.000	Đầu vào <i>Input</i>
Mua BB40 05/10 <i>BB40 purchase, 5 Oct</i>	214.000.000	8%	17.120.000	Đầu vào <i>Input</i>
Cước vận chuyển BB40 05/10 <i>BB40 freight, 5 Oct</i>	5.000.000	8%	400.000	Đầu vào <i>Input</i>
Cước Internet, điện thoại 25/10 <i>Telecom charges, 25 Oct</i>	2.500.000	10%	250.000	Đầu vào <i>Input</i>
Bán Thành Đô 08/10 <i>Sale to Thành Đô, 8 Oct</i>	1.145.000.000	8%	91.600.000	Đầu ra <i>Output</i>
Bán lẻ 18/10 <i>Retail sales, 18 Oct</i>	474.000.000	8%	37.920.000	Đầu ra <i>Output</i>

Thuế đầu ra của hai lần bán tháng 10 là $91.600.000 + 37.920.000 = 129.520.000$ đồng. Thuế đầu vào của năm hóa đơn mua vào là $37.120.000 + 17.120.000 + 400.000 + 250.000 = 54.890.000$ đồng; số phải nộp tháng 10 là $129.520.000 - 54.890.000 = 74.630.000$ đồng, với điều kiện cả năm hóa đơn đạt ba điều kiện ở bảng sau (mục 4.10 làm tiếp).

Output tax on the two October sales is 91,600,000 + 37,920,000 = 129,520,000 dong. Input tax on the purchase invoices is 37,120,000 + 17,120,000 + 400,000 + 250,000 = 54,890,000 dong; VAT payable for October is 129,520,000 - 54,890,000 = 74,630,000 dong, provided all the invoices meet the three conditions in the next table (section 4.10 continues).

Điều kiện khấu trừ <i>Condition for deduction</i>	Căn cứ <i>Source</i>	Kiểm gì <i>What to check</i>
Hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT <i>Used for producing or trading taxable goods or services</i>	Luật GTGT Điều 14 khoản 1 điểm a	Mục đích mua; hàng dùng cho việc không chịu thuế thì không khấu trừ <i>Purpose of purchase; goods used for exempt activity are not deductible</i>
Có hóa đơn GTGT mua hàng hóa, dịch vụ (hoặc chứng từ nộp thuế khâu nhập khẩu) <i>A VAT invoice for the purchase (or import tax payment document)</i>	Luật GTGT Điều 14 khoản 2 điểm a	Tên, mã số thuế người mua đúng; hóa đơn hợp lệ, đủ nội dung <i>Buyer's name and tax code correct; invoice valid and complete</i>
Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; ngưỡng từ 5 triệu đồng	Luật GTGT Điều 14 khoản 2 điểm b; VBHN	Ủy nhiệm chi, giấy báo Nợ, sao kê. Nộp tiền mặt vào tài

Điều kiện khấu trừ <i>Condition for deduction</i>	Căn cứ <i>Source</i>	Kiểm gì <i>What to check</i>
một lần, đã gồm thuế <i>A non-cash payment document; threshold VND 5 million per purchase, tax included</i>	18/VBHN-BTC Điều 26 (nguyên văn: từ 05 triệu đồng trở lên đã bao gồm thuế)	khoản người bán không tính <i>Payment order, bank debit advice, statement. Paying cash into the seller's account does not count</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Hoàng Lâm mua đồ văn phòng 6.000.000 đồng cộng thuế 8% 480.000 đồng, tổng 6.480.000 đồng, thủ quỹ trả tiền mặt. Tổng từ 5.000.000 đồng trở lên mà không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt nên 480.000 đồng thuế không được khấu trừ (VBHN 18/VBHN-BTC Điều 26). Cước vận chuyển BB40 5.400.000 đồng của Hoàng Lâm đạt ngưỡng nên trả bằng chuyển khoản, thuế 400.000 đồng mới được khấu trừ. Hóa đơn 4.000.000 đồng cộng thuế 320.000 đồng, tổng 4.320.000 đồng, dưới ngưỡng nên trả tiền mặt vẫn khấu trừ được. Cách làm của Minh Thư: hóa đơn từ 5 triệu đồng trả bằng ủy nhiệm chi, giữ giấy báo Nợ cùng hóa đơn.

Hoàng Lâm buys office supplies for 6,000,000 dong plus 8% tax of 480,000 dong, 6,480,000 dong in total, and the cashier pays in cash. The total is VND 5,000,000 or more without a non-cash payment document, so the 480,000 dong of tax is not deductible (VBHN 18/VBHN-BTC, Article 26). Hoàng Lâm's BB40 freight of 5,400,000 dong reaches the threshold, so it is paid by bank transfer and its 400,000 dong of tax is deductible. An invoice of 4,000,000 dong plus tax of 320,000 dong, 4,320,000 dong in total, is below the threshold and stays deductible even if paid in cash. Thư's rule: invoices of VND 5 million or more are paid by payment order, and the bank debit advice is kept with the invoice.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — kê khai khấu trừ toàn bộ thuế trên các hóa đơn đầu vào của tháng mà không rà từng hóa đơn theo điều kiện thanh toán. Một hóa đơn trả tiền mặt từ 5 triệu đồng bị loại làm tờ khai quý khai thừa thuế được khấu trừ; khi bị kiểm tra phải khai bổ sung, nộp phần thiếu và tiền chậm nộp. Cách tránh: bảng kê đầu vào có cột phương thức thanh toán, và Minh Thư điền cột đó trước khi chuyển cho Vũ Quang Huy.

Claiming all the tax on the month's purchase invoices without testing each one against the payment condition. One invoice of VND 5 million or more paid in cash that is wrongly included makes the quarterly return overstate deductible tax; on inspection the company must file an amended return and pay the shortfall plus late-payment interest. How to avoid it: the input schedule has a payment-method column, and Thư fills it in before passing the schedule to Vũ Quang Huy.

Thuế thu nhập doanh nghiệp — Corporate income tax

Mức <i>Rate</i>	Điều kiện <i>Condition</i>	Căn cứ <i>Source</i>
20%	Thuế suất chung <i>General rate</i>	Luật TNDN Điều 10 khoản 1
15%	Tổng doanh thu năm không quá 3 tỷ đồng <i>Total annual revenue not above VND 3 billion</i>	Điều 10 khoản 2

Mức Rate	Điều kiện Condition	Căn cứ Source
17%	Tổng doanh thu năm trên 3 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng <i>Total annual revenue above VND 3 billion up to VND 50 billion</i>	Điều 10 khoản 3
Miễn <i>Exempt</i>	Tổng doanh thu năm từ 1 tỷ đồng trở xuống (kỳ năm trước liền kề), từ 01/01/2026 <i>Total annual revenue of VND 1 billion or less (previous year), from 1 January 2026</i>	Nghị định 141/2026 Điều 2

Doanh thu làm căn cứ chọn mức 15% hay 17% là tổng doanh thu của kỳ tính thuế TNDN trước liền kề (Điều 10 khoản 3). Doanh thu năm 2025 của Hoàng Lâm 18.600.000.000 đồng nên năm 2026 nộp 17%. Lợi nhuận trước thuế tháng 10 $44.615.000 \times 17\% = 7.584.550$ đồng là số tạm tính theo sổ kế toán. Thuế thực nộp tính trên thu nhập tính thuế, tức doanh thu trừ chi phí được trừ cộng thu nhập khác, trừ thu nhập miễn thuế và lỗ được kết chuyển (Luật TNDN Điều 7); mục 4.10 hướng dẫn tạm nộp theo quý.

The revenue that decides between 15% and 17% is total revenue of the immediately preceding corporate income tax period (Article 10, clause 3). Hoàng Lâm's 2025 revenue was 18,600,000,000 dong, so 2026 is taxed at 17%. October profit before tax of 44,615,000 $\times 17\% = 7,584,550$ dong is a provisional figure from the books. Tax actually payable is computed on taxable income, that is revenue less deductible costs plus other income, less exempt income and losses carried forward (CIT Law, Article 7); section 4.10 covers quarterly provisional payments.

Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương — *Personal income tax on salary*

Thu nhập tính thuế từ tiền lương bằng thu nhập chịu thuế trừ các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp bắt buộc và các khoản giảm trừ gia cảnh (Luật TNCN Điều 8 khoản 2). Giảm trừ bản thân 15,5 triệu đồng một tháng, mỗi người phụ thuộc 6,2 triệu đồng một tháng (Điều 10 khoản 1). Thuế tính theo biểu lũy tiến từng phần năm bậc (Điều 9).

Taxable income from salary is taxable income less compulsory social, health and unemployment insurance contributions and the personal allowances (PIT Law, Article 8, clause 2). The taxpayer's own allowance is VND 15.5 million a month and each dependant VND 6.2 million a month (Article 10, clause 1). Tax is computed on a five-band progressive scale (Article 9).

Bậc Band	Thu nhập tính thuế một tháng Taxable income per month	Thuế suất Rate
1	Đến 10 triệu đồng <i>Up to VND 10 million</i>	5%
2	Trên 10 đến 30 triệu đồng <i>Above 10 up to 30 million</i>	10%
3	Trên 30 đến 60 triệu đồng <i>Above 30 up to 60 million</i>	20%

Bậc <i>Band</i>	Thu nhập tính thuế một tháng <i>Taxable income per month</i>	Thuế suất <i>Rate</i>
4	Trên 60 đến 100 triệu đồng <i>Above 60 up to 100 million</i>	30%
5	Trên 100 triệu đồng <i>Above 100 million</i>	35%

Dòng tính <i>Step</i>	Phạm Văn Lâm (giám đốc) <i>Phạm Văn Lâm (director)</i>	Đặng Thị Hồng Nhung (kế toán trưởng) <i>Đặng Thị Hồng Nhung (chief accountant)</i>
Lương, cũng là lương đóng bảo hiểm <i>Salary, also the insurance base</i>	45.000.000	25.000.000
Bảo hiểm người lao động 10,5% <i>Employee insurance 10.5%</i>	4.725.000	2.625.000
Giảm trừ bản thân <i>Own allowance</i>	15.500.000	15.500.000
Số người phụ thuộc <i>Dependants</i>	2	1
Giảm trừ người phụ thuộc <i>Dependants' allowance</i>	12.400.000	6.200.000
Thu nhập tính thuế <i>Taxable income</i>	12.375.000	675.000
Bậc 1: tối đa 10 triệu × 5% <i>Band 1: up to 10 million × 5%</i>	500.000	33.750
Bậc 2: phần trên 10 triệu × 10% <i>Band 2: the part above 10 million × 10%</i>	237.500	0
Thuế TNCN khấu trừ <i>PIT withheld</i>	737.500	33.750
Thực lĩnh <i>Net pay</i>	39.537.500	22.341.250

Lương của Minh Thư 9.000.000 đồng, trừ bảo hiểm 945.000 đồng còn 8.055.000 đồng, thấp hơn giảm trừ bản thân 15.500.000 đồng nên thu nhập tính thuế bằng 0, thuế 0, thực lĩnh 8.055.000 đồng. Cả bảng lương 12 người có 3 người phải nộp, tổng thuế khấu trừ 801.750 đồng (mục 4.7).

Minh Thu's salary of 9,000,000 dong, less insurance of 945,000 dong, leaves 8,055,000 dong, below her own allowance of 15,500,000 dong, so taxable income is 0, tax is 0 and net pay is 8,055,000 dong. Across the 12-person payroll, 3 people pay tax, with total withholding of 801,750 dong (section 4.7).

GHI NHỚ / KEY POINT — Ba thuế, ba căn cứ khác nhau: GTGT tính trên từng hóa đơn, TNDN tính trên lợi nhuận của cả kỳ, TNCN tính trên từng người từng tháng. Một lỗi ở hóa đơn kéo theo cả GTGT và TNDN; một lỗi ở bảng lương kéo theo bảo hiểm và TNCN.

Three taxes, three different bases: VAT on each invoice, corporate income tax on the profit of the whole period, personal income tax on each person each month. One invoice error affects both VAT and corporate income tax; one payroll error affects both insurance and personal income tax.

3.11. Việc cần làm ngay — Action checklist

- In bảng số dư đầu kỳ của công ty bạn đang làm hoặc thực tập, làm ba phép kiểm: tổng Nợ bằng tổng Có; tổng tài sản bằng nợ phải trả cộng vốn chủ sở hữu; tổng sổ chi tiết TK 131 và TK 331 bằng số dư tổng hợp.

Print the opening-balance sheet of the company where you work or intern and make three checks: total debits equal total credits; total assets equal liabilities plus equity; the totals of the TK 131 and TK 331 subsidiary ledgers equal the control balances.

- Mở danh mục tài khoản của công ty, gạch chân 30 tài khoản ở bảng mục 3.3 và ghi cạnh mỗi tài khoản một nghiệp vụ thật bạn đã thấy.

Open the company's chart of accounts, underline the accounts in the table in section 3.3 and write beside each one a real transaction you have seen.

- Lấy 10 chứng từ gần nhất, định khoản nháp trên giấy rồi mới so với bút toán trong phần mềm; ghi lại chỗ lệch.

Take the 10 latest documents, draft the entries on paper first, and only then compare them with the entries in the software; note every difference.

- Kiểm một hóa đơn đầu vào theo ba điều kiện khấu trừ: mục đích, tên và mã số thuế, phương thức thanh toán.

Test one purchase invoice against the three deduction conditions: purpose, name and tax code, method of payment.

- Kiểm 5 phiếu thu, phiếu chi có đủ nội dung Điều 16 và đủ chữ ký theo Điều 19; phiếu chi thiếu chữ ký kế toán trưởng thì báo ngay.

Check 5 receipt and payment vouchers for the Article 16 content and the Article 19 signatures; report at once any payment voucher without the chief accountant's signature.

- Chọn một bút toán của tháng trước và lần theo đường từ chứng từ đến Nhật ký chung, Sổ Cái, Bảng cân đối số phát sinh và chỉ tiêu trên B01.

Choose one entry from last month and trace it from the document to the general journal, the general ledger, the trial balance and the B01 line.

- Tính lại thuế TNCN của ba dòng trong bảng lương công ty theo biểu năm bậc và so với số phần mềm.

Recompute the personal income tax of three lines of the company payroll on the five-band scale and compare with the software.

- Hỏi kế toán trưởng công ty sửa sổ theo cách nào và ai ký chứng từ điều chỉnh; ghi câu trả lời vào sổ tay.

Ask the chief accountant how the company corrects the books and who signs an adjustment document; write the answer in your notebook.

- Lập danh sách tài khoản đời Thông tư 200 còn gặp trong tài liệu cũ của công ty và tài khoản thay thế theo bảng mục 3.4.

List the Circular 200 accounts still found in the company's old files and their replacements from the table in section 3.4.

Chương 4. Công việc của kế toán hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng — Chapter 4. An accountant's daily, weekly and monthly work

Sau chương này bạn làm được — *What you will be able to do*

- Lập lịch công việc tuần cho vị trí kế toán kho, công nợ và gắn mỗi việc với chứng từ đầu ra.
Draw up a weekly work calendar for a stock and receivables accountant and tie each task to its output document.
- Kiểm một hóa đơn mua vào theo từng mục, kể cả mốc 05 triệu đồng thanh toán không dùng tiền mặt, rồi định khoản nhập kho, vận chuyển và thanh toán.
Check a purchase invoice item by item, including the VND 5 million non-cash threshold, then post the receipt, freight and payment.
- Lập hóa đơn đúng thời điểm, định khoản doanh thu, thuế đầu ra, thu nợ và giá vốn của một đơn bán.
Issue an invoice at the right time and post revenue, output VAT, collection and cost of sales for a sale.
- Đối chiếu sổ quỹ với tiền đếm được, sổ tài khoản 112 với sổ phụ, thẻ kho với sổ chi tiết, và xử lý từng loại chênh lệch.
Agree the cash book to cash counted, the 112 ledger to the bank statement and the bin cards to the subledger, and resolve each kind of difference.
- Lập bảng tuổi nợ, soạn biên bản đối chiếu công nợ và chọn cấp nhắc nợ phù hợp.
Build an ageing table, draft a balance-confirmation record and choose the right level of reminder.

4.1. Lịch công việc kế toán theo ngày, tuần, tháng, quý, năm — 4.1. The accounting calendar: daily, weekly, monthly, quarterly, annual

Công việc kế toán lặp lại theo năm nhịp. Nhịp ngày chạy theo chứng từ phát sinh: nhận, kiểm, ghi sổ. Nhịp tuần là đối chiếu giữa kho, quỹ, công nợ và sổ kế toán. Nhịp tháng theo kỳ kế toán tháng (Luật Kế toán, Điều 12 khoản 1 điểm c): tính giá vốn, lương, khấu hao rồi khóa sổ. Nhịp quý theo kỳ khai thuế GTGT của Hoàng Lâm, khai theo quý. Nhịp năm gồm kiểm kê, báo cáo tài chính và quyết toán thuế.

Accounting work repeats in five rhythms. The daily rhythm follows the documents as they arise: receive, check, post. The weekly rhythm is reconciliation between the warehouse, the cash desk, receivables and the ledger. The monthly rhythm follows the monthly accounting period (Accounting Law, Article 12, clause 1(c)): cost of sales, payroll and depreciation, then closing the books. The quarterly rhythm follows the VAT return, which Hoang Lam files quarterly. The annual rhythm covers the stock count, the financial statements and the year-end tax finalisation.

Nhịp <i>Cycle</i>	Việc <i>Task</i>	Người làm <i>Owner</i>	Đầu ra <i>Output</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Ngày <i>Daily</i>	Nhận, kiểm, phân loại chứng từ trong ngày: hóa đơn mua vào, phiếu nhập, phiếu xuất <i>Receive, check and sort the day's documents: purchase invoices, goods received and issue notes</i>	Minh Thu	Chứng từ đã kiểm, xếp theo ngày <i>Checked documents filed by date</i>	Luật KT Điều 21 khoản 1, 2 <i>Acc. Law Art. 21(1)–(2)</i>
Ngày <i>Daily</i>	Lập phiếu thu, phiếu chi; ghi sổ quỹ; chốt tồn quỹ cuối ngày <i>Raise receipts and payment vouchers, write up the cash book, agree the closing cash</i>	Lê Thị Mai, Vũ Quang Huy	Sổ quỹ, số tồn quỹ cuối ngày <i>Cash book, closing cash balance</i>	TT 99, TK 111 nguyên tắc c, d <i>Circ. 99, acc. 111 principles (c), (d)</i>
Ngày <i>Daily</i>	Duyệt chi: người có thẩm quyền duyệt, kế toán trưởng ký trước khi chi <i>Approve payments: authoriser and chief accountant sign before cash goes out</i>	Phạm Văn Lâm, Đặng Thị Hồng Nhung	Chứng từ chi đủ chữ ký <i>Payment documents fully signed</i>	Luật KT Điều 19 khoản 3 <i>Acc. Law Art. 19(3)</i>
Ngày <i>Daily</i>	Lập hóa đơn bán hàng khi giao hàng <i>Issue the sales invoice on delivery</i>	Minh Thu lập, Hồng Nhung duyệt <i>Prepared by Thu, approved by Nhung</i>	Hóa đơn điện tử <i>E-invoice</i>	NĐ 254/2026 Điều 9 khoản 1 <i>Decree 254/2026 Art. 9(1)</i>
Ngày <i>Daily</i>	Ghi sổ chi tiết kho và công nợ theo chứng từ của ngày; đối chiếu sổ phụ ngân hàng <i>Post the stock and receivable/payable subledgers; agree the bank statement</i>	Minh Thu, Quang Huy	Sổ chi tiết cập nhật; sổ dư ngân hàng khớp sổ phụ <i>Updated subledgers; bank balance agreed</i>	Luật KT Điều 21 khoản 1 <i>Acc. Law Art. 21(1)</i>
Tuần <i>Weekly</i>	Đối chiếu thẻ kho với sổ kế toán từng mã hàng <i>Agree bin cards to the ledger for each item</i>	Đỗ Văn Hùng (thủ kho), Minh Thu	Bảng đối chiếu tồn kho có chữ ký hai bên <i>Stock reconciliation signed by both</i>	TT 99, TK 156 nguyên tắc d <i>Circ. 99, acc. 156 principle (d)</i>

Nhịp <i>Cycle</i>	Việc <i>Task</i>	Người làm <i>Owner</i>	Đầu ra <i>Output</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Tuần <i>Weekly</i>	Lập danh sách công nợ đến hạn trong 7 ngày tới; nhắc nợ <i>List balances falling due within 7 days; send reminders</i>	Minh Thu	Danh sách nhắc nợ <i>Reminder list</i>	TT 99, TK 131 nguyên tắc b <i>Circ. 99, acc. 131 principle (b)</i>
Tuần <i>Weekly</i>	Báo cáo nhanh cho kế toán trưởng: tiền, công nợ, tồn kho <i>Flash report to the chief accountant: cash, receivables and payables, stock</i>	Minh Thu, Quang Huy	Một trang số liệu <i>One page of figures</i>	Quy chế nội bộ <i>Internal policy</i>
Tháng <i>Monthly</i>	Chốt chứng từ; đối chiếu bảng kê hóa đơn mua vào, bán ra với sổ <i>Cut off documents; agree the VAT invoice listings to the ledger</i>	Quang Huy, Minh Thu	Bảng kê hóa đơn đầu vào, đầu ra <i>Input and output invoice listings</i>	Luật KT Điều 12 khoản 1 điểm c <i>Acc. Law Art. 12(1)(c)</i>
Tháng <i>Monthly</i>	Tính giá xuất kho bình quân cuối tháng, ghi giá vốn; tính lương, trích bảo hiểm, khấu hao, phân bổ chi phí <i>Compute the month-end average cost and cost of sales; payroll, contributions, depreciation, amortisation</i>	Quang Huy	Bút toán cuối tháng <i>Month-end entries</i>	Mục 4.7 đến 4.9 <i>Sections 4.7 to 4.9</i>
Tháng <i>Monthly</i>	Kết chuyển, xác định kết quả; đối chiếu sổ chi tiết với sổ cái; khóa sổ; đối chiếu công nợ <i>Close to profit and loss; agree subledgers to the general ledger; lock the period; confirm balances</i>	Hồng Nhung kiểm, cả bộ phận <i>Reviewed by Nhung, whole team</i>	Bảng cân đối số phát sinh; lãi lỗ tháng <i>Trial balance; monthly profit</i>	Mục 4.9 <i>Section 4.9</i>
Quý <i>Quarterly</i>	Tờ khai thuế GTGT quý; tạm nộp thuế TNDN quý <i>Quarterly VAT return; quarterly CIT provisional payment</i>	Quang Huy lập, Hồng Nhung duyệt <i>Prepared by Huy, approved by Nhung</i>	Tờ khai, chứng từ nộp tiền <i>Returns and payment evidence</i>	Mục 4.10 <i>Section 4.10</i>

Nhịp <i>Cycle</i>	Việc <i>Task</i>	Người làm <i>Owner</i>	Đầu ra <i>Output</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Năm <i>Annual</i>	Kiểm kê tài sản cuối kỳ kế toán năm; lập báo cáo tài chính; quyết toán thuế <i>Year-end stock count; financial statements; tax finalisation</i>	Cả bộ phận <i>Whole team</i>	Biên bản kiểm kê, báo cáo tài chính, quyết toán <i>Count report, financial statements, finalisation</i>	Luật KT Điều 40 khoản 2 điểm a; mục 4.11 <i>Acc. Law Art. 40(2)(a); section 4.11</i>
Năm <i>Annual</i>	Sắp xếp, bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán <i>File, safeguard and archive accounting records</i>	Minh Thư giữ kho hồ sơ <i>Thu keeps the archive</i>	Hồ sơ đánh số, có danh mục <i>Numbered files with an index</i>	Luật KT Điều 41 <i>Acc. Law Art. 41</i>

Nhật ký việc phát sinh của Hoàng Lâm, tháng 10/2026 — *Hoang Lam's transaction diary, October 2026*

Ngày <i>Date</i>	Việc phát sinh <i>Event</i>	Chứng từ chính <i>Main documents</i>	Mục <i>Section</i>
01/10	Minh Thư nhận bàn giao hồ sơ kho, công nợ <i>Thu takes over the stock and receivables files</i>	Biên bản bàn giao <i>Handover minutes</i>	4.5, 4.6
02/10	Nhập 400 thùng SN18 của Tân Phong <i>Receive 400 tubs of SN18 from Tan Phong</i>	Hóa đơn, phiếu nhập kho <i>Invoice, goods received note</i>	4.2
05/10	Nhập 1.000 bao BB40; trả cước vận chuyển Hưng Thịnh bằng chuyển khoản <i>Receive 1,000 bags of BB40; pay Hung Thinh's freight by transfer</i>	Hóa đơn, phiếu nhập kho, ủy nhiệm chi <i>Invoices, GRN, payment order</i>	4.2, 4.4
08/10	Bán cho Thành Đô 500 thùng SN18 và 200 thùng SNT18 <i>Sell Thanh Do 500 tubs of SN18 and 200 of SNT18</i>	Phiếu xuất kho, hóa đơn <i>Issue note, invoice</i>	4.3
12/10	Thành Đô chuyển trả 460 triệu <i>Thanh Do pays 460 million by transfer</i>	Giấy báo Có <i>Credit advice</i>	4.4, 4.6
15/10	Trả Tân Phong 620 triệu <i>Pay Tan Phong 620 million</i>	Ủy nhiệm chi <i>Payment order</i>	4.4, 4.6
18/10	Bán lẻ 1.200 bao BB40 và 800 bao KG25, thu chuyển khoản <i>Retail sale of 1,200 bags of BB40 and 800 of KG25, paid by transfer</i>	Phiếu xuất kho, hóa đơn, giấy báo Có <i>Issue note, invoices, credit advice</i>	4.3

Ngày <i>Date</i>	Việc phát sinh <i>Event</i>	Chứng từ chính <i>Main documents</i>	Mục <i>Section</i>
25/10	Trả cước Internet và điện thoại <i>Pay the internet and phone bill</i>	Hóa đơn viễn thông, ủy nhiệm chi <i>Telecom invoice, payment order</i>	4.4
31/10	Trả lãi vay; khóa sổ tháng <i>Pay loan interest; close the month</i>	Giấy báo Nợ, bảng kê <i>Debit advice, listings</i>	4.4, 4.9

Tuần làm việc mẫu của kế toán kho, công nợ — *A sample week for the stock and receivables accountant*

Thứ <i>Day</i>	Sáng <i>Morning</i>	Chiều <i>Afternoon</i>
Hai <i>Mon</i>	Đối chiếu thẻ kho tuần trước với sổ; ghi các phiếu nhập, xuất còn lại <i>Agree last week's bin cards to the ledger; post the remaining notes</i>	Lập danh sách công nợ đến hạn; gọi nhắc khách <i>List balances due; call customers</i>
Ba <i>Tue</i>	Nhận hàng nhập, kiểm hóa đơn đầu vào <i>Receive goods, check purchase invoices</i>	Ghi sổ mua hàng; đề nghị duyệt chi <i>Post purchases; submit payment requests</i>
Tư <i>Wed</i>	Lập hóa đơn các đơn giao trong ngày <i>Issue invoices for the day's deliveries</i>	Ghi sổ bán hàng; theo dõi tiền về <i>Post sales; track receipts</i>
Năm <i>Thu</i>	Gửi biên bản đối chiếu công nợ khách lớn <i>Send balance confirmations to large customers</i>	Rà soát chứng từ tồn đọng <i>Clear outstanding documents</i>
Sáu <i>Fri</i>	Chốt sổ chi tiết kho, công nợ tuần <i>Close the week's stock and receivables subledgers</i>	Báo cáo nhanh cho kế toán trưởng <i>Flash report to the chief accountant</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Thứ Hai 05/10/2026 của Minh Thu. 08 giờ 30, xe Tân Phong giao 1.000 bao BB40; Đỗ Văn Hùng đếm đủ, ký biên bản giao nhận và lập phiếu nhập kho. 10 giờ, hóa đơn điện tử của Tân Phong về hộp thư kế toán; Minh Thu đối chiếu với đơn hàng và phiếu nhập, rồi ghi Nợ 156 214.000.000, Nợ 1331 17.120.000, Có 331 231.120.000. 14 giờ, Hưng Thịnh gửi hóa đơn cước vận chuyển 5.400.000 (đã gồm thuế 400.000); khoản từ 05 triệu đồng nên Minh Thu lập ủy nhiệm chi trên ngân hàng điện tử, Kế toán trưởng duyệt. 16 giờ 30, Lê Thị Mai chốt tồn quỹ 92.000.000, đúng bằng số đầu kỳ vì trong ngày không chi tiền mặt.

Monday 5 October 2026 for Minh Thu. At 08:30 a Tan Phong lorry delivers 1,000 bags of BB40; Do Van Hung counts them, signs the delivery record and raises the goods received note. At 10:00 Tan Phong's e-invoice reaches the accounts mailbox; Thu agrees it to the order and the receiving note, then posts Dr 156 214,000,000, Dr 1331 17,120,000, Cr 331 231,120,000. At 14:00 Hung Thinh sends its freight invoice for 5,400,000 (including tax of 400,000); as it is VND 5 million or more, Thu raises a payment order in online banking and the Chief Accountant approves it. At 16:30 Le Thi Mai agrees the closing cash at 92,000,000, unchanged from the opening balance because no cash was paid out that day.

GHI NHỚ / KEY POINT — Chứng từ phát sinh ngày nào ghi sổ ngày đó. Sổ chi tiết kho và công nợ cập nhật hằng ngày là điều kiện để đối chiếu tuần và khóa sổ tháng chạy trong một buổi thay vì một tuần.

Post every document on the day it arises. Daily-updated stock and receivables subledgers are what let the weekly reconciliation and the month-end close take a morning instead of a week.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Dồn chứng từ đến cuối tháng mới ghi. Biểu hiện: hóa đơn nằm trong ngăn kéo từ đầu tháng, phiếu nhập kho không có hóa đơn đi kèm, số dư công nợ trên sổ khác số khách xác nhận. Hậu quả: giá vốn tính sai vì thiếu phiếu nhập, thuế GTGT đầu vào kê khai sót hoặc sai kỳ. Cách tránh: đặt giờ cố định cuối ngày cho việc ghi sổ; chứng từ chưa đủ thì ghi vào danh sách chứng từ treo và báo kế toán trưởng.

Leaving documents until month end. Signs: invoices sit in a drawer from the first of the month, goods received notes have no invoice, the ledger balance differs from the balance the customer confirms.

Consequences: cost of sales computed wrongly for lack of receipts, input VAT omitted or put in the wrong period. Remedy: fix a daily slot for posting; a document that is incomplete goes on an open-items list reported to the chief accountant.

4.2. Quy trình mua hàng, nhập kho, thanh toán — 4.2. Purchasing, receiving and paying

Hoàng Lâm mua sơn và bột bả của Công ty CP Sơn Tân Phong, thuê Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh chở hàng. Tháng 10/2026 có ba nghiệp vụ: ngày 02/10 nhập 400 thùng SN18 giá 1.160.000 đồng một thùng; ngày 05/10 nhập 1.000 bao BB40 giá 214.000 đồng một bao; cùng ngày trả 5.000.000 đồng cước chở BB40. Đây là quy trình Minh Thu làm hằng tuần.

Hoang Lam buys paint and skim coat from Công ty CP Sơn Tân Phong and hires Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh to haul. October 2026 has three transactions: on 2 October, 400 tubs of SN18 at 1,160,000 dong each; on 5 October, 1,000 bags of BB40 at 214,000 dong each, and the same day 5,000,000 dong of freight for the BB40. This is the routine Minh Thu runs every week.

Chứng từ của quy trình mua hàng — Documents in the purchasing process

Chứng từ <i>Document</i>	Do ai lập <i>Raised by</i>	Ai ký <i>Signed by</i>	Kế toán kiểm gì <i>What accounting checks</i>
Giấy đề nghị mua hàng <i>Purchase requisition</i>	Thủ kho hoặc phòng kinh doanh <i>Storekeeper or sales</i>	Trưởng bộ phận, Giám đốc <i>Head of department, Director</i>	Mã hàng, số lượng, tồn kho hiện có <i>Item, quantity, stock on hand</i>
Đơn đặt hàng hoặc hợp đồng <i>Purchase order or contract</i>	Phòng kinh doanh <i>Sales</i>	Giám đốc, nhà cung cấp <i>Director, supplier</i>	Đơn giá, thuế suất, hạn thanh toán 30 ngày, địa điểm giao <i>Price, tax rate, 30-day terms, delivery point</i>

Chứng từ <i>Document</i>	Do ai lập <i>Raised by</i>	Ai ký <i>Signed by</i>	Kế toán kiểm gì <i>What accounting checks</i>
Biên bản giao nhận <i>Delivery record</i>	Thủ kho và bên giao <i>Storekeeper and carrier</i>	Hai bên <i>Both parties</i>	Số lượng thực nhận, tình trạng hàng <i>Quantity actually received, condition</i>
Phiếu nhập kho <i>Goods received note</i>	Thủ kho <i>Storekeeper</i>	Thủ kho, người giao, kế toán <i>Storekeeper, carrier, accountant</i>	Khớp biên bản giao nhận và đơn hàng <i>Agrees to the delivery record and the order</i>
Hóa đơn điện tử đầu vào <i>Purchase e-invoice</i>	Người bán <i>Seller</i>	Chữ ký số người bán <i>Seller's digital signature</i>	Nội dung bắt buộc, thuế suất, tính toán (bảng bên dưới) <i>Mandatory content, rate, arithmetic (table below)</i>
Giấy đề nghị thanh toán, ủy nhiệm chi <i>Payment request, payment order</i>	Kế toán <i>Accountant</i>	Giám đốc duyệt, Kế toán trưởng ký <i>Director approves, Chief Accountant signs</i>	Đủ bộ ba chứng từ trước khi chi <i>Full set of three documents before paying</i>

Các bước — Steps

- Thủ kho lập giấy đề nghị mua khi tồn một mã hàng xuống dưới mức tối thiểu hoặc khi có đơn bán chờ; Giám đốc duyệt.
The storekeeper raises a requisition when an item falls below its minimum or a sales order is waiting; the Director approves.
- Phòng kinh doanh lập đơn đặt hàng gửi nhà cung cấp; bản sao chuyển kế toán để làm căn cứ đối chiếu giá và hạn thanh toán.
Sales prepares the purchase order and sends it to the supplier; a copy goes to accounting as the reference for price and terms.
- Hàng về, thủ kho đếm theo từng mã, đối chiếu đơn hàng và phiếu giao hàng, ký biên bản giao nhận. Thiếu, thừa, hỏng ghi ngay vào biên bản.
When the goods arrive the storekeeper counts each item against the order and the delivery note and signs the delivery record. Shortages, overages and damage go straight into the record.
- Thủ kho lập phiếu nhập kho theo số lượng thực nhận, chuyển bản kế toán cùng biên bản giao nhận trong ngày.
The storekeeper raises the goods received note for the quantity actually received and passes the accounting copy with the delivery record the same day.
- Kế toán nhận hóa đơn điện tử, kiểm theo bảng kiểm bên dưới. Hóa đơn sai thì yêu cầu người bán điều chỉnh hoặc thay thế trước khi ghi sổ.
Accounting receives the e-invoice and runs the checklist below. A wrong invoice goes back to the seller for correction or replacement before posting.

6. Đối chiếu ba bên: đơn hàng, phiếu nhập kho, hóa đơn. Ba chứng từ khớp mã hàng, số lượng, đơn giá mới ghi sổ.
Three-way match: order, goods received note, invoice. Posting waits until item, quantity and price agree on all three.
7. Ghi sổ: Nợ 156, Nợ 1331, Có 331 (hoặc Có 111, 112 nếu trả ngay). Cập nhật sổ chi tiết hàng hóa và sổ chi tiết người bán.
Post Dr 156, Dr 1331, Cr 331 (or Cr 111, 112 if paid at once). Update the item subledger and the supplier subledger.
8. Đến hạn, kế toán lập giấy đề nghị thanh toán; Giám đốc duyệt, Kế toán trưởng ký rồi mới lập ủy nhiệm chi hoặc phiếu chi.
On the due date accounting prepares the payment request; the Director approves and the Chief Accountant signs before the payment order or cash voucher is raised.



Hình 4.1. Quy trình mua hàng, nhập kho, thanh toán của Hoàng Lâm

Figure 4.1. Purchasing, receiving and payment at Hoang Lam

Kiểm hóa đơn đầu vào trước khi ghi sổ — *Checking a purchase invoice before posting*

Nội dung bắt buộc của hóa đơn gồm tên, ký hiệu, số hóa đơn; tên, địa chỉ, mã số thuế người bán và người mua; tên hàng, đơn vị tính, số lượng, đơn giá; thành tiền chưa thuế, thuế suất, tiền thuế, tổng thanh toán; thời điểm lập và thời điểm ký số (NĐ 254/2026, Điều 10 khoản 1). Điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào gồm hóa đơn hợp lệ và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt (Luật Thuế GTGT, Điều 14 khoản 2); mốc áp dụng là hàng hóa, dịch vụ mua vào từ 05 triệu đồng trở lên đã gồm thuế GTGT (NĐ 181/2025 được hợp nhất trong VBHN 18/2026, Điều 26).

A valid invoice must show its title, series and number; the name, address and tax code of seller and buyer; the item, unit, quantity and price; the amount before tax, the tax rate, the tax and the total; and the issue time and the time of digital signature (Decree 254/2026, Article 10, clause 1). Input VAT is deductible only with a valid invoice and non-cash payment evidence (VAT Law, Article 14, clause 2); the threshold is purchases of VND 5 million or more including VAT (Decree 181/2025 as consolidated in VBHN 18/2026, Article 26).

Mục kiểm <i>Check</i>	Hóa đơn SN18 ngày 02/10 phải cho thấy <i>The 2 October SN18 invoice must show</i>	Sai thì <i>If wrong</i>
Người mua <i>Buyer</i>	Tên, địa chỉ, mã số thuế đúng Công ty Hoàng Lâm <i>Hoang Lam's exact name, address and tax code</i>	Yêu cầu điều chỉnh hoặc thay thế <i>Ask for a correction or replacement</i>
Người bán <i>Seller</i>	Mã số thuế Tân Phong; tra cứu hóa đơn trên cổng hóa đơn điện tử của Cục Thuế (TT 91/2026 Điều 21) <i>Tan Phong's tax code; look the invoice up on the Tax Department's e-invoice portal (Circ. 91/2026 Art. 21)</i>	Không ghi sổ, báo kế toán trưởng <i>Do not post; tell the chief accountant</i>
Ngày lập <i>Issue date</i>	Trùng ngày giao hàng 02/10 (thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, NĐ 254/2026 Điều 9 khoản 1) <i>Same as the delivery date, 2 October (transfer of ownership, Decree 254/2026 Art. 9(1))</i>	Hỏi người bán; ghi chú vào hồ sơ <i>Query the seller; note the file</i>
Hàng và giá <i>Item and price</i>	400 thùng SN18 giá 1.160.000, khớp đơn hàng và phiếu nhập <i>400 tubs of SN18 at 1,160,000, agreeing to the order and the receiving note</i>	Chờ xử lý, không ghi sổ phần lệch <i>Hold; do not post the difference</i>
Thuế suất <i>Tax rate</i>	Sơn nội thất 8% (NĐ 174/2025, giảm 2% đến hết 31/12/2026) <i>Interior paint at 8% (Decree 174/2025, 2% cut to 31 December 2026)</i>	Ghi 10% là sai; yêu cầu điều chỉnh <i>10% is wrong; ask for a correction</i>
Tính toán <i>Arithmetic</i>	$464.000.000 + 37.120.000 = 501.120.000$ $464,000,000 + 37,120,000 = 501,120,000$	Lệch một đồng cũng báo người bán <i>Report even a one-dong difference</i>
Chữ ký số <i>Digital signature</i>	Có chữ ký số người bán và thời điểm ký <i>Seller's digital signature and signing time</i>	Hóa đơn chưa ký số không dùng làm căn cứ ghi sổ <i>An unsigned invoice is not a basis for posting</i>
Thanh toán <i>Payment</i>	Từ 05 triệu đồng trở lên: thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng <i>From VND 5 million: pay by bank transfer</i>	Thuế đầu vào không được khấu trừ <i>Input VAT is not deductible</i>

Sai sót trên hóa đơn đã lập xử lý theo TT 91/2026, Điều 10: người bán lập hóa đơn điều chỉnh, có dòng chữ “Điều chỉnh cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”, hoặc lập hóa đơn mới thay thế, có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”. Kế toán giữ cả hóa đơn sai lẫn hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế trong hồ sơ.

Errors on an issued invoice are handled under Circular 91/2026, Article 10: the seller either issues an adjustment invoice carrying the words “Adjustment to invoice Form No... series...

number... dated...” or issues a replacement invoice carrying the words “Replacement for invoice Form No... series... number... dated...”. Accounting keeps the faulty invoice together with the adjusting or replacing one.

Định khoản mua hàng tháng 10/2026 — Purchase entries for October 2026

Định khoản / Journal entries

02/10	Nợ TK 156 – Hàng hóa (400 thùng SN18).....	464.000.000
	Nợ TK 1331 – Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ.....	37.120.000
	Có TK 331 – Phải trả người bán (Tân Phong).....	501.120.000
05/10	Nợ TK 156 – Hàng hóa (1.000 bao BB40)	214.000.000
	Nợ TK 1331 – Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ.....	17.120.000
	Có TK 331 – Phải trả người bán (Tân Phong).....	231.120.000
05/10	Nợ TK 156 – Hàng hóa (cước chở BB40)	5.000.000
	Nợ TK 1331 – Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ.....	400.000
	Có TK 112 – Tiền gửi không kỳ hạn.....	5.400.000
15/10	Nợ TK 331 – Phải trả người bán (Tân Phong).....	620.000.000
	Có TK 112 – Tiền gửi không kỳ hạn.....	620.000.000

Cước vận chuyển đưa hàng từ nhà cung cấp về kho nằm trong giá gốc hàng hóa: TT 99, TK 156 nguyên tắc c, tính giá gốc bằng giá mua cộng chi phí thu mua, trong đó có chi phí vận chuyển, bốc xếp đưa hàng về đến kho. Lô BB40 vì vậy nhập kho với giá $214.000.000 + 5.000.000 = 219.000.000$ đồng, bình quân 219.000 đồng một bao, cao hơn giá hóa đơn 214.000 đồng.

Freight bringing goods from the supplier to the warehouse is part of the cost of goods: Circular 99, account 156, principle (c) defines cost as the purchase price plus acquisition costs, including carriage and handling to the warehouse. The BB40 lot is therefore received at $214,000,000 + 5,000,000 = 219,000,000$ dong, an average of 219,000 dong a bag against the invoice price of 214,000.

CẢNH BÁO / WARNING — Cước 5.400.000 đồng đã gồm thuế, từ mức 05 triệu đồng của NBĐ 181/2025 Điều 26, nên Hoàng Lâm trả bằng ủy nhiệm chi. Nếu thủ quỹ chi tiền mặt, 400.000 đồng thuế đầu vào không được khấu trừ và cũng không được tính vào chi phí tính thuế TNDN (Luật Thuế GTGT, Điều 14 khoản 1 điểm e).

The freight of 5,400,000 dong, tax included, reaches the VND 5 million threshold of Decree 181/2025, Article 26, so Hoang Lam pays it by payment order. Paid in cash, the 400,000 dong of input tax would be neither creditable nor an allowable expense for corporate income tax (VAT Law, Article 14, clause 1(e)).

Hóa đơn đã nhận nhưng đến cuối kỳ hàng chưa về kho thì ghi Nợ 151 – Hàng mua đang đi đường, Nợ 1331, Có 331; sang kỳ sau hàng về, ghi Nợ 156, Có 151 (TT 99, TK 156 phương pháp 3.2).

If the invoice has arrived but the goods are not in the warehouse at period end, post Dr 151 goods in transit, Dr 1331, Cr 331; when the goods arrive in the next period post Dr 156, Cr 151 (Circular 99, account 156, method 3.2).

VÍ DỤ / EXAMPLE — Hóa đơn SN18 ngày 02/10 ghi thuế suất 10%. Thuế đúng 8% là 37.120.000 đồng, hóa đơn ghi 46.400.000 đồng, lệch 9.280.000 đồng và tổng thanh toán

thành 510.400.000 đồng. Minh Thư không ghi sổ theo hóa đơn này; Tân Phong lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế (TT 91/2026, Điều 10), Minh Thư ghi theo hóa đơn đúng.

The 2 October SN18 invoice shows a 10% rate. The correct 8% tax is 37,120,000 dong; the invoice shows 46,400,000, a difference of 9,280,000, and a total of 510,400,000. Minh Thu does not post from this invoice; Tan Phong issues an adjustment or replacement invoice (Circular 91/2026, Article 10) and Thu posts from the corrected one.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Nhập kho và ghi sổ khi chưa có phiếu nhập hoặc chưa đếm hàng. Biểu hiện: phiếu nhập do kế toán lập từ hóa đơn, thủ kho ký sau. Hậu quả: hàng giao thiếu vẫn ghi đủ, sổ kho lệch thẻ kho, nợ nhà cung cấp ghi cao hơn thực tế. Cách tránh: phiếu nhập lập theo biên bản giao nhận, kế toán chỉ ghi khi ba chứng từ khớp.

Posting stock before it is counted or before a receiving note exists. Signs: the accountant raises the note from the invoice and the storekeeper signs later. Consequences: a short delivery is recorded in full, the ledger differs from the bin card, the supplier balance is overstated. Remedy: raise the note from the delivery record and post only when the three documents agree.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi cước vận chuyển đầu vào vào chi phí quản lý (642) hoặc bán hàng (641). Cước chở hàng về kho là chi phí thu mua, nằm trong giá gốc 156 (TT 99, TK 156 nguyên tắc c). Ghi sai làm giá vốn tháng sau thấp, lãi tháng này thấp hơn thực tế.

Booking inbound freight to administrative (642) or selling (641) expense. Carriage of goods into the warehouse is an acquisition cost and belongs in the cost of inventory, account 156 (Circular 99, account 156, principle (c)). The error understates the following month's cost of sales and this month's profit.

GHI NHỚ / KEY POINT — Ba chứng từ khớp mới ghi sổ và mới trả tiền: đơn hàng, phiếu nhập kho, hóa đơn. Từ 05 triệu đồng đã gồm thuế, không trả tiền mặt.

Post and pay only when three documents agree: order, goods received note, invoice. From VND 5 million including tax, do not pay in cash.

4.3. Quy trình bán hàng, xuất hóa đơn, thu tiền — 4.3. Selling, invoicing and collecting

Hoàng Lâm bán cho Công ty CP Xây dựng Thành Đô theo đơn hàng, giao tại công trình, thanh toán sau; bán cho khách lẻ và cửa hàng nhỏ tại kho, thu chuyển khoản. Tháng 10/2026: ngày 08/10 bán Thành Đô 1.145.000.000 đồng chưa thuế; ngày 18/10 bán lẻ 474.000.000 đồng chưa thuế. Thuế GTGT 8% cho cả hai.

Hoang Lam sells to Công ty CP Xây dựng Thành Đô against orders, delivered to site and paid later; it sells to retail customers and small shops at the warehouse, paid by transfer. In October 2026: on 8 October it sells Thanh Do 1,145,000,000 dong before tax; on 18 October it sells retail 474,000,000 dong before tax. VAT is 8% on both.



Hình 4.2. Quy trình bán hàng, xuất hóa đơn, thu tiền của Hoàng Lâm

Figure 4.2. Selling, invoicing and collecting at Hoang Lam

Các bước — Steps

- Phòng kinh doanh nhận đơn đặt hàng của khách. Kế toán công nợ báo số dư nợ và nợ quá hạn của khách; khách quá hạn thì chỉ giao khi Giám đốc đồng ý.
Sales takes the customer's order. The receivables accountant reports the customer's balance and overdue amount; an overdue customer is supplied only with the Director's consent.
- Thủ kho lập phiếu xuất kho theo đơn đã duyệt, ghi mã hàng và số lượng, ký cùng người nhận hàng.
The storekeeper raises the issue note from the approved order, stating item and quantity, and signs with the person collecting.
- Giao hàng; bên nhận ký biên bản giao nhận hoặc phiếu giao hàng. Bản có chữ ký khách chuyển về kế toán trong ngày.
Goods are delivered; the recipient signs the delivery record or delivery note. The copy signed by the customer reaches accounting the same day.
- Kế toán lập hóa đơn điện tử đúng thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa, không đợi thu tiền; Kế toán trưởng duyệt, ký số, gửi khách.
Accounting issues the e-invoice at the moment ownership of the goods passes, without waiting for payment; the Chief Accountant approves, signs digitally and sends it to the customer.
- Ghi doanh thu và thuế GTGT đầu ra: Nợ 131 hoặc 112, Có 511, Có 33311. Cập nhật sổ chi tiết công nợ khách hàng.
Record revenue and output VAT: Dr 131 or 112, Cr 511, Cr 33311. Update the customer subledger.
- Cuối tháng, sau khi tính đơn giá xuất bình quân, ghi giá vốn: Nợ 632, Có 156 (mục 4.9).
At month end, once the average issue cost is computed, record cost of sales: Dr 632, Cr 156 (section 4.9).
- Theo dõi tiền về: giấy báo Có hoặc phiếu thu; cân đúng hóa đơn của khách trên sổ chi tiết.

Track receipts: credit advice or cash receipt; match each to the right invoice on the subledger.

- 8.** Cuối tháng đối chiếu số dư với khách lớn bằng biên bản đối chiếu công nợ (mục 4.6).
At month end confirm the balance with large customers by a balance-confirmation record (section 4.6).

Thời điểm lập hóa đơn — *When to issue the invoice*

Hóa đơn bán hàng hóa lập vào thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu tiền hay chưa (NĐ 254/2026, Điều 9 khoản 1). Giao hàng nhiều lần thì mỗi lần giao lập một hóa đơn cho khối lượng giao tương ứng (khoản 3). Thành Đô nhận hàng ngày 08/10, hóa đơn lập ngày 08/10 dù tiền về sau; doanh thu và thuế GTGT đầu ra phát sinh từ ngày đó.

An invoice for goods is issued when ownership or the right to use the goods passes to the buyer, whether or not the money has been received (Decree 254/2026, Article 9, clause 1). Where delivery is in instalments, each delivery gets its own invoice for the quantity delivered (clause 3). Thanh Do receives the goods on 8 October, so the invoice is dated 8 October even though the cash follows; revenue and output VAT arise from that date.

Khách <i>Customer</i>	Hàng <i>Item</i>	SL <i>Qty</i>	Đơn giá <i>Unit price</i>	Thành tiền <i>Amount</i>	Thuế 8% <i>VAT 8%</i>	Tổng <i>Total</i>
Thành Đô 08/10	SN18	500	1.450.000	725.000.000	58.000.000	783.000.000
Thành Đô 08/10	SNT18	200	2.100.000	420.000.000	33.600.000	453.600.000
Cộng Thành Đô <i>Thanh Do total</i>		700		1.145.000.000	91.600.000	1.236.600.000
Khách lẻ 18/10 <i>Retail 18 Oct</i>	BB40	1.200	265.000	318.000.000	25.440.000	343.440.000
Khách lẻ 18/10 <i>Retail 18 Oct</i>	KG25	800	195.000	156.000.000	12.480.000	168.480.000
Cộng bán lẻ <i>Retail total</i>		2.000		474.000.000	37.920.000	511.920.000
Cộng tháng 10 <i>October total</i>		2.700		1.619.000.000	129.520.000	1.748.520.000

Kiểm hóa đơn bán ra trước khi ký số — *Checking a sales invoice before signing*

Mục kiểm <i>Check</i>	Thành Đô 08/10 <i>Thanh Do, 8 Oct</i>
Người mua <i>Buyer</i>	Tên, địa chỉ, mã số thuế theo giấy đăng ký doanh nghiệp của Thành Đô; sai thông tin thì hóa đơn phải điều chỉnh hoặc thay thế <i>Name, address and tax code as on Thanh Do's registration; wrong details force a correction or replacement</i>
Hàng <i>Goods</i>	Hai dòng: 500 thùng SN18 và 200 thùng SNT18, khớp phiếu xuất kho và biên bản giao nhận <i>Two lines: 500 tubs of SN18 and 200 of SNT18, agreeing to the issue note and the delivery record</i>
Giá <i>Price</i>	1.450.000 và 2.100.000 đồng, theo đơn hàng đã duyệt <i>1,450,000 and 2,100,000 dong per the approved order</i>
Thuế <i>Tax</i>	8% mỗi dòng; tổng thuế 91.600.000 đồng <i>8% on each line; total tax 91,600,000 dong</i>
Ngày lập <i>Date</i>	08/10/2026, trùng ngày giao <i>8 October 2026, the delivery date</i>
Ký số, gửi <i>Signing, sending</i>	Kế toán trưởng duyệt, ký số, gửi qua thư điện tử đăng ký; lưu bản gốc điện tử <i>Chief Accountant approves, signs digitally and sends to the registered address; the electronic original is kept</i>

Định khoản bán hàng tháng 10/2026 — *Sales entries for October 2026*

Định khoản / Journal entries

08/10	Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng (Thành Đô)	1.236.600.000
	Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.145.000.000
	Có TK 33311 – Thuế GTGT đầu ra	91.600.000
12/10	Nợ TK 112 – Tiền gửi không kỳ hạn	460.000.000
	Có TK 131 – Phải thu của khách hàng (Thành Đô)	460.000.000
18/10	Nợ TK 112 – Tiền gửi không kỳ hạn	511.920.000
	Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	474.000.000
	Có TK 33311 – Thuế GTGT đầu ra	37.920.000
31/10	Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán (xuất bán Thành Đô)	913.000.000
	Có TK 156 – Hàng hóa	913.000.000
31/10	Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán (xuất bán lẻ)	375.600.000
	Có TK 156 – Hàng hóa	375.600.000

Hai khoản giá vốn là 913.000.000 đồng (SN18 500 thùng $\times$ 1.154.000, SNT18 200 thùng $\times$ 1.680.000) và 375.600.000 đồng (BB40 1.200 bao $\times$ 213.000, KG25 800 bao $\times$ 150.000); cộng 1.288.600.000 đồng. Hoàng Lâm tính giá xuất theo bình quân gia quyền cuối tháng nên giá vốn chỉ ghi được khi đã có đủ phiếu nhập của tháng.

The two cost-of-sales amounts are 913,000,000 dong (SN18 500 tubs $\times$ 1,154,000, SNT18 200 tubs $\times$ 1,680,000) and 375,600,000 dong (BB40 1,200 bags $\times$ 213,000, KG25 800 bags $\times$ 150,000); together 1,288,600,000 dong. Because Hoang Lam uses the month-end weighted average, cost of sales can be posted only once all of the month's receipts are in.

Nợ	TK 131 – Phải thu của khách hàng	Có
SĐBK	760.000.000	
(08/10) Bán Thành Đô	1.236.600.000	(12/10) Thành Đô trả
	0	460.000.000
Cộng PS	1.236.600.000	Cộng PS
	0	460.000.000
SDCK	1.536.600.000	
	0	

VÍ DỤ / EXAMPLE — Ngày 18/10 các khách lẻ và cửa hàng nhỏ mua tổng cộng 1.200 bao BB40 giá 265.000 đồng và 800 bao KG25 giá 195.000 đồng, chuyển khoản ngay. Thủ kho lập phiếu xuất kho 2.000 bao; Minh Thu lập hóa đơn cho từng khách theo thông tin mua hàng của khách đó, cộng lại giá trị 474.000.000 đồng, thuế 8% 37.920.000 đồng, tổng 511.920.000 đồng. Giấy báo Có cộng 511.920.000 đồng về tài khoản ngân hàng cùng ngày; Quang Huy ghi Nợ 112, Có 511, Có 33311.

On 18 October retail customers and small shops buy 1,200 bags of BB40 at 265,000 dong and 800 bags of KG25 at 195,000 dong in total and pay by transfer at once. The storekeeper raises an issue note for 2,000 bags; Minh Thu issues an invoice to each customer from that customer's buyer details, adding up to 474,000,000 dong, 8% tax of 37,920,000 dong, total 511,920,000 dong. The credit advices totalling 511,920,000 dong reach the bank account the same day; Quang Huy posts Dr 112, Cr 511, Cr 33311.

GHI NHỚ / KEY POINT — Hóa đơn lập khi giao hàng, không đợi thu tiền. Doanh thu ghi theo hóa đơn và biên bản giao nhận; tiền về chỉ làm giảm công nợ.

Invoice on delivery, not on payment. Revenue follows the invoice and the delivery record; cash received only reduces the receivable.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Gộp nhiều lần giao hàng trong tháng vào một hóa đơn lập cuối tháng. NEĐ 254/2026 Điều 9 khoản 3 yêu cầu mỗi lần giao một hóa đơn cho khối lượng giao. Hóa đơn lập muộn làm doanh thu và thuế đầu ra ghi sai kỳ, kéo theo giá vốn lệch.

Batching a month's deliveries into one invoice raised at month end. Decree 254/2026, Article 9, clause 3 requires an invoice for each delivery. A late invoice puts revenue and output VAT in the wrong period and distorts cost of sales.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi doanh thu khi mới nhận tiền ứng trước. Tiền khách trả trước khi giao hàng ghi Có TK 131 (số dư Có phản ánh tiền nhận trước, TT 99, TK 131 phần kết cấu), chưa phải 511. Doanh thu ghi khi giao hàng và lập hóa đơn.

Recording revenue when only an advance is received. Money paid by a customer before delivery is credited to account 131 (a credit balance reflects amounts received in advance, Circular 99, account 131, structure), not to 511. Revenue is recorded on delivery and invoicing.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Quên ghi giá vốn khi khóa sổ. Doanh thu đã có mà 632 chưa có, lãi tháng cao ảo, kéo theo tạm tính thuế TNDN sai. Cách tránh: đối chiếu số lượng xuất trên bảng nhập, xuất, tồn với số lượng trên các hóa đơn bán ra trước khi chạy tính giá.

Forgetting cost of sales at the close. Revenue is in but 632 is not, so profit is overstated and the

provisional corporate tax wrong. Remedy: agree quantities issued on the stock movement table to quantities on sales invoices before running the cost calculation.

4.4. Thu, chi tiền mặt và tiền gửi ngân hàng — 4.4. Cash and bank receipts and payments

Tiền mặt do thủ quỹ Lê Thị Mai giữ và ghi sổ quỹ; kế toán ghi sổ kế toán tiền mặt (TK 111) độc lập với sổ quỹ, cuối ngày hai sổ phải bằng nhau. Người làm kế toán không đồng thời là thủ kho, thủ quỹ (Luật Kế toán, Điều 52 khoản 4; doanh nghiệp tư nhân và công ty TNHH một cá nhân làm chủ sở hữu có ngoại lệ trong cùng điều). Tài khoản ngân hàng (TK 112) do Quang Huy lập lệnh chi, Giám đốc và Kế toán trưởng duyệt.

Cash is held by the cashier, Le Thi Mai, who keeps the cash book; accounting keeps the cash ledger (account 111) independently, and the two must agree at the close of each day. A person who keeps the accounts may not also be the storekeeper or cashier (Accounting Law, Article 52, clause 4; sole-owner private enterprises and one-member LLCs are excepted in the same article). The bank account (account 112) is operated by Quang Huy, who raises payment instructions; the Director and the Chief Accountant approve.

Thu tiền mặt — Receiving cash

1. Kế toán lập phiếu thu từ chứng từ gốc (hóa đơn, giấy đề nghị hoàn ứng), ghi người nộp, lý do, số tiền bằng số và bằng chữ.
Accounting raises the cash receipt from the source document (invoice, advance settlement), stating payer, reason and amount in figures and in words.
2. Người nộp tiền và Kế toán trưởng ký; thủ quỹ đếm tiền, thu đủ rồi ký nhận.
The payer and the Chief Accountant sign; the cashier counts the money, takes the full amount and signs.
3. Thủ quỹ ghi sổ quỹ; kế toán ghi sổ kế toán theo phiếu thu cùng ngày.
The cashier writes up the cash book; accounting posts from the receipt the same day.

Chi tiền mặt — Paying cash

1. Người đề nghị lập giấy đề nghị thanh toán kèm hóa đơn, biên bản nghiệm thu hoặc chứng từ liên quan.
The requester prepares a payment request with the invoice, acceptance record or other supporting documents.
2. Kế toán kiểm chứng từ: hóa đơn hợp lệ, số tiền khớp, từ 05 triệu đồng đã gồm thuế thì không chi tiền mặt.
Accounting checks the documents: valid invoice, amount agrees; from VND 5 million including tax, no cash payment.
3. Người có thẩm quyền duyệt chi và Kế toán trưởng hoặc người được ủy quyền ký trước khi chi; chữ ký trên chứng từ chi tiền ký theo từng liên (Luật Kế toán, Điều 19 khoản 3).
The authorised approver and the Chief Accountant, or a delegate, sign before the payment, and signatures on a payment document are made on each copy (Accounting Law, Article 19, clause 3).

4. Kế toán lập phiếu chi; thủ quỹ chi tiền, người nhận ký nhận; thủ quỹ ghi sổ quỹ.

Accounting raises the payment voucher; the cashier pays out, the recipient signs, and the cashier writes up the cash book.

Chế độ kế toán đặt ba yêu cầu cho tiền mặt: nhập, xuất quỹ phải có phiếu thu, phiếu chi đủ chữ ký; kế toán quỹ mở sổ ghi liên tục hằng ngày và tính tồn quỹ tại mọi thời điểm; thủ quỹ thường xuyên kiểm kê tồn quỹ thực tế và đối chiếu sổ quỹ với sổ kế toán, chênh lệch thì cùng kế toán tìm nguyên nhân (TT 99, TK 111 nguyên tắc b, c, d).

The accounting regime sets three requirements for cash: every receipt and payment needs a receipt or voucher bearing all required signatures; the cash book is written up continuously each day and shows the balance at any moment; the cashier counts the actual cash regularly and agrees the cash book to the ledger, finding the cause jointly with accounting when they differ (Circular 99, account 111, principles (b), (c), (d)).

Ngày Date	Chứng từ Voucher	Diễn giải Description	Thu Receipts	Chi Payments	Tồn Balance
01/10		Số dư đầu tháng <i>Opening balance</i>			92.000.000
		Tháng 10 không phát sinh thu, chi tiền mặt: các khoản từ 05 triệu đồng đều qua ngân hàng <i>No cash receipts or payments in October: every amount of VND 5 million or more goes through the bank</i>			
31/10		Cộng phát sinh và số dư cuối tháng <i>Total movements and closing balance</i>	0	0	92.000.000

Thu, chi qua ngân hàng — Receipts and payments through the bank

Tiền vào tài khoản do khách chuyển; kế toán nhận giấy báo Có hoặc sao kê, đối chiếu nội dung chuyển khoản với hóa đơn rồi ghi sổ. Tiền ra bằng ủy nhiệm chi: một người lập, người khác duyệt; hồ sơ kèm theo gồm hóa đơn, đơn hàng, phiếu nhập và giấy đề nghị thanh toán đã ký. Mỗi sáng kế toán so số dư sổ tài khoản 112 ngày hôm trước với sổ phụ ngân hàng.

Money in is by customer transfer; accounting takes the credit advice or statement, matches the transfer narrative to the invoice and posts. Money out is by payment order: one person raises it and another approves; the file holds the invoice, order, goods received note and the signed payment request. Each morning accounting compares the previous day's balance on the 112 ledger with the bank statement.

Ngày Date	Diễn giải Description	Thu Receipts	Chi Payments	Số dư Balance
01/10	Số dư đầu tháng <i>Opening balance</i>			1.180.000.000

Ngày Date	Diễn giải Description	Thu Receipts	Chi Payments	Số dư Balance
05/10	Cước vận chuyển BB40, Hưng Thịnh (gồm thuế) <i>BB40 freight, Hung Thinh (tax included)</i>		5.400.000	1.174.600.000
12/10	Thành Đô trả nợ <i>Thanh Do settles</i>	460.000.000		1.634.600.000
15/10	Trả Tân Phong <i>Payment to Tan Phong</i>		620.000.000	1.014.600.000
18/10	Thu bán lẻ <i>Retail receipts</i>	511.920.000		1.526.520.000
25/10	Cước Internet, điện thoại (gồm thuế) <i>Internet and phone (tax included)</i>		2.750.000	1.523.770.000
31/10	Lãi vay ngân hàng <i>Bank loan interest</i>		4.200.000	1.519.570.000

Số dư 1.519.570.000 đồng là số trước khi chi lương tháng 10 (mục 4.7).

The balance of 1,519,570,000 dong is before October's salaries are paid (section 4.7).

Định khoản / Journal entries

25/10	Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (cước Internet, điện thoại) ...	2.500.000
	Nợ TK 1331 – Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	250.000
	Có TK 112 – Tiền gửi không kỳ hạn	2.750.000
31/10	Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (lãi vay)	4.200.000
	Có TK 112 – Tiền gửi không kỳ hạn	4.200.000

Cước viễn thông chịu thuế GTGT 10%, không thuộc diện giảm 2%: 2.500.000 đồng × 10% = 250.000 đồng. Lãi vay: 700.000.000 đồng × 7,2% ÷ 12 = 4.200.000 đồng.

Telecom services bear VAT at 10% and are outside the 2% reduction: 2,500,000 dong × 10% = 250,000 dong. Loan interest: 700,000,000 dong × 7.2% ÷ 12 = 4,200,000 dong.

Đối chiếu sổ phụ ngân hàng — Reconciling to the bank statement

Chênh lệch thường gặp Usual difference	Nguyên nhân Cause	Xử lý Action
Sổ kế toán thấp hơn sổ phụ <i>Ledger below statement</i>	Ngân hàng đã trừ phí, lãi hoặc đã ghi Có tiền khách mà kế toán chưa nhận giấy báo <i>The bank has charged fees or interest, or credited a customer, before accounting receives the advice</i>	Yêu cầu giấy báo, ghi sổ ngay <i>Obtain the advice and post at once</i>

Chênh lệch thường gặp <i>Usual difference</i>	Nguyên nhân <i>Cause</i>	Xử lý <i>Action</i>
Sổ kế toán cao hơn sổ phụ <i>Ledger above statement</i>	Ủy nhiệm chi đã lập, ghi sổ nhưng ngân hàng chưa xử lý <i>A payment order is raised and posted but the bank has not processed it</i>	Theo dõi đến ngày ngân hàng xử lý; lập bảng chênh lệch <i>Track until processed; keep a reconciling list</i>
Khoản tiền không rõ khách nào <i>Unidentified receipt</i>	Nội dung chuyển khoản thiếu số hóa đơn hoặc tên khách <i>The narrative lacks an invoice number or customer name</i>	Hỏi kinh doanh và khách; chưa rõ thì tạm ghi Có 131 chi tiết chờ cần trừ <i>Ask sales and the customer; if unclear book to a suspense line within 131 pending matching</i>
Ghi sai số tiền hoặc ghi trùng <i>Wrong amount or duplicate</i>	Nhập tay nhầm số <i>Keying error</i>	Sửa theo Luật Kế toán Điều 27 (xem Chương 3) <i>Correct under Accounting Law, Article 27 (see Chapter 3)</i>

Kiểm kê quỹ tiền mặt — *Counting the cash*

Kiểm kê quỹ có Kế toán trưởng hoặc người được giao, thủ quỹ và một người chứng kiến. Thủ quỹ đếm từng mệnh giá, ghi vào biên bản kiểm kê quỹ; kế toán so số đếm được với số dư sổ quỹ và sổ kế toán tại thời điểm kiểm kê. Chênh lệch phải được xác định nguyên nhân và phản ánh vào sổ trước khi lập báo cáo tài chính (Luật Kế toán, Điều 40 khoản 3).

The cash count is attended by the Chief Accountant or a delegate, the cashier and a witness. The cashier counts each denomination into the cash count record; accounting compares the count with the cash book and ledger balance at the time of the count. A difference must have its cause identified and be posted before the financial statements are prepared (Accounting Law, Article 40, clause 3).

VÍ DỤ / EXAMPLE — Kiểm kê quỹ đột xuất: sổ quỹ 61.200.000 đồng, thủ quỹ đếm được 61.000.000 đồng, thiếu 200.000 đồng, chưa rõ nguyên nhân. Ghi Nợ 1381, Có 111 200.000 đồng (TT 99, TK 138 phương pháp 3.3 điểm b). Điều tra xong, nếu thủ quỹ nộp lại, ghi Nợ 111, Có 1381; nếu quyết định không đòi, ghi Nợ 811, Có 1381.

A surprise cash count: the cash book shows 61,200,000 dong, the cashier counts 61,000,000, a shortage of 200,000 dong with no known cause. Post Dr 1381, Cr 111 200,000 dong (Circular 99, account 138, method 3.3(b)). After investigation, if the cashier repays, post Dr 111, Cr 1381; if the decision is not to recover it, post Dr 811, Cr 1381.

Ba bước của ví dụ kiểm kê quỹ / The three steps of the cash count example

a)	Nợ TK 1381 – Tài sản thiếu chờ xử lý	200.000
	Có TK 111 – Tiền mặt	200.000
b)	Nợ TK 111 – Tiền mặt	200.000
	Có TK 1381 – Tài sản thiếu chờ xử lý	200.000
c)	Nợ TK 811 – Chi phí khác	200.000
	Có TK 1381 – Tài sản thiếu chờ xử lý	200.000

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Chi tiền mặt cho hóa đơn từ 05 triệu đồng trở lên. Hậu quả: thuế GTGT đầu vào của hóa đơn đó không được khấu trừ (NĐ 181/2025 Điều 26, trong VBHN 18/2026) và cũng không được tính vào chi phí tính thuế TNDN (Luật Thuế GTGT Điều 14 khoản 1 điểm e). Cách tránh: kế toán chặn ngay ở bước kiểm chứng từ, chuyển hồ sơ sang chi qua ngân hàng.

Paying cash against an invoice of VND 5 million or more. Consequence: the input VAT on that invoice is not deductible (Decree 181/2025, Article 26, as in VBHN 18/2026) and is also not an allowable expense for corporate income tax (VAT Law, Article 14, clause 1(e)). Remedy: accounting blocks it at the document check and routes the payment through the bank.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Một người vừa giữ quỹ vừa ghi sổ kế toán tiền, hoặc ký cả lập lẫn duyệt ủy nhiệm chi. Sai sót và gian lận không có người thứ hai phát hiện; Luật Kế toán Điều 52 khoản 4 không cho người làm kế toán đồng thời là thủ quỹ. Cách tránh: thủ quỹ chỉ giữ tiền và sổ quỹ; kế toán lập, kế toán trưởng và giám đốc duyệt.

One person holding the cash and also keeping the cash ledger, or both raising and approving a payment order. No second person is positioned to catch error or fraud, and Accounting Law Article 52 clause 4 bars an accountant from also being the cashier. Remedy: the cashier holds only the money and the cash book; accounting prepares; the Chief Accountant and the Director approve.

GHI NHỚ / KEY POINT — Mỗi cuối ngày sổ quỹ khớp tồn quỹ đếm được, sổ tài khoản 112 khớp sổ phụ ngân hàng. Chênh lệch để qua đêm là chênh lệch phải giải thích bằng văn bản.

At the close of each day the cash book agrees to the cash counted and the 112 ledger agrees to the bank statement. A difference left overnight is a difference to be explained in writing.

4.5. Quản lý kho hàng — 4.5. Warehouse management

Kho Hoàng Lâm do thủ kho Đỗ Văn Hùng giữ, bốn mã hàng. Có hai bộ sổ chạy song song: thẻ kho của thủ kho ghi số lượng; sổ chi tiết hàng hóa của kế toán ghi cả số lượng và giá trị, mở theo từng kho, từng loại, từng hàng hóa (TT 99, TK 156 nguyên tắc d). Thủ kho và người làm kế toán là hai người khác nhau (Luật Kế toán, Điều 52 khoản 4); đối chiếu hai bộ sổ mỗi tuần là kiểm soát chính của kho.

The Hoang Lam warehouse is run by the storekeeper Do Van Hung, with four items. Two sets of records run in parallel: the storekeeper's bin cards record quantity; accounting's inventory subledger records quantity and value, kept by warehouse, by category and by item (Circular 99, account 156, principle (d)). The storekeeper and the person keeping the accounts are different people (Accounting Law, Article 52, clause 4); the weekly reconciliation of the two sets is the warehouse's main control.

Mã Code	Hàng Item	Đơn vị Unit	Tồn 01/10 Opening	Nhập Received	Xuất Issued	Tồn 31/10 Closing
SN18	Son nội thất thùng 18 lít	thùng	600	400	500	500
SNT1 8	Son ngoại thất thùng 18 lít	thùng	300	0	200	100

Mã Code	Hàng Item	Đơn vị Unit	Tồn 01/10 Opening	Nhập Received	Xuất Issued	Tồn 31/10 Closing
BB40	Bột bả bao 40 kg	bao	2.000	1.000	1.200	1.800
KG25	Keo dán gạch bao 25 kg	bao	1.500	0	800	700

Thẻ kho — The bin card

Ngày Date	Chứng từ Document	Diễn giải Description	Nhập In	Xuất Out	Tồn Balance
01/10		Tồn đầu tháng SN18 <i>Opening SN18</i>			600
02/10	PN001	Nhập của Tân Phong <i>Received from Tan Phong</i>	400		1.000
08/10	PX001	Xuất bán Thành Đô <i>Issued to Thanh Do</i>		500	500

Thẻ kho ghi theo ngày chứng từ, mỗi phiếu một dòng, số tồn tính ngay sau mỗi dòng. Cuối ngày thủ kho ký xác nhận số tồn; cuối tháng kế toán ký xác nhận đã đối chiếu.

The bin card is written by document date, one line per voucher, with the balance computed after each line. At the close of each day the storekeeper signs the balance; at month end accounting signs to confirm the reconciliation.

Xuất kho — Issuing stock

- Thủ kho chỉ xuất khi có đơn bán đã duyệt hoặc lệnh xuất của người có thẩm quyền; không xuất theo lời đề nghị miệng.
The storekeeper issues only against an approved sales order or an authorised issue instruction, never on a verbal request.
- Lập phiếu xuất kho nhiều liên: mã hàng, số lượng, người nhận, lý do xuất; người nhận và thủ kho ký.
Raise a multi-copy issue note: item, quantity, recipient, reason; the recipient and storekeeper sign.
- Một liên ở lại thẻ kho, một liên chuyển kế toán cùng biên bản giao nhận trong ngày để lập hóa đơn và ghi sổ.
One copy stays with the bin card; one goes to accounting the same day with the delivery record, for invoicing and posting.
- Kế toán đối chiếu số lượng phiếu xuất với hóa đơn bán ra, ghi sổ chi tiết số lượng; giá trị ghi cuối tháng sau khi tính đơn giá bình quân.
Accounting agrees the quantity on the issue note to the sales invoice and posts the quantity to the subledger; value is posted at month end once the average cost is computed.

Nợ	TK 156 – Hàng hóa	Có
SĐĐK	1.839.000.000	
	0	
(02/10) Nhập SN18	464.000.000	(31/10) Giá vốn Thành Đô 913.000.000
(05/10) Nhập BB40	214.000.000	(31/10) Giá vốn bán lẻ 375.600.000
(05/10) Cước chở BB40	5.000.000	
Cộng PS	683.000.000	Cộng PS 1.288.600.000
		0
SDCK	1.233.400.000	
	0	

Tài khoản 156 của Hoàng Lâm từ 1.839.000.000 đồng đầu tháng còn 1.233.400.000 đồng cuối tháng, bằng cộng giá trị tồn bốn mã hàng: SN18 577.000.000, SNT18 168.000.000, BB40 383.400.000, KG25 105.000.000.

Hoang Lam's account 156 moves from 1,839,000,000 dong at the start of the month to 1,233,400,000 dong at the end, equal to the sum of the four items: SN18 577,000,000, SNT18 168,000,000, BB40 383,400,000, KG25 105,000,000.

Đối chiếu thủ kho và kế toán — Reconciling storekeeper and accountant

Bước Step	Việc Task	Kết quả Result
1	Thủ kho in hoặc chép số tồn cuối tuần từng mã từ thẻ kho <i>The storekeeper lists each item's closing balance from the bin cards</i>	Danh sách tồn thực tế <i>List of balances held</i>
2	Kế toán lấy số tồn từng mã trên sổ chi tiết <i>Accounting takes each item's balance from the subledger</i>	Danh sách tồn theo sổ <i>List of balances per ledger</i>
3	So từng mã; mã lệch thì lần lại phiếu nhập, xuất của tuần <i>Compare item by item; for a difference, retrace the week's notes</i>	Danh sách mã lệch và nguyên nhân <i>Differences and causes</i>
4	Hai bên ký bảng đối chiếu; phiếu thiếu bổ sung ngay <i>Both sign the reconciliation; missing notes are supplied at once</i>	Bảng đối chiếu có chữ ký <i>Signed reconciliation</i>

Kiểm kê kho — Stock counts

Kiểm kê là cân, đong, đo, đếm số lượng, xác nhận chất lượng và giá trị tài sản tại thời điểm kiểm kê rồi so với số liệu sổ kế toán. Bắt buộc kiểm kê vào cuối kỳ kế toán năm và khi đơn vị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, chuyển đổi hoặc xảy ra hỏa hoạn, lũ lụt, thiệt hại bất thường (Luật Kế toán, Điều 40 khoản 1, 2). Sau kiểm kê phải lập báo cáo tổng hợp kết quả; chênh lệch phải xác định nguyên nhân và phản ánh vào sổ trước khi lập báo cáo tài chính (khoản 3). Ngoài kỳ bắt buộc, Hoàng Lâm kiểm kê luân phiên từng mã mỗi tháng để cuối năm không phải đếm một lần cả kho.

A count means weighing, measuring and counting quantities and confirming the quality and value of assets at the count date, then comparing with the accounting records. A count is mandatory at the end of the annual accounting period and when the entity is divided, split, merged, consolidated, dissolved or converted, or suffers fire, flood or other abnormal loss (Accounting Law, Article 40, clauses 1 and 2). A summary report must follow; differences must have their cause identified and be posted before the financial statements are prepared (clause 3). Between mandatory dates Hoang Lam counts a rotating item each month so that the year-end count is not a single pass over the whole warehouse.

Tình huống <i>Situation</i>	Ghi sổ <i>Entry</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Thiếu, chưa rõ nguyên nhân <i>Shortage, cause unknown</i>	Nợ 1381, Có 156 <i>Dr 1381, Cr 156</i>	TT 99, TK 138 phương pháp 3.3 điểm b <i>Circ. 99, acc. 138, method 3.3(b)</i>
Thiếu trong định mức hao hụt <i>Shortage within the allowed loss</i>	Nợ 632, Có 156 <i>Dr 632, Cr 156</i>	TT 99, TK 138 phương pháp 3.3 điểm a <i>Circ. 99, acc. 138, method 3.3(a)</i>
Thiếu, có người chịu bồi thường <i>Shortage, someone liable</i>	Nợ 1388 hoặc 334 (phần bồi thường), Nợ 632 (phần còn lại), Có 156 <i>Dr 1388 or 334 (compensation), Dr 632 (balance), Cr 156</i>	TT 99, TK 138 phương pháp 3.3 điểm a <i>Circ. 99, acc. 138, method 3.3(a)</i>
Thừa, chưa rõ nguyên nhân <i>Surplus, cause unknown</i>	Nợ 156, Có 3381 <i>Dr 156, Cr 3381</i>	TT 99, TK 338 phương pháp 3.1 điểm b <i>Circ. 99, acc. 338, method 3.1(b)</i>
Thừa, đã rõ do nhầm lẫn hoặc quên ghi sổ <i>Surplus, caused by error or omission</i>	Ghi bổ sung hoặc điều chỉnh sổ theo nguyên nhân <i>Post or correct according to the cause</i>	TT 99, TK 338 phương pháp 3.1 điểm a <i>Circ. 99, acc. 338, method 3.1(a)</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Kiểm kê ngày 30/11/2026. BB40: sổ ghi đủ, đếm thừa 3 bao, giá 213.000 đồng, trị giá 639.000 đồng. KG25: đếm thiếu 4 bao, giá 150.000 đồng, trị giá 600.000 đồng. Hai mã được xử lý tiếp: Tân Phong xác nhận giao dư 3 bao BB40 và Hoàng Lâm đồng ý mua nốt; Giám đốc xác định thiếu 4 bao KG25 là hao hụt do rách bao trong định mức.

Stock count on 30 November 2026. BB40: the ledger is complete but the count finds 3 bags more, at 213,000 dong, worth 639,000 dong. KG25: the count finds 4 bags fewer, at 150,000 dong, worth 600,000 dong. Both are then resolved: Tan Phong confirms it over-delivered 3 bags of BB40 and Hoang Lam agrees to buy them; the Director concludes that the 4 bags of KG25 are within the allowed loss through torn bags.

Định khoản / Journal entries

1)	Nợ TK 156 – Hàng hóa (BB40 thừa).....	639.000
	Có TK 3381 – Tài sản thừa chờ giải quyết.....	639.000
2)	Nợ TK 3381 – Tài sản thừa chờ giải quyết.....	639.000
	Nợ TK 1331 – Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ.....	51.120
	Có TK 331 – Phải trả người bán (Tân Phong).....	690.120
3)	Nợ TK 1381 – Tài sản thiếu chờ xử lý	600.000
	Có TK 156 – Hàng hóa (KG25 thiếu)	600.000
4)	Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán	600.000
	Có TK 1381 – Tài sản thiếu chờ xử lý	600.000

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Xuất kho không phiếu hoặc lập phiếu bù sau khi hàng đã đi. Biểu hiện: hóa đơn bán lập theo đơn nhưng thẻ kho không có phiếu xuất tương ứng. Hậu quả: tồn trên sổ cao hơn tồn thật, giá vốn thiếu, khi kiểm kê mới phát hiện thiếu hàng không rõ người chịu trách nhiệm. Cách tránh: thủ kho từ chối xuất khi chưa có lệnh.
Issuing without a note, or raising the note after the goods have left. Signs: a sales invoice raised from the order but no matching issue note on the bin card. Consequences: ledger stock above physical stock, cost of sales understated, a shortage discovered only at the count with nobody accountable. Remedy: the storekeeper refuses to issue until the instruction exists.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Điều chỉnh thẳng số tồn trên sổ cho khớp số đếm mà không lập biên bản kiểm kê. Sổ kế toán không có dấu vết, người kiểm tra sau không biết vì sao số đổi. Mọi chênh lệch kiểm kê phải qua biên bản, xác định nguyên nhân và ghi sổ theo bảng trên (Luật Kế toán, Điều 40 khoản 3).
Overwriting the ledger quantity to match the count with no count report. The accounting record leaves no trail and a later reviewer cannot tell why the number changed. Every count difference goes through a report, a stated cause and an entry as in the table above (Accounting Law, Article 40, clause 3).

GHI NHỚ / KEY POINT — Không phiếu không xuất, không phiếu không nhập. Thẻ kho và sổ chỉ tiết lệch nhau thì dừng lại tìm phiếu thiếu trước khi ghi tiếp.
No voucher, no issue; no voucher, no receipt. If the bin card and the subledger differ, stop and find the missing voucher before posting further.

4.6. Công nợ phải thu, phải trả — 4.6. Receivables and payables

Công nợ phải thu của khách hàng (TK 131) và phải trả người bán (TK 331) được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung, theo dõi kỳ hạn và ghi chép theo từng lần thanh toán (TT 99, TK 131 nguyên tắc b). Số dư cuối tháng 10/2026 của Hoàng Lâm: phải thu 1.536.600.000 đồng, gồm Thành Đô 1.236.600.000 và Gia An 300.000.000; phải trả Tân Phong 957.240.000 đồng.

Receivables from customers (account 131) and payables to suppliers (account 331) are kept in detail by counterparty and by nature, with maturity tracked and each settlement recorded (Circular 99, account 131, principle (b)). Hoang Lam's balances at the end of October 2026: receivables 1,536,600,000 dong, being Thanh Do 1,236,600,000 and Gia An 300,000,000; payable to Tan Phong 957,240,000 dong.

Sổ chi tiết theo đối tượng — Subledgers by counterparty

Đối tượng <i>Counterparty</i>	Dư đầu tháng <i>Opening</i>	Tăng (Nợ 131) <i>Increase (Dr 131)</i>	Giảm (Có 131) <i>Decrease (Cr 131)</i>	Dư cuối tháng <i>Closing</i>
Thành Đô	460.000.000	1.236.600.000	460.000.000	1.236.600.000
Gia An	300.000.000	0	0	300.000.000
Cộng <i>Total</i>	760.000.000	1.236.600.000	460.000.000	1.536.600.000

Tân Phong <i>Tan Phong</i>	Số tiền <i>Amount</i>	Bên <i>Side</i>
Dư đầu tháng 01/10 <i>Opening, 1 Oct</i>	845.000.000	Có <i>Cr</i>
02/10 hóa đơn SN18 <i>2 Oct, SN18 invoice</i>	501.120.000	Có <i>Cr</i>
05/10 hóa đơn BB40 <i>5 Oct, BB40 invoice</i>	231.120.000	Có <i>Cr</i>
15/10 trả bằng chuyển khoản <i>15 Oct, paid by transfer</i>	620.000.000	Nợ <i>Dr</i>
Dư cuối tháng 31/10 <i>Closing, 31 Oct</i>	957.240.000	Có <i>Cr</i>

Nợ	TK 331 – Phải trả cho người bán	Có
	SDĐK	845.000.000
(15/10) Trả Tân Phong 620.000.000	(02/10) Hóa đơn SN18 501.120.000	
	(05/10) Hóa đơn BB40 231.120.000	
Cộng PS	Cộng PS	732.240.000
	SDCK	957.240.000

Tổng các sổ chi tiết bằng số dư tài khoản tổng hợp trên sổ cái. Khi lập báo cáo tình hình tài chính, số dư chi tiết theo từng đối tượng của TK 131 được ghi vào cả hai chỉ tiêu bên Tài sản và bên Nguồn vốn, tùy dư Nợ hay dư Có (TT 99, TK 131 phần kết cấu).

The subledgers add up to the control account in the general ledger. In the statement of financial position, the balance of account 131 for each counterparty goes to the asset side or the funding side according to whether it is a debit or a credit balance (Circular 99, account 131, structure).

Tuổi nợ — Ageing

Điều khoản thanh toán của Hoàng Lâm với khách và nhà cung cấp là 30 ngày kể từ ngày hóa đơn. Tuổi nợ tính đến ngày khóa sổ 31/10/2026.

Hoang Lam's payment terms with customers and suppliers are 30 days from the invoice date. Ageing is computed to the closing date, 31/10/2026.

Đối tượng <i>Counterparty</i>	Hóa đơn <i>Invoice</i>	Số tiền <i>Amount</i>	Hạn <i>Due</i>	Quá hạn / còn <i>Overdue / left</i>
Thành Đô (phải thu) <i>Thanh Do (receivable)</i>	08/10/2026	1.236.600.000	07/11/2026	7 ngày nữa <i>7 days to go</i>
Gia An (phải thu) <i>Gia An (receivable)</i>	20/08/2026	300.000.000	19/09/2026	42 ngày <i>42 days</i>
Tân Phong (phải trả) <i>Tan Phong (payable)</i>	15/09/2026	225.000.000	15/10/2026	16 ngày <i>16 days</i>
Tân Phong (phải trả) <i>Tan Phong (payable)</i>	02/10/2026	501.120.000	01/11/2026	1 ngày nữa <i>1 days to go</i>
Tân Phong (phải trả) <i>Tan Phong (payable)</i>	05/10/2026	231.120.000	04/11/2026	4 ngày nữa <i>4 days to go</i>

Khoản trả Tân Phong 620.000.000 đồng ngày 15/10 trừ vào hóa đơn cũ nhất: hóa đơn 28/08/2026 400.000.000 đồng được thanh toán hết, hóa đơn 15/09/2026 445.000.000 đồng còn lại 225.000.000 đồng.

The 620,000,000 dong paid to Tan Phong on 15 October is applied to the oldest invoices: the 28 August 2026 invoice of 400,000,000 dong is cleared and the 15 September 2026 invoice of 445,000,000 dong is left at 225,000,000 dong.

Nhóm tuổi nợ <i>Age band</i>	Phải thu <i>Receivable</i>	Phải trả <i>Payable</i>
Chưa đến hạn <i>Not yet due</i>	1.236.600.000	732.240.000
Quá hạn 1 đến 30 ngày <i>1 to 30 days overdue</i>	0	225.000.000
Quá hạn 31 đến 60 ngày <i>31 to 60 days overdue</i>	300.000.000	0
Quá hạn trên 60 ngày <i>Over 60 days overdue</i>	0	0
Cộng <i>Total</i>	1.536.600.000	957.240.000

Nhắc nợ — Chasing payment

Cấp <i>Level</i>	Khi nào <i>When</i>	Hình thức <i>Form</i>	Người làm <i>Owner</i>
1	Trước hạn 3 ngày <i>3 days before due</i>	Thư điện tử hoặc tin nhắn kèm bản sao hóa đơn <i>Email or message with a copy of the invoice</i>	Minh Thư
2	Đúng hạn <i>On the due date</i>	Gọi điện cho kế toán của khách, hỏi ngày chuyển tiền <i>Phone the customer's accountant for the transfer date</i>	Minh Thư, phòng kinh doanh <i>Thu and Sales</i>
3	Quá hạn 1 đến 30 ngày <i>1 to 30 days overdue</i>	Thư nhắc kèm biên bản đối chiếu công nợ <i>Reminder with a balance-confirmation record</i>	Minh Thư, Hồng Nhung
4	Quá hạn trên 30 ngày <i>Over 30 days overdue</i>	Văn bản của Giám đốc; tạm dừng giao hàng mới; xem xét lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (TT 99, TK 131 nguyên tắc d, TK 229) <i>Letter from the Director; suspend new deliveries; consider an allowance for doubtful receivables (Circ. 99, acc. 131 principle (d), acc. 229)</i>	Phạm Văn Lâm

VÍ DỤ / EXAMPLE — Gia An còn nợ 300.000.000 đồng của hóa đơn 20/08/2026, hạn 19/09/2026, quá hạn 42 ngày tại 31/10/2026. Minh Thư gọi cho kế toán Gia An, gửi biên bản đối chiếu có số dư 300.000.000 đồng, báo Hồng Nhung và đề nghị Giám đốc chỉ nhận đơn mới của Gia An khi đã có lịch thanh toán bằng văn bản. Khoản này ở nhóm quá hạn 31 đến 60 ngày; nếu sang tháng thứ hai không có thanh toán, Hồng Nhung đưa vào danh sách xem xét dự phòng.

Gia An still owes 300,000,000 dong on the invoice of 20/08/2026, due 19/09/2026, 42 days overdue at 31/10/2026. Minh Thu phones Gia An's accountant, sends a confirmation record showing 300,000,000 dong, tells Hong Nhung, and asks the Director to accept new orders from Gia An only once a written payment schedule exists. The balance sits in the 31 to 60 days band; if no payment arrives in the second month, Hong Nhung puts it on the list for an allowance review.

Biên bản đối chiếu công nợ — Balance-confirmation record

Biên bản đối chiếu gồm tên hai bên, thời điểm chốt số liệu, số dư đầu kỳ, phát sinh tăng, phát sinh giảm và số dư cuối kỳ theo từng hóa đơn, nội dung chuyển khoản; người đại diện hoặc kế toán trưởng hai bên ký. Bên nhận ký xác nhận hoặc ghi rõ số khác kèm lý do, gửi lại trong thời hạn hai bên thỏa thuận.

The confirmation record names both parties and the cut-off date and sets out the opening balance, increases, decreases and closing balance invoice by invoice, with the transfer narratives; each side's representative or chief accountant signs. The recipient signs to confirm or states the different figure with the reason, and returns it within the time the parties have agreed.

Khoản mục <i>Item</i>	Số tiền (đồng) <i>Amount (dong)</i>
Số dư phải thu của Thành Đô tại 01/10/2026 <i>Thanh Do's balance at 1 October 2026</i>	460.000.000
Tăng: hóa đơn 08/10/2026 (đã gồm thuế GTGT 8%) <i>Increase: invoice of 8 October 2026 (VAT at 8% included)</i>	1.236.600.000
Giảm: thanh toán chuyển khoản 12/10/2026 <i>Decrease: bank transfer of 12 October 2026</i>	460.000.000
Số dư tại 31/10/2026 <i>Balance at 31 October 2026</i>	1.236.600.000

Thanh toán bù trừ giữa hàng mua vào và hàng bán ra phải được quy định trong hợp đồng và có biên bản đối chiếu, xác nhận của hai bên; bù trừ qua bên thứ ba cần biên bản ba bên (NĐ 181/2025 Điều 26 khoản 2 điểm a, trong VBHN 18/2026). Bù trừ không biên bản thì thuế GTGT đầu vào của phần hàng mua đó không đủ điều kiện khấu trừ.

Set-off between purchases and sales must be provided for in the contract and supported by a reconciliation record confirmed by both parties; set-off through a third party requires a three-party record (Decree 181/2025, Article 26, clause 2(a), as in VBHN 18/2026). Without the record, the input VAT on the goods bought does not meet the deduction conditions.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Không đối chiếu công nợ định kỳ. Biểu hiện: số dư trên sổ khác số khách xác nhận, mỗi bên giữ một con số. Hậu quả: tranh chấp khi đòi nợ, không có căn cứ ngay cả với số đúng. Cách tránh: gửi biên bản cuối tháng cho khách lớn, cuối quý cho khách còn lại; lưu bản có chữ ký.

No regular balance confirmation. Signs: the ledger balance differs from the customer's confirmed figure and each side holds a different number. Consequences: a dispute when chasing the debt, with no support even for the correct figure. Remedy: send records at month end to large customers, at quarter end to the rest, and file the signed copies.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Cẩn tiền khách chuyển vào sai hóa đơn hoặc ghi gộp công nợ nhiều hóa đơn thành một dòng. Biểu hiện: hóa đơn cũ vẫn treo trong khi hóa đơn mới được ghi đã thanh toán. Hậu quả: tuổi nợ sai, nhắc nhầm khách đã trả. Cách tránh: đọc nội dung chuyển khoản, hỏi khách khi thiếu số hóa đơn, cẩn theo thứ tự hóa đơn cũ nhất khi hợp đồng không quy định khác.

Matching a customer's payment to the wrong invoice, or lumping several invoices into one line. Signs: an old invoice stays open while a newer one is shown as paid. Consequences: wrong ageing, chasing a customer who has paid. Remedy: read the transfer narrative, ask the customer when the invoice number is missing, and match oldest first unless the contract says otherwise.

GHI NHỚ / KEY POINT — Mỗi số dư công nợ phải truy được tới từng hóa đơn và từng lần thanh toán. Khách không xác nhận thì số dư đó chưa phải là số chắc chắn.

Every receivable or payable balance must trace to individual invoices and individual settlements. A balance the counterparty has not confirmed is not yet a settled figure.

4.7. Tiền lương và các khoản trích theo lương — 4.7. Payroll and payroll-related contributions

Bảng lương tháng 10/2026 của Hoàng Lâm có 12 người và quỹ lương 211.000.000 đồng: 110.000.000 đồng thuộc bộ phận bán hàng (TK 641) và 101.000.000 đồng thuộc bộ phận quản lý (TK 642). Vũ Quang Huy lập bảng, Đặng Thị Hồng Nhung kiểm, giám đốc Phạm Văn Lâm ký duyệt. Minh Thư không lập lương, nhưng nhận bảng chấm công của kho để đối chiếu ngày công của thủ kho Đỗ Văn Hùng với phiếu nhập – xuất trước khi bảng lương chốt.

Hoàng Lâm's payroll for October 2026 covers 12 people and a payroll cost of VND 211,000,000: VND 110,000,000 belongs to the sales function (account 641) and VND 101,000,000 to administration (account 642). Vũ Quang Huy prepares the payroll, Đặng Thị Hồng Nhung reviews it and the director, Phạm Văn Lâm, signs it off. Minh Thư does not prepare payroll, but she receives the warehouse timesheet so that the storekeeper's days worked can be matched to goods receipt and issue notes before the payroll is closed.

Quy trình lập bảng lương hằng tháng — Monthly payroll procedure

1. Ngày làm việc cuối cùng của tháng, trưởng bộ phận nộp bảng chấm công có chữ ký (kinh doanh: Trần Đức Toàn; kho: Đỗ Văn Hùng). Kế toán đối chiếu số ngày công, ngày nghỉ phép, nghỉ ốm với đơn xin nghỉ đã duyệt.
On the last working day of the month each head of department submits a signed timesheet (sales: Trần Đức Toàn; warehouse: Đỗ Văn Hùng). The accountant matches days worked, annual leave and sick leave to approved leave requests.
2. Đối chiếu mức lương với hợp đồng lao động và phụ lục. Mọi thay đổi trong tháng (tăng lương, thôi việc, thêm người phụ thuộc) phải có quyết định hoặc bản đăng ký kèm ngày hiệu lực; không có giấy thì không đổi số.
Check each salary against the employment contract and its addenda. Any change during the month (a pay rise, a leaver, a new dependant) needs a decision or registration form showing the effective date; without paper, the figure does not change.
3. Lập bảng thanh toán tiền lương: lương, các khoản cộng, các khoản trừ, thực lĩnh, cột ký nhận hoặc ghi rõ số tài khoản ngân hàng. Hoàng Lâm trả lương qua tài khoản cá nhân, nên bảng có số tài khoản của từng người.
Prepare the payroll payment sheet: salary, additions, deductions, net pay and either a signature column or the bank account number. Hoàng Lâm pays through personal bank accounts, so the sheet shows each person's account number.
4. Tính khoản người lao động đóng: 10,5% trên tiền lương làm căn cứ đóng BHXH. Lương hợp đồng của cả 12 người ở Hoàng Lâm đều là lương đóng bảo hiểm, nên 10,5% tính trên toàn bộ lương.
Calculate the employee contributions: 10.5% of the salary on which social insurance is paid. All 12 salaries at Hoàng Lâm are insurable salaries, so 10.5% applies to the whole amount.
5. Tính thu nhập tính thuế = lương – khoản bảo hiểm đã trừ – 15.500.000 đồng giảm trừ bản thân – 6.200.000 đồng × số người phụ thuộc đã đăng ký; tra biểu 5 bậc để tính thuế TNCN khấu trừ.
Taxable income = salary – insurance deducted – VND 15,500,000 personal allowance –

VND 6,200,000 × registered dependants; apply the five-band scale to find the personal income tax to withhold.

6. Kế toán trưởng kiểm, giám đốc duyệt. Lương trả vào ngày cố định hằng tháng (05/11/2026 cho kỳ tháng 10), qua tài khoản ngân hàng của người lao động.
The chief accountant reviews and the director approves. Salaries are paid on a fixed day each month (05/11/2026 for October) into the employee's bank account.

7. Ghi sổ ba nhóm bút toán (quỹ lương, khoản trích, khoản khấu trừ), in bảng lương, đóng cùng bảng chấm công và bản duyệt thành một tập lưu theo tháng.
Post three groups of entries (payroll cost, employer contributions, deductions), print the payroll and file it with the timesheets and the approval as one monthly bundle.

Bộ luật Lao động yêu cầu người sử dụng lao động trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng hạn (Điều 94 k1); lương được trả bằng tiền mặt hoặc qua tài khoản ngân hàng, phí mở tài khoản và chuyển lương do doanh nghiệp chịu (Điều 96 k2); người hưởng lương tháng được trả một tháng một lần hoặc nửa tháng một lần, thời điểm do hai bên thỏa thuận và ấn định theo chu kỳ (Điều 97 k2).

The Labour Code requires the employer to pay wages directly, in full and on time (Article 94(1)); wages are paid in cash or through a bank account, and the employer bears the account-opening and transfer fees (Article 96(2)); monthly-paid staff are paid once a month or twice a month, on a date agreed by both sides and fixed on a regular cycle (Article 97(2)).

Bước Step	Việc Task	Người làm Owner	Đầu ra Output	Sai hay gặp Common slip
1	Nhận bảng chấm công	Vũ Quang Huy	Bảng chấm công có chữ ký	Nhận bản chưa ký, ngày công sửa tay
2	Đối chiếu hợp đồng, quyết định lương	Vũ Quang Huy	Danh sách mức lương hiện hành	Quên quyết định tăng lương giữa tháng
3	Lập bảng thanh toán lương	Vũ Quang Huy	Bảng lương 12 người	Thiếu người mới vào, còn người đã nghỉ
4	Tính 10,5% bảo hiểm	Vũ Quang Huy	Cột bảo hiểm NLĐ	Tính trên lương đã trừ phụ cấp
5	Tính thuế TNCN	Vũ Quang Huy	Cột thuế khấu trừ	Trừ người phụ thuộc chưa đăng ký
6	Kiểm, duyệt, trả lương	Nhung, Phạm Văn Lâm	Ủy nhiệm chi, bảng lương đã duyệt	Chuyển tiền trước khi có chữ ký duyệt
7	Ghi sổ, lưu tập	Vũ Quang Huy	Bút toán 334, 338, 3335	Ghi chi phí vào sai bộ phận 641, 642

Tỷ lệ trích theo lương năm 2026 — Contribution rates in 2026

Khoản <i>Item</i>	Doanh nghiệp <i>Employer</i>	Người lao động <i>Employee</i>	Căn cứ <i>Legal basis</i>
BHXH: hưu trí – tử tuất	14%	8%	Luật BHXH 41/2024 Điều 34 k1 b, Điều 33 k1 a
BHXH: ốm đau – thai sản	3%	0	Luật BHXH 41/2024 Điều 34 k1 a
BHXH: tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp	0,5%	0	NĐ 158/2025/NĐ-CP, sửa khoản 1 Điều 4 NĐ 58/2020: mức bình thường 0,5%
BHYT	3%	1,5%	NĐ 188/2025/NĐ-CP: 4,5%, doanh nghiệp 2/3, người lao động 1/3
BHTN	1%	1%	Luật Việc làm 74/2025 Điều 33; NĐ 374/2025 Điều 4
Kinh phí công đoàn	2%	0	Luật Công đoàn 50/2024 Điều 29 k1 b
Cộng	23,5%	10,5%	Doanh nghiệp: 14 + 3 + 0,5 + 3 + 1 + 2; người lao động: 8 + 1,5 + 1

Trần tiền lương đóng BHXH bắt buộc là 20 lần mức tham chiếu (Luật BHXH 41/2024 Điều 31 k1 đ). Khi chưa bãi bỏ lương cơ sở, mức tham chiếu bằng lương cơ sở (NĐ 158/2025 Điều 5 k2), tức 2.530.000 đồng từ 01/7/2026 (NĐ 161/2026 Điều 3 k2). Trần là 50.600.000 đồng; mức lương cao nhất ở Hoàng Lâm là 45.000.000 đồng, thấp hơn trần nên đóng trên toàn bộ lương. Mức 0,3% cho khoản tai nạn lao động chỉ dành cho doanh nghiệp đáp ứng điều kiện của nghị định; Hoàng Lâm áp dụng mức 0,5%.

The ceiling on salary subject to compulsory social insurance is 20 times the reference level (Law on Social Insurance 41/2024, Article 31(1)(đ)). While the base salary for public-sector pay remains in force, the reference level equals it (Decree 158/2025, Article 5(2)), that is VND 2,530,000 from 1 July 2026 (Decree 161/2026, Article 3(2)). The ceiling is VND 50,600,000; the highest salary at Hoàng Lâm is VND 45,000,000, below the ceiling, so contributions are calculated on the full salary. The 0.3% rate for the work-accident fund applies only to employers that meet the decree's conditions; Hoàng Lâm applies 0.5%.

Bảng thanh toán tiền lương tháng 10/2026 — Payroll for October 2026

Họ tên <i>Name</i>	TK	Lương <i>Salary</i>	NP T <i>Dep.</i>	BH 10,5% <i>Insur.</i>	TN tính thuế <i>Taxable</i>	TNCN <i>PIT</i>	Thực lĩnh <i>Net pay</i>
Phạm Văn Lâm	642	45.000.000	2	4.725.000	12.375.000	737.500	39.537.500

Họ tên <i>Name</i>	TK	Lương <i>Salary</i>	NP T <i>Dep.</i>	BH 10,5% <i>Insur.</i>	TN tính thuế <i>Taxable</i>	TNCN <i>PIT</i>	Thực lĩnh <i>Net pay</i>
Đặng Thị Hồng Nhung	642	25.000.000	1	2.625.000	675.000	33.750	22.341.250
Vũ Quang Huy	642	14.000.000	0	1.470.000	0	0	12.530.000
Nguyễn Minh Thư	642	9.000.000	0	945.000	0	0	8.055.000
Lê Thị Mai	642	8.000.000	1	840.000	0	0	7.160.000
Trần Đức Toàn	641	30.000.000	2	3.150.000	0	0	26.850.000
Hoàng Thu Trang	641	18.000.000	0	1.890.000	610.000	30.500	16.079.500
Bùi Văn Khánh	641	16.000.000	1	1.680.000	0	0	14.320.000
Ngô Thị Lan	641	14.000.000	0	1.470.000	0	0	12.530.000
Đỗ Văn Hùng	641	11.000.000	1	1.155.000	0	0	9.845.000
Lý Văn Sơn	641	12.000.000	2	1.260.000	0	0	10.740.000
Mai Xuân Phúc	641	9.000.000	0	945.000	0	0	8.055.000
Cộng 12 người		211.000.000	10	22.155.000	13.660.000	801.750	188.043.250

Ba người có thuế khấu trừ: Phạm Văn Lâm 737.500 đồng, Đặng Thị Hồng Nhung 33.750 đồng, Hoàng Thu Trang 30.500 đồng; tổng 801.750 đồng. Chín người còn lại có thu nhập tính thuế bằng 0 sau khi trừ bảo hiểm và giảm trừ gia cảnh.

Three people have tax withheld: Phạm Văn Lâm VND 737,500, Đặng Thị Hồng Nhung VND 33,750 and Hoàng Thu Trang VND 30,500, VND 801,750 in total. The other nine have zero taxable income after insurance and family allowances.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Phạm Văn Lâm (lương 45.000.000 đồng, 2 người phụ thuộc): bảo hiểm 10,5% = 4.725.000; thu nhập tính thuế = 45.000.000 – 4.725.000 – 15.500.000 – 2 × 6.200.000 = 12.375.000. Thuế: 10.000.000 × 5% = 500.000; phần còn lại 2.375.000 × 10% = 237.500; cộng 737.500 đồng. **Hoàng Thu Trang** (lương 18.000.000 đồng, không có người phụ thuộc): 18.000.000 – 1.890.000 – 15.500.000 = 610.000; thuế 5% = 30.500 đồng. Biểu 5 bậc theo tháng: đến 10 triệu 5%, trên 10 đến 30 triệu 10%, trên 30 đến 60 triệu 20%, trên 60 đến 100 triệu 30%, trên 100 triệu 35% (Luật TNCN VBHN 112/2026 Điều 9).

Phạm Văn Lâm (salary VND 45,000,000, 2 dependants): insurance at 10.5% = 4,725,000; taxable income = 45,000,000 – 4,725,000 – 15,500,000 – 2 × 6,200,000 = 12,375,000. Tax: 10,000,000 × 5% = 500,000; the remaining 2,375,000 × 10% = 237,500; total VND 737,500. **Hoàng Thu Trang** (salary VND 18,000,000, no dependants): 18,000,000 – 1,890,000 – 15,500,000 = 610,000; tax at 5% = VND 30,500. Monthly bands: up to 10 million 5%, over 10 up to 30 million 10%, over 30 up to 60 million 20%, over 60 up to 100 million 30%, over 100 million 35% (Law on Personal Income Tax, consolidated text 112/2026, Article 9).

Định khoản tiền lương tháng 10/2026 — Payroll entries for October 2026

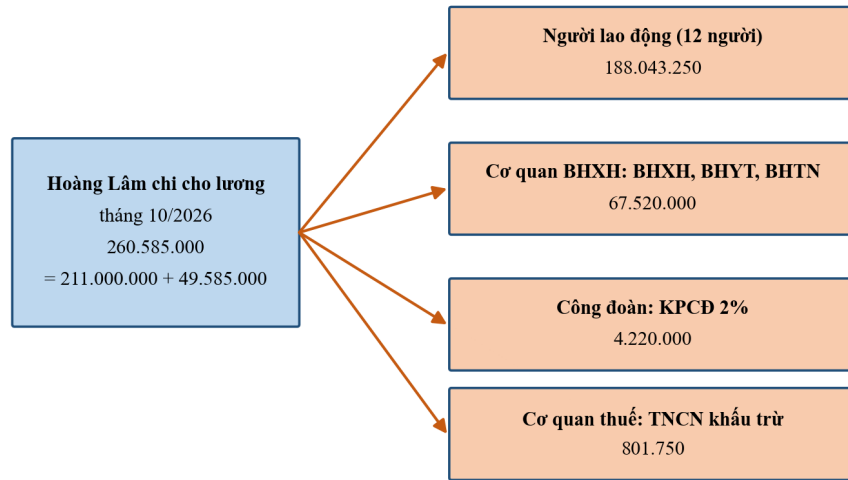
Định khoản / Journal entries

KT1	Nợ TK 641 – Chi phí bán hàng.....	110.000.000
	Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.....	101.000.000
	Có TK 334 – Phải trả người lao động.....	211.000.000
KT2	Nợ TK 641 – Chi phí bán hàng.....	25.850.000
	Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.....	23.735.000
	Có TK 3382 – Kinh phí công đoàn.....	4.220.000
	Có TK 3383 – Bảo hiểm xã hội.....	36.925.000
	Có TK 3384 – Bảo hiểm y tế.....	6.330.000
	Có TK 3386 – Bảo hiểm thất nghiệp.....	2.110.000
KT3	Nợ TK 334 – Phải trả người lao động.....	22.155.000
	Có TK 3383 – Bảo hiểm xã hội.....	16.880.000
	Có TK 3384 – Bảo hiểm y tế.....	3.165.000
	Có TK 3386 – Bảo hiểm thất nghiệp.....	2.110.000
KT4	Nợ TK 334 – Phải trả người lao động.....	801.750
	Có TK 3335 – Thuế thu nhập cá nhân.....	801.750
KT5	Nợ TK 334 – Phải trả người lao động.....	188.043.250
	Có TK 112 – Tiền gửi không kỳ hạn.....	188.043.250

KT1 ghi nhận quỹ lương cuối tháng 10. KT2 là phần doanh nghiệp chịu (49.585.000 đồng, 23,5% quỹ lương), ghi vào chi phí cùng bộ phận với lương. KT3 và KT4 trừ vào lương của người lao động. KT5 là chi trả ngày 05/11/2026, nên cuối tháng 10 TK 334 còn dư Có 188.043.250 đồng.

Entry KT1 records the payroll cost at the end of October. KT2 is the employer's share (VND 49,585,000, 23.5% of payroll cost), charged to the same function as the salary. KT3 and KT4 are deducted from the employees' pay. KT5 is the payment on 05/11/2026, so at the end of October account 334 still carries a credit balance of VND 188,043,250.

Nợ		TK 334 – Phải trả người lao động		Có	
Dr		Account 334 – Payables to employees		Cr	
(KT3) BH khấu trừ		22.155.000	(KT1) Quỹ lương	211.000.000	
(KT4) TNCN khấu trừ		801.750			
Cộng PS		22.956.750	Cộng PS	211.000.000	
			SDCK	188.043.250	



Hình 4.3. Tiền Hoàng Lâm chi cho lương tháng 10/2026 đi đến những ai

Figure 4.3. Who receives the money Hoàng Lâm spends on October 2026 payroll

Nộp bảo hiểm, kinh phí công đoàn và khai thuế TNCN — Paying insurance and union fees, and filing personal income tax

Khoản <i>Item</i>	Số tiền <i>Amount</i>	Nộp cho <i>Paid to</i>	Thời hạn <i>Deadline</i>
BHXH (TK 3383)	53.805.000	Cơ quan BHXH	Ngày cuối cùng của tháng tiếp theo với phương thức đóng hằng tháng (Luật BHXH Điều 34 k4 a)
BHYT (TK 3384)	9.495.000	Cơ quan BHXH	Nộp cùng hồ sơ đóng bảo hiểm tháng
BHTN (TK 3386)	4.220.000	Cơ quan BHXH	Nộp cùng hồ sơ đóng bảo hiểm tháng
Kinh phí công đoàn (TK 3382)	4.220.000	Công đoàn	Theo hướng dẫn của công đoàn cấp trên
Thuế TNCN (TK 3335)	801.750	Cơ quan thuế	Khai theo quý: ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau (NĐ 252/2026 Điều 10 k3; TT 89/2026 Điều 22 k1 a)

Mỗi khoản BH nộp gồm cả phần của doanh nghiệp và phần trừ vào lương: BHXH 53.805.000 = 36.925.000 + 16.880.000. Tổng nộp cơ quan BHXH 67.520.000 đồng. Tờ khai thuế TNCN của tổ chức trả lương là mẫu 05/KK-TNCN theo quý, quyết toán năm là mẫu 05/QT-TNCN (TT 89/2026, Phụ lục I). Tiền thuế nộp chậm nhất vào ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai (Luật Quản lý thuế 108/2025 Điều 14 k1 a).

Each insurance payment combines the employer's share and the amount deducted from pay: social insurance 53,805,000 = 36,925,000 + 16,880,000. The total paid to the social insurance agency is VND 67,520,000. The personal income tax return of a payer of salaries is form 05/KK-TNCN each quarter, and the annual finalisation is form 05/QT-TNCN (Circular 89/2026,

Appendix I). The tax is due on the last day of the filing deadline (Law on Tax Administration 108/2025, Article 14(1)(a)).

Bốn lần đối chiếu trước khi chuyển lương — Four checks before the salary transfer

Đối chiếu <i>Check</i>	Với <i>Against</i>	Chênh lệch hay gặp <i>Typical difference</i>	Xử lý <i>Action</i>
Số người trên bảng lương	Danh sách hợp đồng đang hiệu lực, hồ sơ BHXH	Người mới chưa vào bảng, người nghỉ vẫn còn tên	Hỏi hành chính nhân sự, cập nhật trước khi chốt
Tổng thực lĩnh 188.043.250	Tổng tiền trên ủy nhiệm chi hoặc file chuyển lương	Sai số tài khoản, số lẻ làm tròn	Lập lại file từ bảng lương, không sửa tay trên ngân hàng
Bảo hiểm 67.520.000 nộp cơ quan BHXH	Thông báo đóng bảo hiểm tháng của cơ quan BHXH	Mức lương đóng khác bảng lương	Đối chiếu từng người, báo bộ phận nhân sự điều chỉnh mức đóng
Chi phí lương 641 110.000.000, 642 101.000.000	Cột bộ phận trên bảng lương	Người chuyển phòng giữa tháng	Ghi theo quyết định điều chuyển, ngày hiệu lực

Làm thêm giờ, ngừng việc, trả lương chậm — Overtime, work stoppage, late payment

Tình huống <i>Situation</i>	Quy định <i>Rule</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Làm thêm giờ ngày thường	Ít nhất 150% đơn giá hoặc tiền lương thực trả	BLLĐ Điều 98 k1 a
Làm thêm giờ ngày nghỉ hằng tuần	Ít nhất 200%	BLLĐ Điều 98 k1 b
Làm thêm giờ ngày lễ, tết, nghỉ có hưởng lương	Ít nhất 300%, chưa kể tiền lương ngày lễ, tết với người hưởng lương ngày	BLLĐ Điều 98 k1 c
Làm việc ban đêm	Trả thêm ít nhất 30% tiền lương của ngày làm việc bình thường; làm thêm giờ ban đêm trả thêm 20% nữa	BLLĐ Điều 98 k2, k3
Ngừng việc do lỗi của người sử dụng lao động	Trả đủ tiền lương theo hợp đồng	BLLĐ Điều 99 k1
Trả lương chậm do bất khả kháng	Không chậm quá 30 ngày; chậm từ 15 ngày trở lên phải đền bù tối thiểu bằng lãi tiền gửi kỳ hạn 01 tháng	BLLĐ Điều 97 k4

Cột phụ cấp, làm thêm giờ của bảng lương phải tách riêng với lương cơ bản để bộ phận nhân sự xác nhận; kế toán không tự quyết định tỷ lệ làm thêm giờ, chỉ áp theo bảng giờ làm thêm đã được trường bộ phận và giám đốc ký.

The allowance and overtime columns of the payroll are kept separate from basic salary so human resources can confirm them; the accountant does not decide overtime rates but applies the overtime sheet signed by the head of department and the director.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Trừ giảm trừ người phụ thuộc cho người chưa đăng ký, hoặc quên cập nhật khi người phụ thuộc hết điều kiện. Thuế khấu trừ thiếu thì doanh nghiệp, với tư cách người khấu trừ, bị truy thu và xử phạt. Mỗi quý, đối chiếu danh sách người phụ thuộc với hồ sơ đăng ký và giấy tờ chứng minh trước khi chốt tờ khai 05/KK-TNCN.

Applying a dependant allowance for someone who is not registered, or failing to update it when a dependant stops qualifying. If too little tax is withheld, the company, as withholding agent, is assessed and penalised. Each quarter, match the list of dependants to the registration file and supporting papers before finalising form 05/KK-TNCN.

GHI NHỚ / KEY POINT — Bảng lương có ba nhóm số phải khớp nhau: quỹ lương = thực lĩnh + bảo hiểm trừ vào lương + thuế TNCN khấu trừ (211.000.000 = 188.043.250 + 22.155.000 + 801.750). Số trích của doanh nghiệp không nằm trong bảng thực lĩnh nhưng nằm trong chi phí.

Three groups of figures in the payroll must agree: payroll cost = net pay + insurance deducted from pay + personal income tax withheld (211,000,000 = 188,043,250 + 22,155,000 + 801,750). The employer's contributions are not in net pay but are in expenses.

4.8. Khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí chờ phân bổ — 4.8. Depreciation and amortisation of prepayments

Tài sản cố định (TSCĐ) phải thỏa đồng thời ba tiêu chuẩn: chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai, thời gian sử dụng trên 1 năm, nguyên giá xác định tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng trở lên (TT 45/2013/TT-BTC Điều 3 k1). Bộ bàn ghế 18.000.000 đồng thiếu tiêu chuẩn giá trị, nên là công cụ, dụng cụ (TK 153) và phân bổ qua TK 242, không khấu hao.

A fixed asset must meet three tests at once: future economic benefit is probable, useful life exceeds one year, and cost can be measured reliably at VND 30,000,000 or more (Circular 45/2013/TT-BTC, Article 3(1)). A set of office furniture costing VND 18,000,000 fails the value test, so it is a tool or supply (account 153) written off through account 242, not depreciated.

Khoản mua <i>Purchase</i>	Giá trị <i>Value</i>	Xếp loại <i>Treatment</i>	Hạch toán <i>Accounting</i>
Xe tải giao hàng	1.140.000.000	TSCĐ hữu hình	Nợ 211; khấu hao hằng tháng vào 641
Máy vi tính để bàn	18.000.000	Công cụ, dụng cụ (dưới 30.000.000 đồng)	Nợ 153 khi nhập; phân bổ qua 242 nếu dùng nhiều kỳ

Khoản mua <i>Purchase</i>	Giá trị <i>Value</i>	Xếp loại <i>Treatment</i>	Hạch toán <i>Accounting</i>
Hệ thống kệ kho	48.000.000	TSCĐ hữu hình nếu thỏa ba tiêu chuẩn	Nợ 211 nếu xác định được nguyên giá tin cậy
Sửa chữa xe nhỏ trong tháng	6.500.000	Chi phí kỳ này	Nợ 641; không tính vào nguyên giá

Thông tư 45/2013 tiếp tục có hiệu lực theo Quyết định 1760/QĐ-BTC ngày 01/7/2026 của Bộ Tài chính, áp dụng không quá ngày 31/12/2026. Từ 01/01/2027, đọc lại văn bản mới trước khi lập bảng khấu hao năm 2027; sách này chưa thấy văn bản thay thế.

Circular 45/2013 stays in force under Decision 1760/QĐ-BTC of 1 July 2026 of the Ministry of Finance, applicable for no longer than 31 December 2026. From 1 January 2027, read any new document before preparing the 2027 depreciation schedule; no replacement has been found for this book.

Phương pháp và thời gian khấu hao — *Methods and useful lives*

Doanh nghiệp chọn một trong ba phương pháp: đường thẳng, số dư giảm dần có điều chỉnh, theo sản lượng (Điều 13 k1). Hoàng Lâm dùng đường thẳng: mức khấu hao năm = nguyên giá ÷ thời gian trích khấu hao, mức tháng = mức năm ÷ 12. Việc trích hoặc thôi trích khấu hao bắt đầu từ ngày (theo số ngày của tháng) mà TSCĐ tăng hoặc giảm (Điều 9 k9); phần mềm kế toán thường cho chọn trích tròn tháng hoặc theo ngày, công ty chọn một cách và giữ nhất quán.

A company chooses one of three methods: straight line, adjusted declining balance, or units of production (Article 13(1)). Hoàng Lâm uses straight line: annual depreciation = cost ÷ depreciation period, monthly depreciation = annual ÷ 12. Depreciation starts or stops from the day (by day of the month) on which the asset is added or removed (Article 9(9)); accounting software usually lets the company choose whole months or days, and the company picks one and applies it consistently.

Nhóm tài sản <i>Asset group</i>	Tối thiểu (năm) <i>Min (years)</i>	Tối đa (năm) <i>Max (years)</i>
D1. Phương tiện vận tải đường bộ	6	10
E2. Máy móc, thiết bị thông tin, điện tử, phần mềm tin học phục vụ quản lý	3	8
B16. Máy móc, thiết bị viễn thông, thông tin, điện tử, tin học và truyền hình	3	15
G1. Nhà cửa loại kiên cố	25	50
K. TSCĐ vô hình khác	2	20

Nguồn: TT 45/2013, Phụ lục I (VBHN 19/2017/BTC), trích các nhóm Hoàng Lâm gặp. Xe tải giao hàng 10 năm nằm trong khung 6–10 năm của nhóm D1.

Source: Circular 45/2013, Appendix I (consolidated text 19/2017/BTC), the groups Hoàng Lâm meets. The delivery truck at 10 years lies within the 6 to 10 year range of group D1.

Khấu hao tháng 10/2026 của Hoàng Lâm — Hoàng Lâm's October 2026 depreciation

Tài sản <i>Asset</i>	Nguyên giá <i>Cost</i>	Thời gian <i>Life</i>	Khấu hao tháng <i>Monthly charge</i>	Ghi vào <i>Charged to</i>
Xe tải giao hàng	1.140.000.000	10 năm	9.500.000	TK 641 – bán hàng
Kệ kho, thiết bị quản lý	480.000.000	8 năm	5.000.000	TK 642 – quản lý
Cộng	1.620.000.000		14.500.000	

VÍ DỤ / EXAMPLE — Tính nhanh khấu hao xe tải: nguyên giá 1.140.000.000 đồng, thời gian 10 năm. Mức năm = $1.140.000.000 \div 10 = 114.000.000$ đồng; mức tháng = $114.000.000 \div 12 = 9.500.000$ đồng. Kiểm bằng cách nhân ngược: $9.500.000 \times 120 \text{ tháng} = 1.140.000.000$ đồng. Kệ kho, thiết bị: $480.000.000 \div 8 \div 12 = 5.000.000$ đồng mỗi tháng.
Quick check of the truck's depreciation: cost VND 1,140,000,000, life 10 years. Annual charge = $1,140,000,000 \div 10 = 114,000,000$; monthly = $114,000,000 \div 12 = \text{VND } 9,500,000$. Verify by multiplying back: $9,500,000 \times 120 \text{ months} = 1,140,000,000$. Racking and equipment: $480,000,000 \div 8 \div 12 = \text{VND } 5,000,000$ a month.

Định khoản / Journal entries

KT6 Nợ TK 641 – Chi phí bán hàng..... 9.500.000
 Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp..... 5.000.000
 Có TK 2141 – Hao mòn TSCĐ hữu hình..... 14.500.000

Hao mòn lũy kế đầu tháng 486.000.000 đồng, cuối tháng 500.500.000 đồng; giá trị còn lại của TSCĐ cuối tháng 10 là $1.620.000.000 - 500.500.000 = 1.119.500.000$ đồng. Về thuế TNDN, khoản chi khấu hao được trừ khi trích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính; riêng ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống, phần nguyên giá vượt 1,6 tỷ đồng mỗi xe không được trừ (VBHN 19/2026/BTC). Xe tải của Hoàng Lâm không thuộc loại này.

Accumulated depreciation was VND 486,000,000 at the start of the month and VND 500,500,000 at the end; the net book value of fixed assets at the end of October is $1,620,000,000 - 500,500,000 = \text{VND } 1,119,500,000$. For corporate income tax, depreciation is deductible when charged in line with the Minister of Finance's rules; for passenger cars of nine seats or fewer, the part of cost above VND 1.6 billion per vehicle is not deductible (consolidated text 19/2026/BTC). Hoàng Lâm's truck is not such a vehicle.

Sổ TSCĐ và thẻ TSCĐ — Fixed asset register and asset cards

Mỗi TSCĐ có một thẻ hoặc một dòng trong sổ TSCĐ với các cột: mã tài sản, tên, ngày đưa vào sử dụng, nguyên giá, thời gian trích khấu hao, mức khấu hao tháng, hao mòn lũy kế, bộ phận sử dụng, nơi đặt. Kiểm kê cuối năm lấy sổ này làm danh sách đi đếm tài sản. Khi mua mới, thanh lý hay chuyển bộ phận, kế toán sửa sổ cùng ngày có chứng từ, không chờ đến cuối tháng.

Each fixed asset has a card or a line in the asset register with columns for asset code, name, date placed in service, cost, depreciation period, monthly charge, accumulated depreciation, user department and location. The year-end count uses the register as the list of assets to find. On a purchase, disposal or transfer, the accountant updates the register on the date of the document, not at month end.

Chi phí chờ phân bổ (TK 242) — *Prepayments to be amortised (account 242)*

TK 242 có số dư đầu tháng 24.000.000 đồng là phí bản quyền và bảo trì phần mềm kế toán trả trước cho 6 tháng. Mỗi tháng phân bổ 4.000.000 đồng vào chi phí quản lý. Công cụ, dụng cụ xuất dùng cho nhiều kỳ cũng đi qua TK 242: ghi Nợ 242, Có 153 khi xuất, rồi mỗi kỳ ghi Nợ 641, 642 hoặc 623, 627, Có 242 (TT 99/2025, hướng dẫn TK 153).

Account 242 opened the month at VND 24,000,000, being the licence and maintenance fee for the accounting software paid for 6 months in advance. Each month VND 4,000,000 is charged to administrative expense. Tools and supplies issued for use over several periods also pass through account 242: debit 242 and credit 153 on issue, then each period debit 641, 642 (or 623, 627) and credit 242 (Circular 99/2025, guidance on account 153).

Định khoản / Journal entries

KT7 Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp..... 4.000.000
 Có TK 242 – Chi phí chờ phân bổ..... 4.000.000

Nợ Dr	TK 242 – Chi phí chờ phân bổ Account 242 – Prepayments	Có Cr
SĐBK	24.000.000	
	(KT7) Phân bổ tháng 10	4.000.000
Cộng PS	0	Cộng PS 4.000.000
SDCK	20.000.000	

VÍ DỤ / EXAMPLE — Ngày 03/11/2026 Hoàng Lâm xuất kho một bộ bàn ghế văn phòng giá 18.000.000 đồng, dùng ở phòng kế toán trong 6 tháng. Bút toán xuất: Nợ 242, Có 153 18.000.000. Mỗi tháng từ tháng 11: Nợ 642, Có 242 3.000.000 đồng (18.000.000 ÷ 6). Phiếu xuất kho, biên bản giao nhận và bảng phân bổ là bộ chứng từ để người kiểm tra lần lại từng kỳ.

On 3 November 2026 Hoàng Lâm issues a set of office furniture costing VND 18,000,000 for use in the accounts office over 6 months. Issue entry: debit 242, credit 153 18,000,000. Each month from November: debit 642, credit 242 3,000,000 (18,000,000 ÷ 6). The issue note, handover record and amortisation schedule are the papers a reviewer follows period by period.

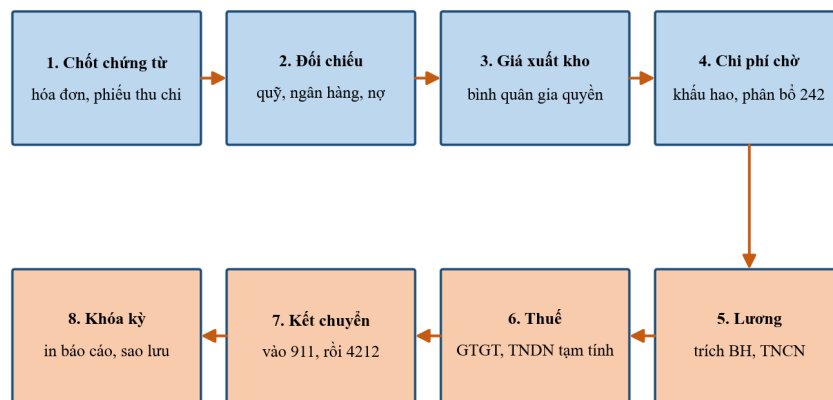
LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Quên trích khấu hao tháng tài sản mới đưa vào sử dụng, hoặc tiếp tục trích sau khi đã thanh lý. Hai lỗi làm chi phí và giá trị còn lại sai cùng lúc. Mỗi tháng, đối chiếu bảng khấu hao với sổ TSCĐ: tài sản mới tăng trong tháng, tài sản giảm trong tháng, tài sản đã trích đủ nguyên giá.

Forgetting to depreciate an asset placed in service this month, or continuing to depreciate after disposal. Both errors distort expense and net book value at the same time. Each month, match the depreciation schedule to the asset register: assets added, assets removed and assets fully depreciated.

4.9. Khóa sổ cuối tháng — 4.9. Month-end close

Đơn vị kế toán phải khóa sổ vào cuối kỳ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính (Luật Kế toán Điều 26 k6). Hoàng Lâm khóa sổ hằng tháng để có lãi lỗ cho giám đốc; sổ ghi bằng phương tiện điện tử vẫn phải in ra giấy, ký và đóng thành quyển sau khi khóa sổ (Điều 26 k7).

An accounting unit must close its books at the end of the accounting period before preparing financial statements (Accounting Law, Article 26(6)). Hoàng Lâm closes monthly so the director sees profit or loss; books kept electronically must still be printed, signed and bound after closing (Article 26(7)).



Hình 4.4. Trình tự khóa sổ tháng của Hoàng Lâm

Figure 4.4. Hoàng Lâm's month-end closing sequence

Bước 1: tính giá xuất kho bình quân gia quyền — Step 1: weighted average cost of issues

Hoàng Lâm tính giá xuất kho theo bình quân gia quyền cuối tháng: đơn giá = (giá trị tồn đầu + giá trị nhập trong tháng) ÷ (số lượng tồn đầu + số lượng nhập). Cước vận chuyển 5.000.000 đồng của lô BB40 tính vào giá nhập của mã này. TT 99/2025 mô tả phương pháp này là giá trị trung bình của hàng tồn đầu kỳ và hàng nhập trong kỳ, tính theo kỳ hoặc sau mỗi lô nhập.

Hoàng Lâm values issues at the month-end weighted average: unit cost = (opening value + value received in the month) ÷ (opening quantity + quantity received). The VND 5,000,000 freight on the BB40 lot is added to the cost of that item. Circular 99/2025 describes the method as the average of opening inventory and purchases in the period, computed per period or after each receipt.

Mã Code	Tồn đầu SL Open qty	Tồn đầu GT Open value	Nhập SL In qty	Nhập GT In value	Cộng SL Total qty	Cộng GT Total value	Đơn giá BQ Avg cost
SN18	600	690.000.000	400	464.000.000	1.000	1.154.000.000	1.154.000
SNT18	300	504.000.000	0	0	300	504.000.000	1.680.000
BB40	2.000	420.000.000	1.000	219.000.000	3.000	639.000.000	213.000
KG25	1.500	225.000.000	0	0	1.500	225.000.000	150.000

Mã Code	Xuất SL Issued qty	Giá vốn Cost of sales	Tồn cuối SL Closing qty	Tồn cuối GT Closing value
SN18	500	577.000.000	500	577.000.000
SNT18	200	336.000.000	100	168.000.000
BB40	1.200	255.600.000	1.800	383.400.000
KG25	800	120.000.000	700	105.000.000
Cộng	2.700	1.288.600.000	3.100	1.233.400.000

Giá vốn tháng 10 là 1.288.600.000 đồng: SN18 500 thùng $\times$ 1.154.000 = 577.000.000; SNT18 200 $\times$ 1.680.000 = 336.000.000; BB40 1.200 bao $\times$ 213.000 = 255.600.000; KG25 800 $\times$ 150.000 = 120.000.000.

Cost of sales for October is VND 1,288,600,000: SN18 500 drums $\times$ 1,154,000 = 577,000,000; SNT18 200 $\times$ 1,680,000 = 336,000,000; BB40 1,200 bags $\times$ 213,000 = 255,600,000; KG25 800 $\times$ 150,000 = 120,000,000.

Bước 2: kết chuyển và xác định lãi lỗ — Step 2: closing entries and profit for the month

TT 99/2025 hướng dẫn cuối kỳ kết chuyển doanh thu (Nợ 511, Có 911), kết chuyển chi phí (Nợ 911, Có 632, 635, 641, 642), kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành (Nợ 911, Có 8211), rồi kết chuyển lãi (Nợ 911, Có 4212). Hoàng Lâm tạm tính TNDN 17% hằng tháng để giám đốc xem lãi sau thuế; tiền thuế nộp theo quý (mục 4.10).

Circular 99/2025 prescribes closing revenue (debit 511, credit 911), closing expenses (debit 911, credit 632, 635, 641, 642), closing current corporate income tax expense (debit 911, credit 8211) and then closing the profit (debit 911, credit 4212). Hoàng Lâm provides corporate income tax at 17% each month so the director sees profit after tax; the cash is paid quarterly (section 4.10).

Định khoản / Journal entries

KT8	Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán.....	1.288.600.000
	Có TK 156 – Hàng hóa.....	1.288.600.000
KT9	Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	1.619.000.000
	Có TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.....	1.619.000.000
KT10	Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.....	1.574.385.000
	Có TK 632 – Giá vốn hàng bán.....	1.288.600.000
	Có TK 641 – Chi phí bán hàng.....	145.350.000
	Có TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.....	136.235.000
	Có TK 635 – Chi phí tài chính.....	4.200.000
KT11	Nợ TK 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành.....	7.584.550
	Có TK 3334 – Thuế thu nhập doanh nghiệp.....	7.584.550
KT12	Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.....	7.584.550
	Có TK 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành.....	7.584.550
KT13	Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.....	37.030.450
	Có TK 4212 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay.....	37.030.450

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh				Có
Nợ				Cr
Dr				
(KT10) Chi phí	1.574.385.000	(KT9) Doanh thu	1.619.000.000	
	0		0	
(KT12) TNDN	7.584.550			
(KT13) Lãi	37.030.450			
Cộng PS	1.619.000.000	Cộng PS	1.619.000.000	
	0		0	
SDCK	0			

Chỉ tiêu <i>Item</i>	Số tiền <i>Amount</i>	Cách tính <i>Calculation</i>
Doanh thu bán hàng	1.619.000.000	Thành Đô 1.145.000.000 + khách lẻ 474.000.000
Giá vốn hàng bán	1.288.600.000	Bảng bình quân gia quyền
Lợi nhuận gộp	330.400.000	1.619.000.000 – 1.288.600.000
Chi phí bán hàng (641)	145.350.000	Lương 110.000.000 + trích 25.850.000 + khấu hao 9.500.000
Chi phí quản lý (642)	136.235.000	Lương 101.000.000 + trích 23.735.000 + khấu hao 5.000.000 + 242 4.000.000 + cước 2.500.000
Chi phí tài chính (635)	4.200.000	$700.000.000 \times 7,2\% \div 12$
Lợi nhuận trước thuế	44.615.000	Lợi nhuận gộp – 641 – 642 – 635
Chi phí thuế TNDN (8211)	7.584.550	$44.615.000 \times 17\%$

Chỉ tiêu <i>Item</i>	Số tiền <i>Amount</i>	Cách tính <i>Calculation</i>
Lợi nhuận sau thuế	37.030.450	Kết chuyển vào TK 4212

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Tính giá xuất kho trước khi nhập hết hóa đơn và phiếu nhập của tháng. Giá bình quân đổi theo từng lô nhập, nên giá vốn đã ghi phải tính lại và kéo theo lãi lỗ. Khóa sổ kho (thủ kho ký xác nhận số tồn) rồi mới tính giá; hóa đơn đến muộn xử lý sang tháng sau, ghi chú vào bảng theo dõi.

Calculating the issue cost before every invoice and goods receipt of the month is in. The average moves with each lot, so cost of sales already posted must be recomputed, and profit with it. Close the stock record first (the storekeeper signs the closing quantities), then compute cost; late invoices go to next month, noted on a tracking list.

Chênh lệch hay gặp khi khóa sổ — *Differences often found at close*

Biểu hiện <i>Symptom</i>	Thường do <i>Usual cause</i>	Xử lý <i>Action</i>
Số dư tiền gửi trên sổ khác sổ phụ ngân hàng	Phí ngân hàng, lãi tiền gửi chưa ghi; ủy nhiệm chi chưa qua ngân hàng	Lập bảng đối chiếu từng khoản, ghi các khoản chưa ghi sổ
Tồn kho trên sổ khác thẻ kho	Phiếu nhập hoặc xuất ghi sai ngày, thiếu phiếu	Đối chiếu từng phiếu của mã chênh lệch, cùng thủ kho
Công nợ khác sổ khách hàng xác nhận	Hàng trả lại, chiết khấu, tiền đang chuyển	Lập biên bản đối chiếu, ghi các khoản chênh lệch có chứng từ
Tổng Nợ khác tổng Có trên bảng cân đối sổ phát sinh	Bút toán một bên, sửa chứng từ sau khi ghi	Tìm bút toán lệch theo số tiền và ngày
TK 911 còn số dư sau kết chuyển	Quên kết chuyển một tài khoản, hoặc ghi sai khi kết chuyển	Lập bút toán kết chuyển bổ sung có chữ ký Kế toán trưởng

Checklist khóa sổ tháng — *Month-end closing checklist*

Bước <i>Step</i>	Việc kiểm <i>Check</i>	Người làm <i>Owner</i>	Đối chiếu với <i>Matched to</i>
1	Chốt hóa đơn, phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập, phiếu xuất phát sinh đến cuối tháng; kiểm số thứ tự liên tục	Huy, Thu	Danh sách chứng từ
2	Ghi đủ hóa đơn đầu vào có ngày hóa đơn trong tháng; hóa đơn đến muộn để sang tháng sau	Thu	Cổng hóa đơn điện tử
3	Kiểm kê quỹ tiền mặt, đối chiếu sổ quỹ: số dư 92.000.000 đồng	Mai, Huy	Biên bản kiểm kê quỹ

Bước <i>Step</i>	Việc kiểm <i>Check</i>	Người làm <i>Owner</i>	Đối chiếu với <i>Matched to</i>
4	Đối chiếu số dư TK 112 với sổ phụ ngân hàng ngày cuối tháng	Huy	Sổ phụ ngân hàng
5	Đối chiếu công nợ phải thu: Thành Đô 1.236.600.000 đồng	Thư	Biên bản đối chiếu công nợ
6	Đối chiếu công nợ phải trả: Tân Phong 957.240.000 đồng	Thư	Xác nhận của nhà cung cấp
7	Đối chiếu số lượng tồn cuối từng mã giữa thẻ kho và sổ chi tiết	Thư, Hùng	Thẻ kho, sổ chi tiết TK 156
8	Tính giá xuất kho bình quân, ghi giá vốn 1.288.600.000 đồng	Thư	Bảng nhập – xuất – tồn
9	Tính lương, trích bảo hiểm, khấu trừ TNCN: 211.000.000; 49.585.000; 22.155.000; 801.750	Huy	Bảng lương đã duyệt
10	Trích khấu hao 14.500.000 đồng	Huy	Bảng khấu hao, sổ TSCĐ
11	Phân bổ TK 242: 4.000.000 đồng	Huy	Bảng phân bổ
12	Ghi lãi vay 4.200.000 đồng	Huy	Hợp đồng vay, thông báo lãi
13	Rà chi phí chưa có hóa đơn hoặc chứng từ hợp lệ; ghi riêng để Kế toán trưởng quyết định	Nhung	Danh sách chi phí treo
14	Khấu trừ GTGT: Nợ 33311, Có 1331 54.890.000 đồng	Huy	Bảng kê hóa đơn đầu vào
15	Tạm tính TNDN 17%: 7.584.550 đồng	Nhung	Bảng kết quả kinh doanh
16	Kết chuyển 511, 632, 635, 641, 642, 8211 vào 911 rồi chuyển lãi vào 4212	Huy	Sổ cái TK 911
17	Chạy bảng cân đối số phát sinh: tổng Nợ bằng tổng Có; mọi TK tạm thời hết số dư	Huy	Bảng cân đối số phát sinh
18	Khóa kỳ trên phần mềm, in sổ và báo cáo tháng, sao lưu dữ liệu	Nhung khóa, Huy	Báo cáo tháng đã ký

Báo cáo tháng gửi giám đốc — *Monthly report to the director*

- Doanh thu 1.619.000.000 đồng, giá vốn 1.288.600.000 đồng, lợi nhuận gộp 330.400.000 đồng.
Revenue VND 1,619,000,000, cost of sales VND 1,288,600,000, gross profit VND 330,400,000.

- Chi phí bán hàng 145.350.000 đồng, chi phí quản lý 136.235.000 đồng, lãi vay 4.200.000 đồng; lợi nhuận trước thuế 44.615.000 đồng.
Selling expenses VND 145,350,000, administrative expenses VND 136,235,000, interest VND 4,200,000; profit before tax VND 44,615,000.
- Công nợ cuối tháng: phải thu Thành Đô 1.236.600.000 đồng, phải trả Tân Phong 957.240.000 đồng; quỹ tiền mặt 92.000.000 đồng.
Balances at month end: receivable from Thành Đô VND 1,236,600,000, payable to Tân Phong VND 957,240,000; cash in hand VND 92,000,000.
- Thuế phải nộp đã phát sinh: GTGT 74.630.000 đồng, TNCN 801.750 đồng, TNDN tạm tính 7.584.550 đồng, kèm hạn nộp của từng loại.
Tax accrued: VAT VND 74,630,000, personal income tax VND 801,750, provisional corporate income tax VND 7,584,550, with the due date of each.

GHI NHỚ / KEY POINT — Sau khi khóa kỳ, chỉ sửa số liệu tháng đó bằng bút toán điều chỉnh có chữ ký Kế toán trưởng. Mở khóa kỳ để sửa số là cách nhanh nhất làm báo cáo đã gửi giám đốc lệch với sổ.

Once the period is locked, change that month's figures only by an adjusting entry signed by the chief accountant. Reopening a locked period to edit figures is the quickest way to make the report already sent to the director disagree with the ledger.

4.10. Thuế hàng quý: GTGT, TNCN, TNDN tạm nộp — 4.10. Quarterly taxes: VAT, personal income tax, provisional corporate income tax

Hoàng Lâm có tổng doanh thu năm trước liền kề là 18,6 tỷ đồng, không quá 50 tỷ nên được chọn khai thuế GTGT theo quý (TT 89/2026 Điều 19 k1 b.1.1). Người nộp thuế đổi từ khai tháng sang khai quý gửi thông báo mẫu 01/ĐK-TĐKTT chậm nhất ngày 31 tháng 01 của năm bắt đầu khai theo quý. Hạn nộp hồ sơ khai quý là ngày cuối cùng của tháng đầu của quý tiếp theo (NĐ 252/2026 Điều 10 k3); tiền thuế nộp chậm nhất cùng hạn đó (Luật QLT 108/2025 Điều 14 k1 a).

Hoàng Lâm's total revenue in the preceding year was VND 18.6 billion, not more than 50 billion, so it may file VAT returns quarterly (Circular 89/2026, Article 19(1)(b.1.1)). A taxpayer moving from monthly to quarterly filing sends notification form 01/ĐK-TĐKTT no later than 31 January of the year quarterly filing starts. The quarterly return is due on the last day of the first month of the following quarter (Decree 252/2026, Article 10(3)); the tax is payable no later than the same date (Law on Tax Administration 108/2025, Article 14(1)(a)).

Tổng hợp GTGT tháng 10/2026 — VAT summary for October 2026

Khoản Item	Giá chưa thuế Net of VAT	Thuế suất Rate	Thuế GTGT VAT
Đầu ra: bán Công ty CP Xây dựng Thành Đô	1.145.000.000	8%	91.600.000
Đầu ra: bán khách lẻ (BB40, KG25)	474.000.000	8%	37.920.000